

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

Thay đổi và
Tăng tốc thay đổi





Mục lục

- | | |
|--|--|
| 05 Định hướng phát triển | 49 Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc về tình hình hoạt động trong năm |
| 10 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc | 95 Trách nhiệm đối với môi trường và xã hội |
| 12 Giới thiệu chung | 113 Quản trị công ty |
| 36 Tổng quan về kết quả kinh doanh | 132 Báo cáo tài chính Hợp nhất |
| 43 Đánh giá của Hội đồng quản trị | 194 Phụ lục các thông tin bổ sung |

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Danh mục viết tắt

ASK	Available Seat Kilometers (Ghế luân chuyển)	LNTT	Lợi nhuận trước thuế
AFTK	Available Freight Tonne Kilometers (Tài cung ứng luân chuyển)	LNST	Lợi nhuận sau thuế
BH	Block Hour (Giờ bay)	FSC	Full Service Carrier
BKS	Ban Kiểm soát	LCC	Low Cost Carrier (Hãng Hàng không truyền thống)
CBNV	Cán bộ nhân viên	RPK	Revenue Passenger Kilometers (Khách luân chuyển)
CLM	Cắm pu chia, Lào, Miến Điện	RFTK	Revenue Freight Tonne Kilometers (Hàng hóa luân chuyển)
CNTT	Công nghệ thông tin	SXKD	Sản xuất kinh doanh
CTCP	Công ty cổ phần	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông	VIETNAM AIRLINES (VNA)	Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam – CTCP (Bao gồm Vasco)
HĐTV	Hội đồng thành viên	VNA GROUP	VNA và các công ty con, công ty liên kết
HĐQT	Hội đồng quản trị	VTHK	Vận tải hàng không
JPA	CTCP Hàng không Jetstar Pacific Airlines	YIELD	Doanh thu bình quân
KG	Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air		



Mục tiêu tổng quát

Xây dựng VNA thành doanh nghiệp mạnh, là Hãng hàng không quốc gia, lực lượng vận tải chủ lực, giữ vai trò chủ đạo trong giao thông hàng không Việt Nam với các cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo dưỡng và đào tạo chuyên ngành tiên tiến, là cầu nối quan hệ quốc tế của nước Việt Nam hội nhập, trở thành hãng hàng không có tầm cỡ tại khu vực Đông Nam Á và giữ vị thế chi phối trong khu vực Tiểu vùng CLMV (Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam), kinh doanh có hiệu quả trên cơ sở cân đối hài hòa lợi ích của cổ đông và nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước và là lực lượng dự bị đáng tin cậy cho an ninh quốc phòng.

Định hướng phát triển

- Khẳng định vị thế chủ lực của Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam tại thị trường Việt Nam, coi trọng hiệu quả kinh tế đảm bảo lợi ích của các cổ đông đi đôi với việc thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được Nhà nước giao, giữ vai trò chủ đạo trong giao thông hàng không, là lực lượng dự bị cho an ninh quốc phòng.
- Phấn đấu đạt mục tiêu trở thành hãng hàng không tiên tiến, thuộc nhóm hãng hàng không đứng đầu khu vực ASEAN về quy mô, giữ vị thế chi phối trong vận tải hàng không Tiểu vùng CLMV, xây dựng VNA thành thương hiệu có uy tín của Việt Nam trên thị trường.
- Kết hợp với các hãng hàng không trong VNA Group bao gồm Jetstar Pacific, Cambodia Angkor Air, Vasco xây dựng dải sản phẩm đáp ứng nhu cầu vận chuyển của các đối tượng khách hàng, tạo lợi thế về quy mô trong việc kết hợp quảng bá sản phẩm, đào tạo, huấn luyện, bảo dưỡng tàu bay, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Trong vận tải hàng không, lấy an toàn làm mục tiêu hàng đầu, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ với nguyên tắc "định hướng khách hàng", từng bước nâng dần tỷ trọng khách thu nhập cao, thiết kế sản phẩm tạo ra bản sắc văn hóa trong dịch vụ VNA, khác biệt rõ nét với các hãng cạnh tranh đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế đạt tiêu chuẩn 4 sao, phấn đấu đến năm 2020 trở thành hãng hàng không được ưa chuộng ở châu Á về chất lượng dịch vụ trên không và mặt đất.
- Bảo đảm phát triển bền vững thông qua chính sách đầu tư có trọng điểm vào ngành nghề kinh doanh chính tạo ra lợi thế cạnh tranh, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hàng không của VNA và các công ty có vốn góp trên nguyên tắc đảm bảo cân đối nguồn vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư. Tập trung đầu tư hạ tầng cơ sở kỹ thuật sửa chữa bảo dưỡng, cơ sở huấn luyện đào tạo chuyên ngành và các cơ sở trong dây chuyền dịch vụ đồng bộ tại các sân bay căn cứ.
- Linh hoạt trong bố trí và sử dụng nguồn lực, đặc biệt là đội tàu bay và cơ sở hạ tầng kỹ thuật một cách chủ động trong từng giai đoạn phù hợp với dự báo thị trường.
- Phát huy tối đa nội lực, lấy phát triển nguồn nhân lực làm trọng tâm. Xây dựng bộ máy cán bộ, người lái, kỹ sư, chuyên gia tinh nhuệ về chuyên môn, năng suất lao động cao, có phẩm chất chính trị vững vàng, đảm đương tốt việc vận hành, quản lý một hãng hàng không chuyên nghiệp, quy mô lớn.
- Cân đối hài hòa giữa lợi ích của các cổ đông, doanh nghiệp và người lao động. Xây dựng văn hóa công ty, tạo môi trường làm việc văn minh, cơ hội đào tạo và phát triển nghề nghiệp, cải thiện thu nhập nhằm tạo sức thu hút các nguồn lực lao động chất xám cao và lao động đặc thù ở Việt Nam.

Kế hoạch phát triển đến năm 2020

Mạng đường bay

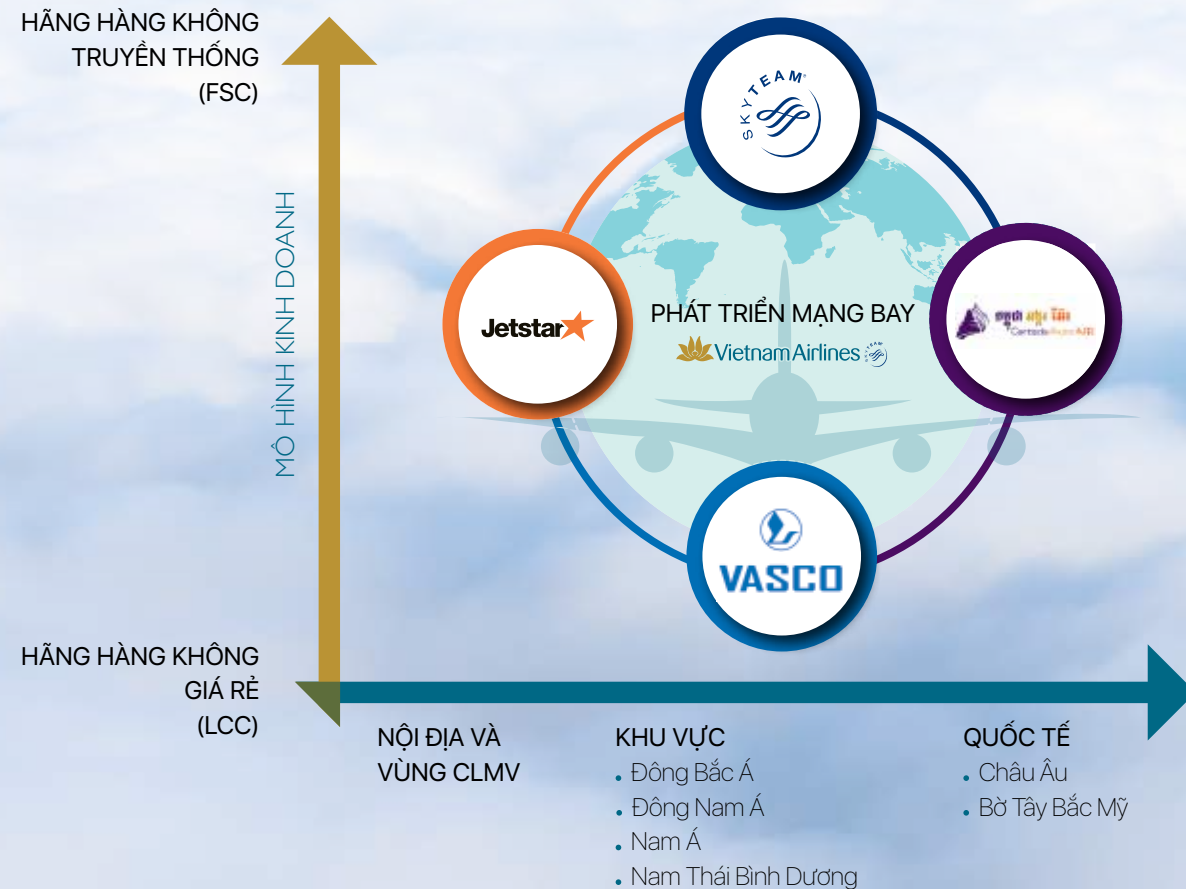
- Mạng đường bay của VNA tiếp tục được xây dựng với tần suất khai thác ngày càng cao, tập trung quy hoạch nối chuyển qua sân bay cửa ngõ tại Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội nhằm từng bước xây dựng Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội trở thành trung tâm trung chuyển hàng không khu vực, cạnh tranh trực tiếp với các trung tâm trung chuyển lớn như Hongkong, Bangkok, Singapore, Kuala Lumpur. Từng bước xây dựng sân bay Đà Nẵng thành trung tâm hỗ trợ cho 2 trung tâm chính là Nội Bài và Tân Sơn Nhất.
- Mạng đường bay nội địa của VNA được quy hoạch phù hợp với quy

hoạch giao thông vận tải và du lịch chung của cả nước, đảm bảo hỗ trợ tích cực cho mạng đường bay quốc tế và hỗ trợ phát triển kinh tế các địa phương. Đây là mạng đường bay có ý nghĩa chiến lược đối với VNA, đồng thời mang ý nghĩa chính trị to lớn, đóng vai trò quan trọng trong phục vụ phát triển nền kinh tế quốc dân.

- Tiếp tục xây dựng sản phẩm trên cơ sở phát triển mạng bay từ 3 trung tâm lớn Hà Nội - Đà Nẵng - Tp. Hồ Chí Minh, khẳng định vị thế đứng đầu của hãng hàng không quốc gia, thiết kế sản phẩm đảm bảo phục vụ tốt khách hàng mục tiêu và vị thế cạnh tranh. Ngoài ra,

để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của hành khách, VNA nghiên cứu phát triển thêm đường bay nối các địa phương (không xuất phát từ 03 trung tâm lớn).

- Bên cạnh đó, VNA sẽ phối hợp chặt chẽ sản phẩm với Jetstar Pacific để thực hiện chiến lược thương hiệu kép (Dual-brand). Theo đó, VNA chiếm lĩnh khách doanh thu cao và trung bình, duy trì thị phần cố định với doanh thu thấp, Jetstar Pacific sẽ cạnh tranh trực tiếp với các hãng hàng không giá rẻ khác và chiếm lĩnh tăng trưởng của thị phần khách doanh thu thấp.



Phát triển đội tàu bay

Kế hoạch phát triển đội tàu bay chở khách của Vietnam Airlines đến năm 2020 sẽ có 02 dòng tàu bay chính theo tiêu chuẩn chung của quốc tế:

A350 | B787

Dòng tàu bay 280 - 300 ghế (thân rộng 2 lối đi)

Tập trung khai thác các đường bay tầm xa và tầm trung (Bắc Mỹ, Châu Âu, Đông Bắc Á, Úc,...).

A321 | A321NEO

Dòng tàu bay 150-180 ghế (thân hẹp 1 lối đi)

Sử dụng trên các đường bay nội địa, các đường bay quốc tế khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á,... có tầm bay trên/dưới 5 giờ, chủng loại tàu bay lựa chọn là A320/321 và tương đương.

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc



Kính thưa các quý cổ đông,
Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc VNA, chúng tôi xin được gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn sâu sắc vì sự tin tưởng, đồng hành của quý cổ đông đã dành cho Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam.

Năm 2017, VNA tiếp tục giữ vững vị thế chủ lực với hầu hết chỉ tiêu kinh doanh đạt và vượt mức kế hoạch đề ra tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017. Đây là kết quả kinh doanh tốt nhất của VNA từ trước tới nay.

Hãng đã thực hiện an toàn tuyệt đối 140.000 chuyến bay, vận chuyển gần 22 triệu lượt hành khách. Tổng doanh thu hợp nhất đạt 84.962 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt mức kỷ lục 3.155 tỷ đồng, vượt 92,6% kế hoạch. Trong đó, công ty mẹ đạt 64.920 tỷ đồng doanh thu và 1.911 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế (tăng 52% so với kế hoạch và 11,7% so với năm 2016). Đặc biệt, lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh cốt lõi vận tải hàng không tăng trưởng nhanh và vững chắc.

Vượt qua khó khăn về cơ sở hạ tầng tại một số cảng hàng không trong nước, chỉ số đúng giờ (OTP) năm 2017 được duy trì ổn định ở mức cao bình quân 90,2%, ngay cả trong giai đoạn cao

điểm lễ Tết, thuộc Top 10 các hãng hàng không có chỉ số đúng giờ tốt nhất thế giới.

Tổng công ty đã hoàn thành việc bán 4 tàu bay Boeing 777, tiếp nhận mới 4 tàu bay A350 và 1 tàu bay Boeing 787 theo hình thức bán và thuê lại tàu bay (SLB). Đội tàu bay mới được đưa vào khai thác trong năm đã đóng góp lớn vào thành công chung của VNA cũng như khẳng định thương hiệu, vị thế của hãng hàng không 4 sao năm thứ hai liên tiếp theo tiêu chuẩn Skytrax.

Việc cơ cấu lại nguồn vốn kinh doanh theo hướng triển khai giải pháp SLB, giảm vay nợ cho đầu tư đã cải thiện các chỉ số tài chính theo hướng an toàn. Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu đã giảm đáng kể và đang tiệm cận mức kiểm soát 3:1 vào cuối năm 2017 và sẽ giảm xuống dưới 3:0 trong năm 2018.

Kể từ khi chính thức giao dịch cổ phiếu với mã chứng khoán HVN trên sàn Upcom ngày 3/1/2017, VNA luôn nằm trong top 20 công ty có giá trị vốn hóa dẫn đầu thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết thúc năm 2017 với kết quả kinh doanh ấn tượng, tình hình tài chính lành mạnh, các cân đối lớn được kiểm soát chặt chẽ, có hiệu quả là tiền đề để giá trị doanh nghiệp của VNA tăng trưởng mạnh, vốn hóa thị trường đạt 2,4 tỷ USD, tăng 50% so với thời điểm đầu năm, lãi cơ

bản trên mỗi cổ phiếu đạt 1.931 đồng/ cổ phiếu, tăng 14,6% so với cùng kỳ.

Năm 2017, VNA tiếp tục được cộng đồng trong nước và quốc tế công nhận với hàng loạt giải thưởng uy tín, trong đó đáng kể nhất là việc được tổ chức định giá thương hiệu Brand Finance nâng hạng lên 3 bậc ở mức AA, vào Top 10 thương hiệu mạnh nhất và có sức mạnh thương hiệu (BSI) cải thiện tốt nhất năm 2017 tại Việt Nam.

VNA tin tưởng rằng, kết quả này đã tái khẳng định giá trị nội tại cũng như tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của VNA, đồng thời ghi nhận những nỗ lực của Hãng trong việc tạo dựng niềm tin, cân đối hài hòa các lợi ích của cổ đông, doanh nghiệp và khách hàng.

Thưa các quý cổ đông,

Trên cơ sở dự báo môi trường kinh doanh và đánh giá kỹ lưỡng những khó khăn và thuận lợi, cơ hội và thách thức, VNA đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 có tính khả thi cao theo hướng phát triển ổn định, bền vững để trình xin ý kiến các cổ đông.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc VNA sẽ bám sát phương châm "Tăng tốc thay đổi, nhanh hơn - cao hơn", liên tục đổi mới sáng tạo, đảm bảo

hoạt động An toàn - Chất lượng - Hiệu quả và hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua. Cùng với việc tiếp tục nâng cao năng lực quản trị điều hành doanh nghiệp, kiện toàn mô hình tổ chức, VNA sẽ quyết liệt thực hiện các giải pháp để nâng cao năng suất lao động, nâng cao sức cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm đảm bảo mục tiêu phát triển dài hạn, bền vững.

Năm 2018, VNA sẽ hoàn thành phương án tăng vốn điều lệ chào bán cho cổ đông hiện hữu và chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm của cổ đông Nhà nước, triển khai thủ tục chuyển đổi cổ phiếu sang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE), mang lại giá trị tốt nhất cho các cổ đông.

Với nền tảng kết quả kinh doanh tăng trưởng bền vững, tình hình tài chính lành mạnh, giá trị thương hiệu không ngừng được nâng cao, sự đồng hành, ủng hộ của các quý cổ đông và sự đoàn kết, tận tâm, chuyên nghiệp của tập thể người lao động, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc tin tưởng VNA sẽ hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2018, tiếp tục đưa Hãng hàng không Quốc gia "Sải cánh vươn cao", sớm trở thành một trong những hãng hàng không được ưa chuộng nhất tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Chủ tịch HĐQT

PHẠM NGỌC MINH

Tổng Giám đốc

DƯƠNG TRÍ THÀNH

GIỚI THIỆU CHUNG

14 | Thông tin chung

15 | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

18 | Lịch sử phát triển

20 | Mô hình tổ chức, bộ máy quản lý

28 | Cơ cấu cổ đông

30 | Các sự kiện tiêu biểu trong năm

32 | Các danh hiệu, giải thưởng đạt được trong năm





Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

✿ Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách hàng không (vận chuyển hàng không đối với hành khách), vận tải hàng hóa hàng không (vận chuyển hàng lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không:
 - Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng).
 - Dịch vụ chuyên ngành hàng không khác.
 - Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại khu cách ly ở cửa khẩu quốc tế sân bay, trên tàu bay và tại các tỉnh, thành phố.
 - Cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay.
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng vật tư, thiết bị hàng không, thiết bị phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất và các thiết bị kỹ thuật khác).
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển: Sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không, cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài.
- Và các lĩnh vực khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Thông tin chung

- Tên tiếng Việt: **Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP**
- Tên tiếng Anh: **Vietnam Airlines JSC**
- Tên viết tắt: **Vietnam Airlines**
- Ngày thành lập: **27/5/1995**
- Logo:  **Vietnam Airlines**
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Mã số thuế số **0100107518**
- Mã chứng khoán: **HVN**
- Vốn điều lệ: **12.275.337.780.000 đồng**
- Địa chỉ: **Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội**
- Điện thoại: **(+84.24) 3827 2289** | Fax: **(+84.24) 3872 2375**
- Website: **www.vietnamairlines.com**
- Email: **nhadatu@vietnamairlines.com**



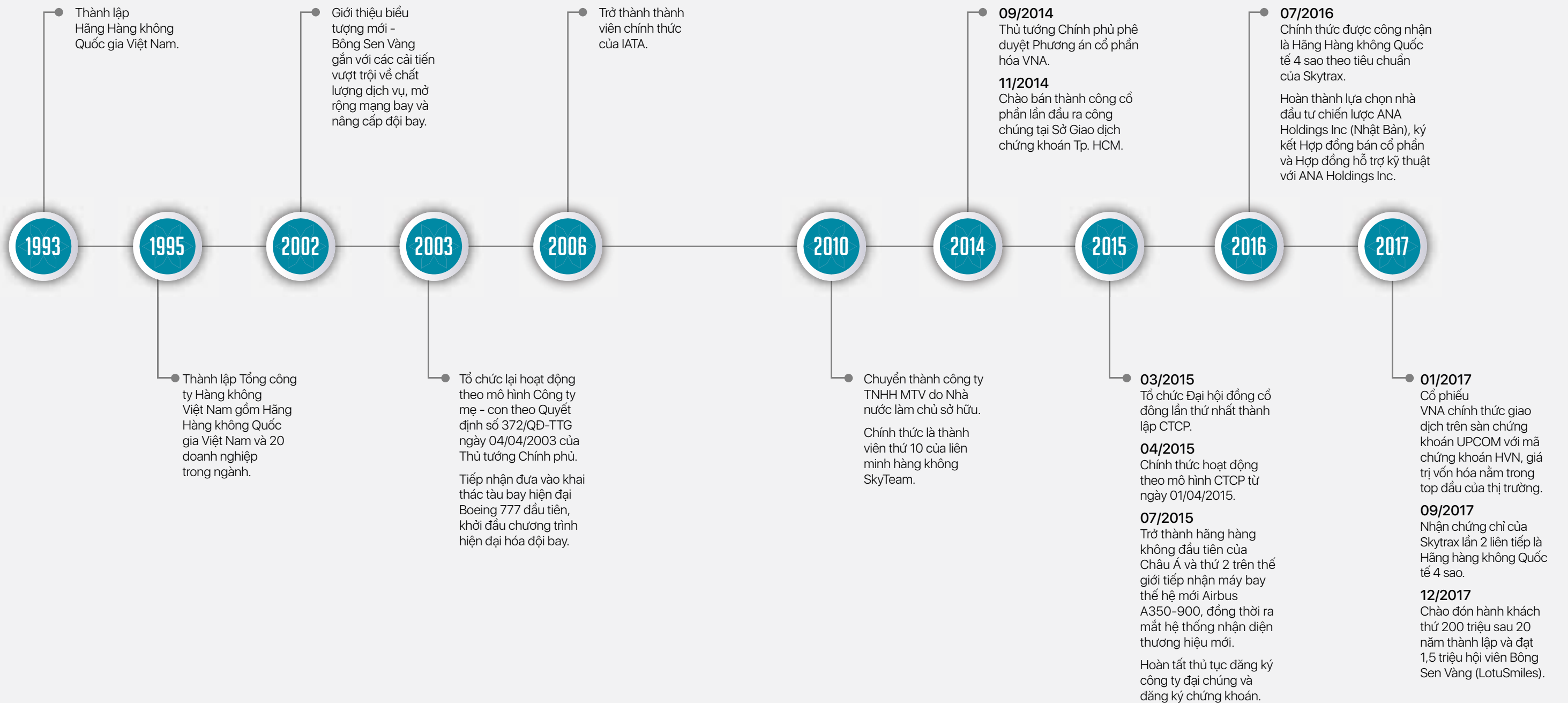


🌸 Địa bàn kinh doanh

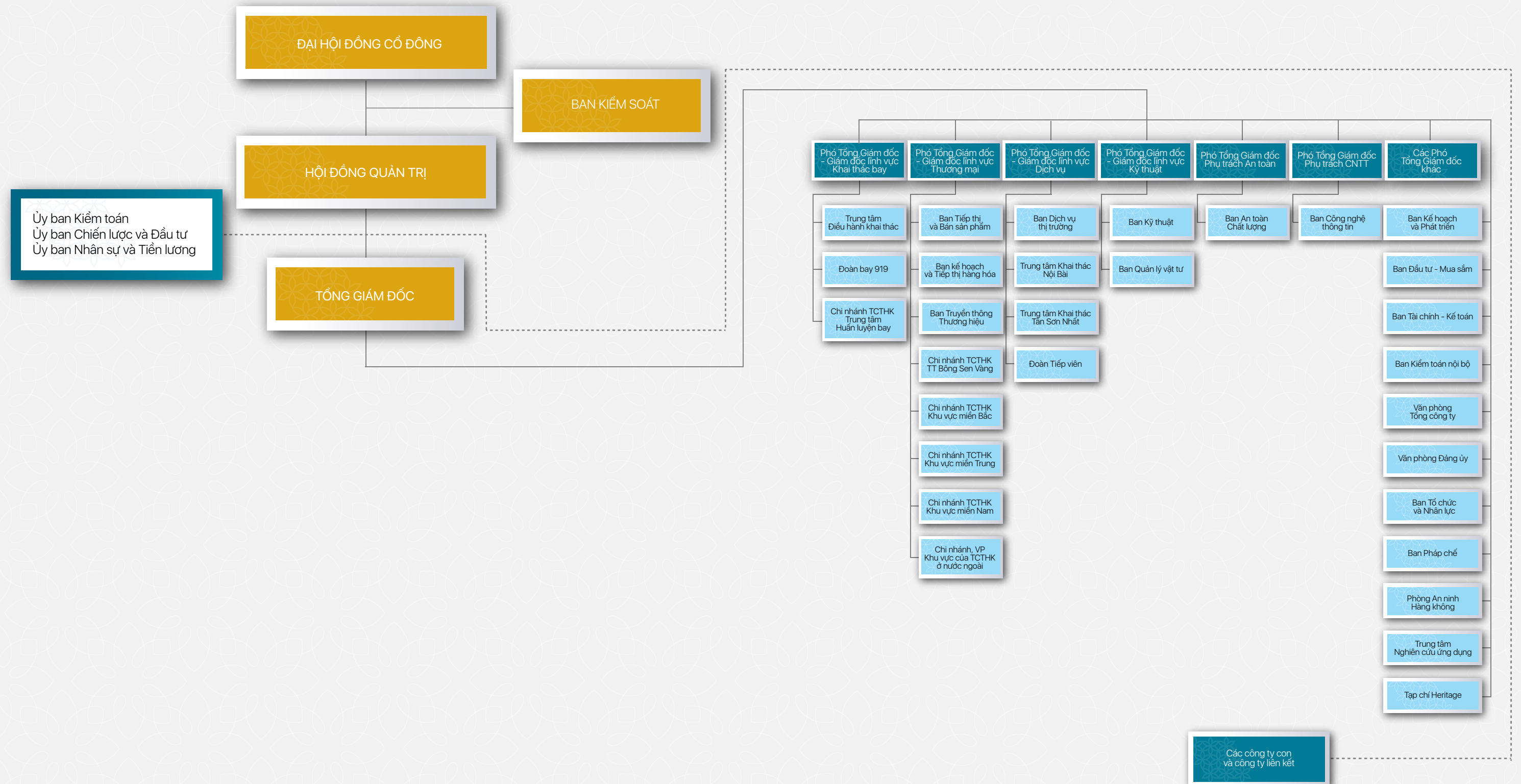
Tính đến 31/12/2017, VNA có 05 đơn vị trực thuộc và 25 chi nhánh hoạt động tại hơn 20 tỉnh, thành phố lớn tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, VNA có mạng lưới kinh doanh bao phủ rộng khắp về địa lý tại các khu vực Châu Âu, Châu Á, Châu Úc và Bắc Mỹ với 31 chi nhánh văn phòng đại diện trên 20 quốc gia và vùng lãnh thổ, đáp ứng nhu cầu thị trường của khách hàng khắp mọi nơi trên toàn thế giới.

Lịch sử phát triển



Mô hình tổ chức, bộ máy quản lý





Bếp trưởng
LUKE NGUYỄN

Bếp trưởng **LUKE NGUYỄN**
ĐẠI SỨ Ẩm thực toàn cầu
của Vietnam Airlines



☎ 1900 1100
f vietnamairlines
www.vietnamairlines.com



Danh sách Ban lãnh đạo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông PHẠM NGỌC MINH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1960
Trình độ chuyên môn:
- Tiến sỹ Kinh tế
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
- Phó chủ tịch HĐQT Hãng hàng không Cambodia Angkor Air



Ông DƯƠNG TRÍ THÀNH
Thành viên Hội đồng quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1961
Trình độ chuyên môn:
- Thạc sỹ khoa học ngành Vận tải hàng không



Ông TẠ MẠNH HÙNG
Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1972
Trình độ chuyên môn:
- Thạc sỹ Quản lý kinh tế



Ông KOJI SHIBATA
Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1957
Trình độ chuyên môn:
- Cử nhân Đại học nghiên cứu quốc tế Tokyo
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
- Phó Tổng Giám đốc cao cấp
- Giám đốc kế hoạch chiến lược Châu Á – Thái Bình Dương, ANA Holdings Inc



Ông NGUYỄN XUÂN MINH
Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1971
Trình độ chuyên môn:
- Thạc sỹ tài chính ứng dụng và đầu tư
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
- Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Quản lý quỹ VAM Việt Nam
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương
- Thành viên HĐQT Công ty CP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay
- Thành viên HĐQT Công ty Tài chính cổ phần Hóa chất Việt Nam

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông DƯƠNG TRÍ THÀNH
Thành viên Hội đồng quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1961
Trình độ chuyên môn:
- Thạc sỹ khoa học ngành Vận tải
hàng không



Ông NGUYỄN THÁI TRUNG
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1960
Trình độ chuyên môn:
- Phi công



Ông NGUYỄN HỒNG LĨNH
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1962
Trình độ chuyên môn:
- Phi công
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
- Chủ tịch HĐQT CTCP Đào tạo Bay Việt (VFT)



Ông TRỊNH HỒNG QUANG
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn:
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông TRỊNH NGỌC THÀNH
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1964
Trình độ chuyên môn:
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
- Chủ tịch HĐQT CTCP Tin học
hàng không (AITS)



Ông LÊ HỒNG HÀ
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1972
Trình độ chuyên môn:
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV
Nhiên liệu hàng không (SKYPEC)
- Chủ tịch HĐQT CTCP hàng không
Jetstar Pacific Airlines (JPA)



Ông ĐẶNG NGỌC HÒA
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1972
Trình độ chuyên môn:
- Thạc sỹ kỹ thuật ngành Hàng không
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
- Chủ tịch HĐQT Công ty Dịch vụ mặt đất
sân bay Việt Nam (VIAGS)



Ông NGUYỄN MINH HẢI
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1972
Trình độ chuyên môn:
- Cử nhân Kinh tế
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Hãng hàng không Cambodia Angkor Air



Ông TRẦN THANH HIỀN
Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban
Tài chính Kế toán

Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn:
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
- Chủ tịch HĐQT CTCP Cho thuê
máy bay Việt Nam (VALC)

BAN KIỂM SOÁT



Ông LẠI HỮU PHƯỚC
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1967
Trình độ chuyên môn:
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông MAI HỮU THỌ
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1962
Trình độ chuyên môn:
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh



Ông HOÀNG THANH QUÝ
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn:
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN



Ông NGUYỄN HỮU TUẤT
Thư ký Tổng công ty

Năm sinh: 1958
Trình độ chuyên môn:
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Dịch vụ
giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất (TECS)

Danh sách các công ty con, công ty liên kết

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON

STT	Công ty con	Tên viết tắt	Lĩnh vực kinh doanh chính	Địa chỉ	Vốn điều lệ thực góp (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của VNA (%)
1	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay	VAECO	Bảo dưỡng, sửa chữa, đại tu máy bay, động cơ và phụ tùng máy bay, dịch vụ ngoại trường	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - HN	1.060	100,00
2	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không	SKYPEC	Cung ứng nhiên liệu HK	202 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - HN	550	100,00
3	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	VACS	Dịch vụ cung cấp suất ăn HK	Sân bay Tân Sơn Nhất - P.2 - Q. Tân Bình - Tp. HCM	85.448	100,00
4	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	VIAGS	Dịch vụ tại nhà ga và phục vụ sân đỗ, dịch vụ kỹ thuật, thương mại mặt đất	49 Trường Sơn - P.2 - Q. Tân Bình - Tp. HCM	250	100,00
5	Công ty CP HK Jetstar Pacific Airlines	JPA	Kinh doanh VTHK (LCC)	112 Hồng Hà - P.2 - Q. Tân Bình - Tp. HCM	3.522	68,85
6	Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	NCTS	Cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	261.669	55,13
7	Công ty CP DV Hàng hóa Tân Sơn Nhất	TCS	Cung cấp dịch vụ giao nhận hàng hóa, quản lý kho hàng hóa	46-48 Hậu Giang - P.4 - Q. Tân Bình - Tp. HCM	93.726	55,00
8	Công ty TNHH DV Giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất	TECS	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, logistic, kho bãi...	Số 6 Thăng Long - P.4 - Q. Tân Bình - Tp. HCM	51.430	51,00
9	Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa	VINA KO	Chuỗi vận chuyển đa phương thức toàn cầu	49 Trường Sơn - P.2 - Q. Tân Bình - Tp. HCM	8.578	65,05
10	Công ty CP Suất ăn Hàng không Nội Bài	NCS	Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - HN	179.7	60,17
11	Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài	NASCO	Dịch vụ hỗ trợ VTHK và dịch vụ khác tại Cảng HKQT Nội Bài	Sân bay Quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - HN	83.158	51,00
12	Công ty CP Đào tạo Bay Việt	VFT	Đào tạo phi công	117 Hồng Hà - P.2 - Q. Tân Bình - Tp. HCM	66	51,52
13	Công ty CP Tin học viễn thông Hàng không	AITS	Dịch vụ trong lĩnh vực CNTT và viễn thông	414 Nguyễn Văn Cừ - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - HN	58.032	52,73
14	Công ty CP Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	ALSIMEXCO	Cung ứng lao động hoạt động trong lĩnh vực HK	Số 1 Ngõ 200/10 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - HN	10	51,00
15	Công ty CP Sabre Việt Nam	SABRE	Hệ thống đặt chỗ và các dịch vụ có liên quan thông qua hệ thống phân phối toàn cầu Sabre...	Tầng 5, tòa nhà Đệ Nhất, số 53 Quang Trung, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, HN	5.2	51,69

DANH SÁCH CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Công ty con	Tên viết tắt	Lĩnh vực kinh doanh chính	Địa chỉ	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của VNA (%)
1	Công ty CP Cho thuê máy bay Việt Nam	VALC	Mua, bán, thuê và cho thuê lại máy bay	Tầng 14 Tháp A Vincom - 191 Bà Triệu - P. Lê Đại Hành - Q. Hai Bà Trưng - HN	63.3 triệu USD	32,48
2	Hãng Hàng không Cambodia AngKor Air	K6	Kinh doanh DV VTHK	206A, Preah Norodom Blvd, Sangkat Tonle Basac, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Cambodia	100 triệu USD	49,00
3	Công ty CP Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng	MASCO	Dịch vụ thương mại hàng không, suất ăn	Sân bay Quốc tế Đà Nẵng - Q. Hải Châu - Tp. Đà Nẵng	42.677 tỷ đồng	36,11
4	Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không	AIRIMEX	Dịch vụ XNK / phân phối phụ tùng máy bay và các thiết bị mặt đất sân bay	414 Nguyễn Văn Cừ - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - HN	25.927 tỷ đồng	41,31
5	Công ty CP Nhựa cao cấp Hàng không	APLACO	Công nghiệp nhựa cao cấp	Ngõ 200 Nguyễn Sơn - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - HN	17.280 tỷ đồng	30,41

Cơ cấu cổ đông

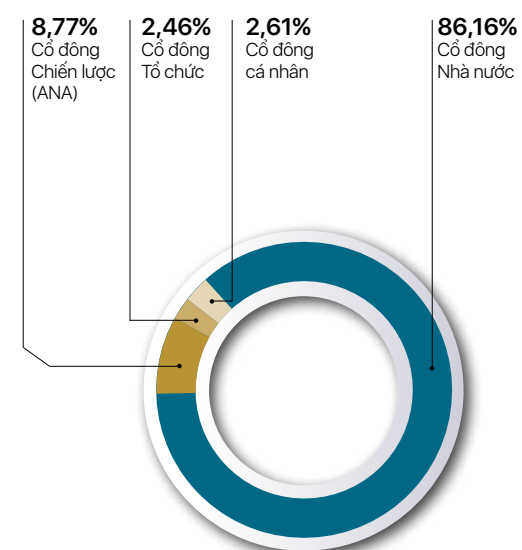
Thông tin cổ phần

Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành	1.227.533.778 cổ phần
Tổng số cổ phần đăng ký giao dịch	1.227.533.778 cổ phần
Cổ phần chuyển nhượng tự do	1.116.651.228 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	110.882.550 cổ phần

Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I. Nhà nước (Bộ GTVT)	1	1.057.638.000	86,16%
II. Tổ chức	41	137.893.350	11,23%
1. Trong nước	28	26.972.852	2,20%
2. Nước ngoài	13	110.920.498	9,04%
III. Cá nhân	11.552	32.002.428	2,61%
1. Trong nước	11.375	31.470.749	2,56%
2. Nước ngoài	177	531.679	0,04%
Tổng cộng		1.227.533.778	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 30/01/2018)



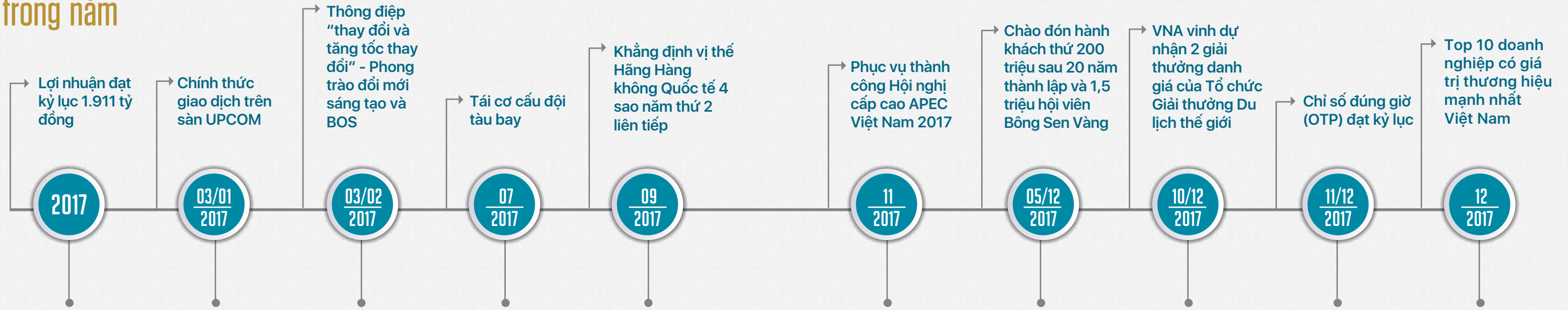
Danh sách cổ đông lớn (năm giữ trên 5% tổng số cổ phần)

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Nhà nước (Bộ GTVT)	1.057.638.000	86,16%
ANA Holdings Inc	107.668.938	8,77%

Tình hình chi trả cổ tức

Trong năm 2017, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện việc chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông của TCHK theo phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017, tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật. Việc chi trả cổ tức đã thực hiện trong tháng 10/2017 với tỷ lệ chi trả 6% mệnh giá cổ phiếu, tương ứng với tổng số tiền chi trả là 736,5 tỷ đồng.

Các sự kiện tiêu biểu trong năm



Năm 2017, VNA Group đã đạt mức lợi nhuận kỷ lục 3.155 tỷ đồng vượt qua năm cao nhất từ trước đến nay là 2016. Điều này cho thấy VNA đã thực hiện tốt chủ trương phát triển bền vững, cải thiện từng bước kết quả SXKD và trong những ngày cuối năm 2017, giá cổ phiếu HVN đạt đỉnh hơn 43.000 đồng/cp, tăng gấp đôi so với giá chào sàn.

Ngày 3/1/2017, cổ phiếu VNA với mã HVN đã chính thức được niêm yết và giao dịch trên sàn UPCOM. Đây là sự kiện có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển của VNA, đáp ứng mong muốn của các cổ đông là cổ phiếu HVN sớm được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Với việc trực tiếp bổ sung cho thị trường chứng khoán Việt Nam thêm hơn 1,2 tỷ cổ phiếu, HVN đóng góp lượng cổ phiếu lớn thứ hai trên thị trường UPCOM xét về quy mô và giá trị.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh doanh năm 2017, từ ngày 3/2, VNA đã triển khai kế hoạch tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng với phương châm "Thay đổi và tăng tốc thay đổi". Với thông điệp xuyên suốt 2017 này, VNA đã mang đến chất lượng sản phẩm ổn định, khai thác an toàn và chiến lược cạnh tranh linh hoạt để hàng triệu khách hàng sẵn sàng lựa chọn và gắn bó với VNA.

Trong năm 2017, VNA đã tổ chức 5 khóa học "Chiến lược đại dương xanh" gồm 183 cán bộ các cấp tham gia, với 10 chủ đề quan trọng. Bên cạnh đó, "Chiến lược đại dương xanh" đã được triển khai sâu rộng đến CBNV các cơ quan, đơn vị mang đến những kiến thức mới mẻ, kiến tạo và phát triển năng lực quản lý, tư duy lãnh đạo, hoạch định chiến lược, góp phần phát triển VNA vững mạnh.

Tháng 7, VNA đã đạt thỏa thuận bán trọn gói và hoàn tất quá trình bàn giao 4 chiếc Boeing 777-200ER và 1 động cơ dự phòng PW 4090 cho Pratt & Whitney (PW). Bên cạnh đó, ký hợp đồng thuê dài hạn 6 máy bay thế hệ mới Airbus A321 NEO từ tập đoàn cho thuê máy bay Aviation Capital Group. Tháng 11/2017, dưới sự chứng kiến của Chủ tịch nước Trần Đại Quang và Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump, VNA và Pratt & Whitney đã ký kết hợp đồng mua, hỗ trợ sản phẩm động cơ cho 20 máy bay Airbus A321 NEO trị giá hơn 1.5 tỷ USD. Năm 2017 cũng là năm đánh dấu 2 năm khai thác thành công đội bay thế hệ mới B787 và A350, với 11 chiếc B787 và 10 chiếc A350 tính đến hết năm 2017. Đồng thời hoàn tất bàn giao đội bay ATR cho VASCO.

Ngày 6/9, tại Gala Dinner "Đêm Việt Nam" trong khuôn khổ sự kiện Hội chợ Du lịch Quốc tế Tp. HCM năm 2017 (ITE 2017), VNA đã được vinh danh năm thứ 2 liên tiếp là Hãng Hàng không quốc tế 4 sao theo tiêu chuẩn Skytrax. Với chứng chỉ 4 sao năm thứ 2 liên tiếp, VNA có mặt trong danh sách với các Hãng Hàng không đạt tiêu chuẩn 4 sao khác như Air France (Pháp), Lufthansa (Đức), Japan Airlines (Nhật Bản), Korean Air (Hàn Quốc)...

Trong vai trò là nhà tài trợ đặc biệt – nhà vận chuyển chính thức của Hội nghị cấp cao APEC Việt Nam 2017, VNA đã ghi dấu ấn đậm nét, đóng góp vào thành công chung của Hội nghị và khẳng định vị thế "Đại sứ văn hóa" của một quốc gia với 110 chuyến bay được tăng cường, công tác đón tiếp trọng thị và an toàn, an ninh được đảm bảo tuyệt đối.

Nhân dịp này, VNA đã vinh dự nhận kỷ niệm chương "Nhà tài trợ đặc biệt cho năm APEC Việt Nam 2017" từ Ủy ban Quốc gia APEC Việt Nam 2017.

Ngày 5/12, tại Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất, VNA đã tổ chức lễ đón hàng khách thứ 200 triệu, đánh dấu một mốc quan trọng trong lịch sử hơn 2 thập kỷ kể từ khi thành lập. Đạt được Kết quả này là nhờ vào sự tin nhiệm từ cộng đồng hàng không cùng hàng triệu hành khách trong nước và quốc tế cho sự nỗ lực và thành quả phát triển của VNA trong suốt thời gian qua. Lễ đón hàng khách thứ 200 triệu như một lời tri ân sâu sắc mà VNA gửi tới 200 triệu quý khách hàng đã đặt trọn niềm tin vào Hãng trên mỗi chuyến bay, đồng thời cũng là cam kết nỗ lực không ngừng cho những trải nghiệm dịch vụ hoàn hảo trong thời gian tới.

Ngày 10/12/2017, VNA đã chính thức được Tổ chức Giải thưởng Du lịch thế giới (World Travel Awards – WTA) vinh danh tại Lễ trao giải cấp toàn cầu với hai hạng mục danh giá là "Hãng hàng không dẫn đầu thế giới về hạng Phổ thông đặc biệt" và "Hãng hàng không dẫn đầu thế giới về bản sắc văn hóa". Đây không chỉ là niềm tự hào của mỗi thành viên VNA mà đó còn là sự công nhận của hàng triệu hành khách trên khắp thế giới. Đó là động lực mạnh mẽ để mỗi thành viên, mỗi bộ phận, đơn vị, chi nhánh tiếp tục nỗ lực phục vụ khách hàng với chất lượng tốt nhất.

Năm 2017, VNA đã liên tiếp chinh phục những kỷ lục về chỉ số đúng giờ của các chuyến bay đi (OTP). Ngày 11/12, chỉ số OTP đạt 96,17%, đặc biệt tại sân bay Đà Nẵng đạt mức 100%. Ngày 12/12, chỉ số OTP đạt 98,95%. Trước đó, trong giai đoạn cao điểm hè, ngày 30/8, VNA đã cán mốc 95,83% chỉ số OTP.

Theo công bố của Brand Finance - công ty định giá thương hiệu hàng đầu thế giới, giá trị thương hiệu của VNA năm 2017 đã tăng 3 bậc, từ bậc 12 năm 2016 lên bậc 9 trong danh sách các thương hiệu mạnh nhất Việt Nam, giá trị thương hiệu của VNA đạt 310 triệu USD, so với 194 triệu USD năm 2016.

Các danh hiệu, giải thưởng đạt được trong năm

2017

01



Chứng chỉ "Hãng hàng không quốc tế 4 sao" năm thứ 2 liên tiếp theo tiêu chuẩn của Skytrax

02



Hãng hàng không dẫn đầu thế giới về hạng phổ thông đặc biệt do World Travel Awards trao tặng

03



Hãng hàng không dẫn đầu thế giới về bản sắc văn hóa do World Travel Awards trao tặng

04



Hãng hàng không của năm 2017 khu vực Châu Á – Thái Bình Dương do CAPA trao tặng

05



Top 15 thương hiệu Công ty có giá trị nhất Việt Nam năm 2017 do FORBES Việt nam bình chọn

06



1 trong 10 Hãng hàng không có chỉ số đúng giờ tốt nhất thế giới theo kết quả khảo sát khách hàng trên quy mô mở rộng Quốc tế

07



Brand Finance nâng hạng đánh giá thương hiệu Vietnam Airlines lên mức AA, là công ty có sức mạnh thương hiệu (BSI) cải thiện tốt nhất 2017 tại Việt Nam, với định giá 310 triệu USD so năm 2016 là 194 triệu USD

08



Hãng hàng không vận chuyển khách du lịch nhiều nhất Việt Nam năm 2017 do Bộ Văn hóa thể thao và du lịch bình chọn

09



Top 50 doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam do VNR (Tổ chức xếp hạng VIETNAM REPORT) xếp hạng

10



Top 10 Nhân hiệu nổi tiếng do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam, Hiệp hội người bán lẻ Việt Nam và các cơ quan truyền thông bình chọn

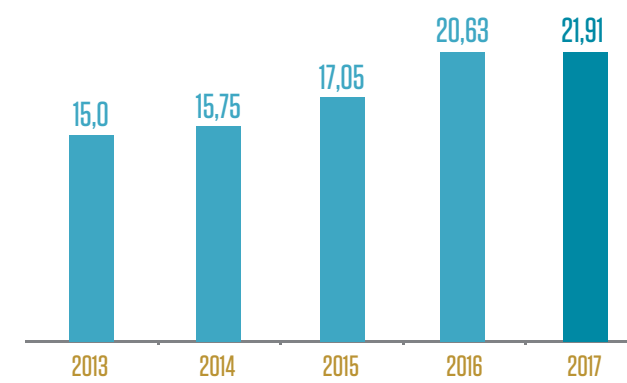


TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH

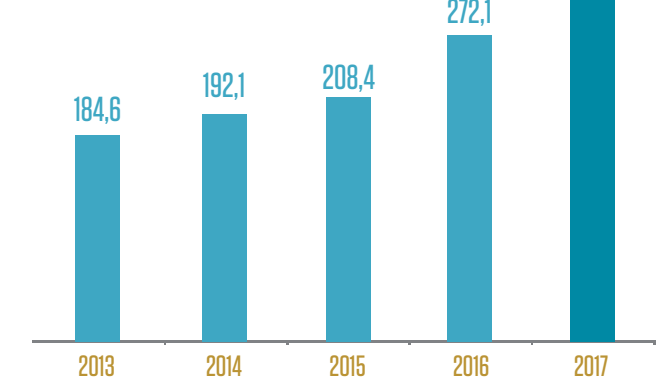


Biểu đồ tăng trưởng về hoạt động khai thác của Vietnam Airlines

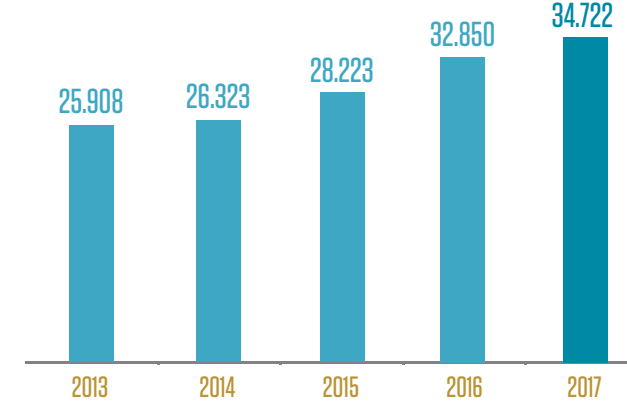
Khách vận chuyển
(Triệu khách)



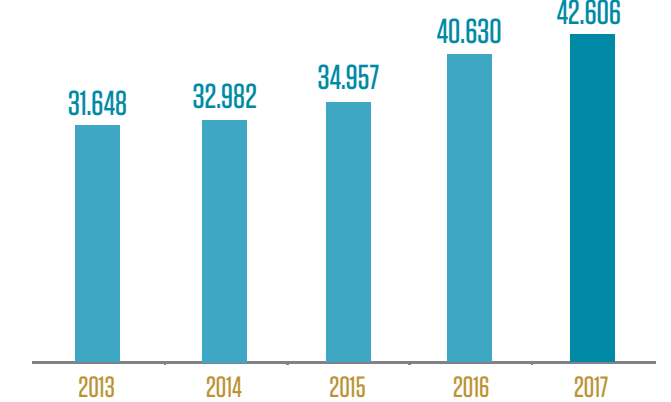
Hàng hóa vận chuyển
(Nghìn tấn)



RPK
(Triệu khách.km)



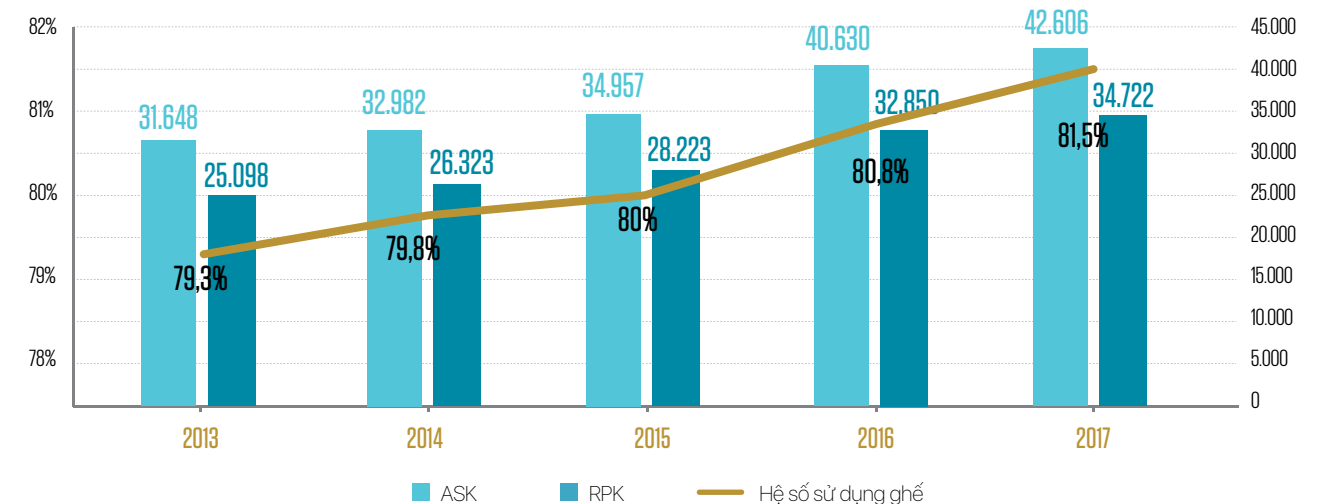
ASK
(Triệu ghế.km)



Các chỉ tiêu khai thác cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	2015	2016	2017	% Thay đổi 2017/2016
Tổng số chuyến bay	chuyến	113.848	118.386	122.814	139.684	142.110	1,7%
Hành khách vận chuyển	Triệu khách	15,00	15,75	17,05	20,63	21,91	6,2%
Hàng hóa, bưu kiện vận chuyển	Nghìn Tấn	184,6	192,3	208,4	272,1	322,3	18,4%
Khách luân chuyển (PRK)	Triệu khách.km	25.098	26.323	28.223	32.850	34.722	5,7%
Ghế cung ứng (ASK)	Triệu ghế.km	31.648	32.982	34.957	40.630	42.606	4,9%
Hệ số sử dụng ghế (LF)	%	79,3%	79,8%	80,7%	80,8%	81,5%	0,7 điểm

Hệ số sử dụng ghế

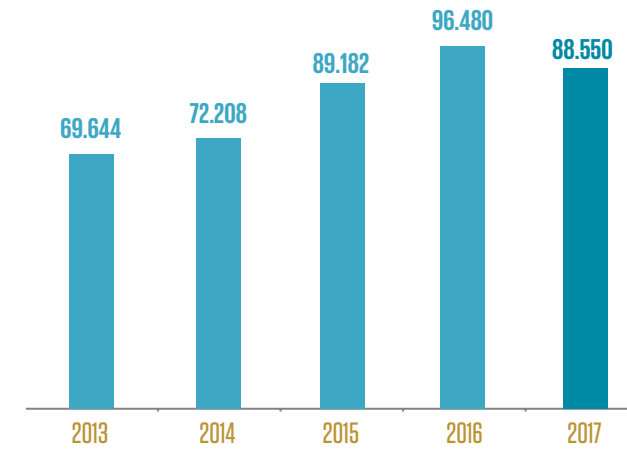


Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

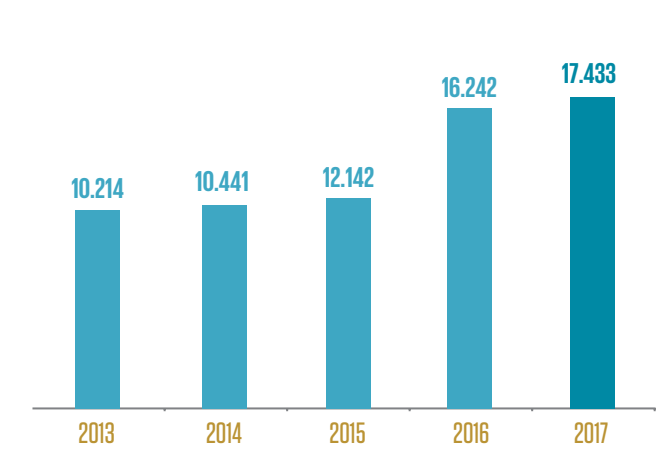
ĐVT: Tỷ VND

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017	% Thay đổi 2017/2016
KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT						
Tổng doanh thu	70.311	70.519	69.167	71.642	84.962	+18,6%
Doanh thu thuần	68.855	69.030	65.942	70.089	82.951	+18,4%
Tổng chi phí	69.805	69.795	68.118	69.041	81.808	+18,5%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	188	234	(193)	2.067	2.068	+0,03%
Lợi nhuận trước thuế	507	724	1.049	2.601	3.155	+21,3%
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ	43	164	506	2.055	2.371	+15,4%
CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH HỢP NHẤT						
Tổng tài sản	69.644	72.208	89.182	96.480	88.551	-8,2%
Nợ phải trả	58.941	61.271	77.039	80.236	71.118	-11,4%
Vốn chủ sở hữu	10.247	10.441	12.142	16.245	17.433	+7,3%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	9.062	9.023	11.199	12.275	12.275	0,0%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA,%)	0,4%	0,6%	1,4%	2,2%	2,9%	+0,7 điểm
Lợi nhuận sau thuế/ VĐT của CSH bình quân (ROE,%)	2,9%	4,6%	8,0%	17,9%	21,7%	+3,8 điểm

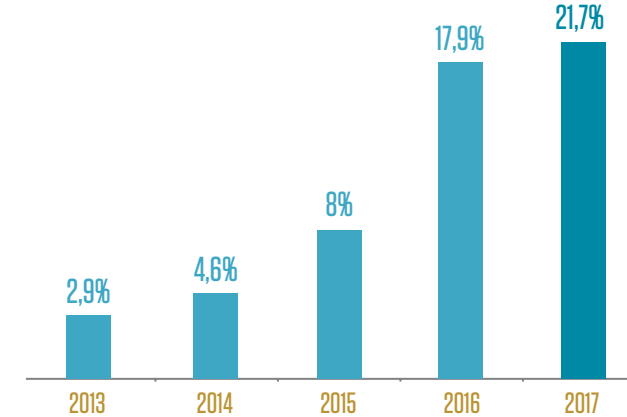
Tổng Tài sản
(Tỷ VND)



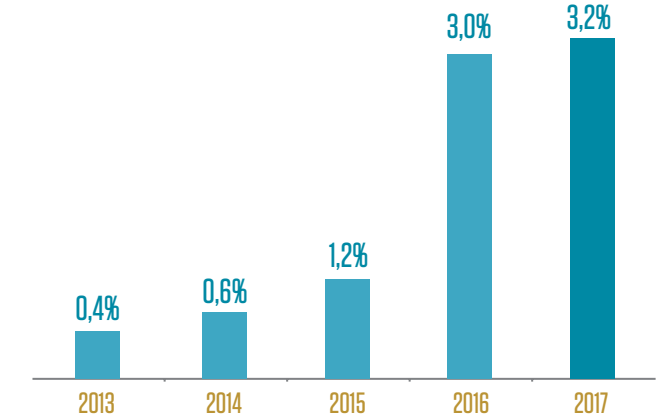
Vốn Chủ sở hữu
(Tỷ VND)



ROE
(%)

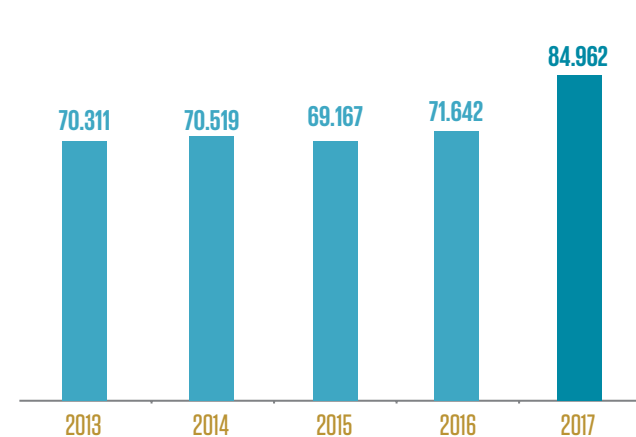


ROS
(%)

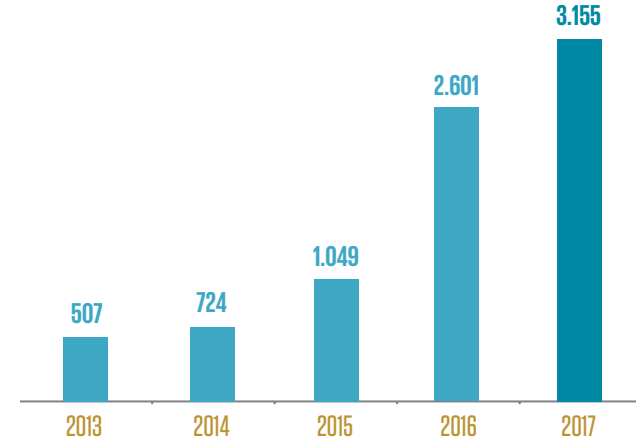


Biểu đồ tăng trưởng các chỉ tiêu tài chính (số liệu hợp nhất)

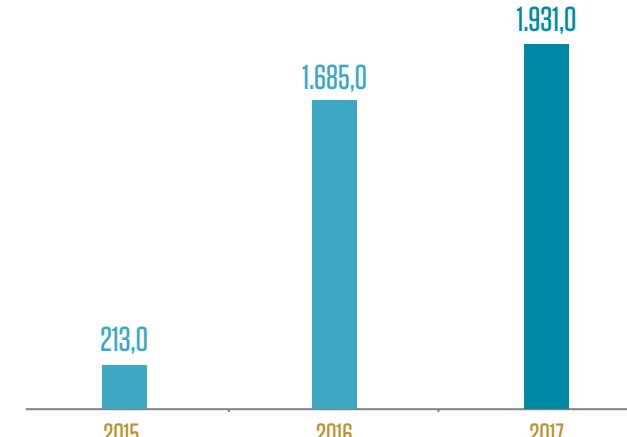
Tổng Doanh thu
(Tỷ VND)



Lợi nhuận trước thuế
(Tỷ VND)



Lãi cơ bản trên cổ phiếu
(VND)



TỔNG DOANH THU

84.962 tỷ VND
▲ 18,6 %

VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.433 tỷ VND
▲ 7,3 %

TỔNG TÀI SẢN

88.551 tỷ VND
▼ 8,2 %

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

3.155 tỷ VND
▲ 21,3 %

VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG

2,4 tỷ USD
▲ 54,6 %

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các mặt hoạt động của VNA

Năm 2017, với sự thống nhất nỗ lực và quyết tâm cao trong toàn hệ thống, VNA đã triển khai thực hiện thành công Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu và hiệu quả sản xuất kinh doanh:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2017	TH 2017	TH2017/ KH2017
1	Hành khách vận chuyển	Triệu khách	22,55	21,91	97,2
2	Hành khách luân chuyển	Tỷ khách.km	35,80	34,72	97,0
3	Hàng hóa vận chuyển	Nghìn tấn	296,79	323,3	108,9
4	Hàng hóa luân chuyển	Nghìn tấn.km	839.834	922.979	109,9
5	Doanh thu				
5.1	Hợp nhất	Tỷ đồng	87.900	84.962	96,7
5.2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	66.872	64.920	97,1
	Trong đó: Doanh thu VTHK	Tỷ đồng	61.993	63.967	103,2
6	Lợi nhuận trước thuế				
6.1	Hợp nhất	Tỷ đồng	1.638	3.155	192,6
6.2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.256	1.911	152,1
7	Lợi nhuận sau thuế				
7.1	Hợp nhất	Tỷ đồng	1.338	2.659	198,7
7.2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.256	1.816	144,6
8	Tổng kinh phí đầu tư	Tỷ đồng	2.925,6	2.187,8	74,8

Hoạt động của Ban điều hành

Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của VNA. Các kết quả đạt được cụ thể như sau:

- Hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.
- Triển khai thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các Nghị quyết/ Quyết định/ Chỉ thị và chỉ đạo của HĐQT, điều hành hoạt động theo đúng phân cấp/ phân quyền giữa HĐQT và Ban điều hành, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ VNA và các quy định, quy chế nội bộ hiện hành.
- Chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo HĐQT và các cơ quan nhà nước về tình hình hoạt động của VNA; luôn nỗ lực khắc phục các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kịp thời đề xuất, kiến nghị HĐQT để có những chỉ đạo định hướng kịp thời phù hợp với tình hình thực tế.
- Không ngừng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, chuyên nghiệp, hiện đại với tinh thần trách nhiệm cao, quyết liệt, chủ động và linh hoạt trong công tác điều hành vì lợi ích của VNA và các cổ đông.

Định hướng hoạt động năm 2018

Dự báo môi trường kinh tế xã hội Việt Nam năm 2018 ổn định, tăng trưởng GDP đạt 6,7% so với năm 2017, thị trường vận tải hàng không tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao (dự báo khách tổng thị trường quốc tế tăng 16,2%, nội địa tăng 13,8% và thuê chuyến tăng 35,4% so với cùng kỳ). Tuy nhiên, VNA cũng sẽ đối mặt với không ít khó khăn, thách thức như giá nhiên liệu tăng cao, tình hình cạnh tranh với phân khúc hàng không giá rẻ ngày càng gay gắt, tình trạng quá tải tại các sân bay (đặc biệt là sân bay Tân Sơn Nhất) cũng như các bất ổn về chính trị, kinh tế trên thế giới dự báo sẽ tiếp tục biến động khó lường.

Trong bối cảnh đó, với mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2018, HĐQT xác định trọng tâm chỉ đạo theo phương châm **"TĂNG TỐC THAY ĐỔI, NHANH HƠN - CAO HƠN"**, liên tục đổi mới sáng tạo trong công tác quản lý điều hành, đảm bảo hoạt động an toàn - chất lượng - hiệu quả. Các định hướng lớn thực hiện trong năm 2018 như sau:

- Nâng cao năng lực quản trị điều hành doanh nghiệp, kiện toàn mô hình tổ chức, trình độ quản lý dự án phù hợp với luật định và các chuẩn mực quốc tế; khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong điều hành trên cơ sở dự báo cập nhật thị trường hàng tuần

cuốn chiếu từng tháng/ quý/ năm theo các lĩnh vực hoạt động để phân đấu hoàn thành mục tiêu, kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên 2018 giao.

- Tiếp tục đẩy mạnh chương trình cải cách hành chính: Phân cấp, ủy quyền, giao quyền cho cấp trực tiếp chủ động trong công việc, dám làm và chịu trách nhiệm. Tiết giảm các quy trình, thủ tục hành chính không cần thiết.
- Đảm bảo tuyệt đối an toàn hoạt động khai thác; Nâng cao chất lượng hoạt động vận tải hàng không và dịch vụ đồng bộ; Lấy khách hàng làm trung tâm, phát triển sản phẩm dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại; Duy trì các tiêu chuẩn dịch vụ của hãng hàng không quốc tế 4 sao.
- Phối hợp chặt chẽ về sản phẩm, nguồn lực, thương hiệu giữa các hãng hàng không trong VNA Group để nâng cao sức cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo mục tiêu phát triển dài hạn, bền vững; Xây dựng phương án liên kết sản phẩm và hàng hóa dịch vụ giữa các doanh nghiệp trong VNA Group.
- Tiếp tục chương trình đổi mới đội tàu bay, chương trình tiết kiệm nhiên liệu giai đoạn 2; Nâng cao năng lực công tác bảo dưỡng tàu bay, động cơ và

các hệ thống kỹ thuật máy bay chính yếu; Quản trị tối ưu chi phí khối kỹ thuật; Hợp tác với các đối tác có năng lực để nâng cao trình độ, phát triển công nghệ và kỹ thuật hàng không tiên tiến, hiện đại.

- Triển khai mạnh mẽ, hiệu quả chiến lược và các chiến dịch marketing, truyền thông quảng cáo sản phẩm, xây dựng thương hiệu VNA hiện đại, chuyên nghiệp, thân thiện, năng động và hiệu quả.
- Thay đổi căn bản công tác kiểm soát và quản trị các công ty có vốn góp của VNA; Hoàn thiện cơ chế chính sách quản lý đối với Người đại diện vốn; Tăng cường công tác kiểm tra giám sát đánh giá hiệu quả hoạt động của các công ty có vốn góp, đặc biệt là các công ty gặp khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao năng suất và chất lượng lao động; Đảm bảo thu nhập và các chế độ, phúc lợi của người lao động; Chú trọng công tác đào tạo, luân chuyển cán bộ đã được quy hoạch giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025.
- Xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch lớn trung dài hạn: Đề án tái cơ cấu VNA và các công ty có vốn góp giai đoạn 2018-2020; Kế hoạch thoái vốn và giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước tại VNA đến năm 2020; Kế hoạch phát triển đội bay giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030...
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2018; Hoàn thành phương án tăng vốn điều lệ chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm của cổ đông Nhà nước; Triển khai thủ tục chuyển đổi cổ phiếu sang niêm yết trên sàn HOSE, mang lại giá trị tốt nhất cho các cổ đông của VNA.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

51 | Môi trường kinh doanh

52 | Kết quả kinh doanh trên các lĩnh vực

71 | Tình hình đầu tư

76 | Tình hình tài chính

85 | Những cải tiến mới về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý



Môi trường kinh doanh

Năm 2017, kinh tế Việt Nam tăng trưởng 6,81% - cao nhất trong 6 năm trở lại đây, các chỉ tiêu vĩ mô ổn định, du lịch tăng trưởng ở mức cao, tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường vận tải hàng không tăng trưởng khá mạnh. Trong đó:

- Thị trường quốc tế đạt 25,4 triệu khách, tăng kỉ lục 23,6% so với cùng kỳ do chứng kiến sự gia tăng đột biến khách từ Hàn Quốc và Trung Quốc (chiếm gần 50% tăng trưởng hàng không quốc tế). Tăng trưởng chủ yếu ở phân khúc hàng không giá rẻ đã gây sức ép cạnh tranh mạnh mẽ lên phân khúc hàng không truyền thống.
- Thị trường nội địa đạt 30,7 triệu lượt, tăng 10% so với cùng kỳ. Sau giai đoạn tăng trưởng nóng về tài cung ứng chủ yếu đến từ phân khúc giá rẻ LCCs (2013-2016), tài thị trường nội địa năm 2017 đã tăng trưởng chậm lại ở mức 6% so với mức tăng trưởng bình quân 20-30% của các năm trước.
- Thị trường thuê chuyến đạt 2,74 triệu lượt, tăng 53% so với cùng kỳ và vượt 3,7% so với dự báo. Tăng trưởng thị trường chủ yếu tập trung ở khu vực Đông Bắc Á.

Tỷ giá các đồng ngoại tệ so với đồng USD biến động ít và theo hướng có lợi cho VNA. Đồng Việt Nam ổn định đã tác động tích cực, làm giảm chi phí tài chính của VNA. Đây là những thuận lợi cơ bản đối với Vietnam Airlines và các công ty thành viên trong VNA Group.

Tuy nhiên, tình hình chính trị, kinh tế và quan hệ thương mại thế giới diễn biến phức tạp, thiên tai, lũ lụt nghiêm trọng xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới và Việt Nam; Giá nhiên liệu tăng cao hơn so với dự báo... đã ảnh hưởng tới nhu cầu vận chuyển và hoạt động kinh doanh vận tải hàng không.

Kết quả kinh doanh trên các lĩnh vực

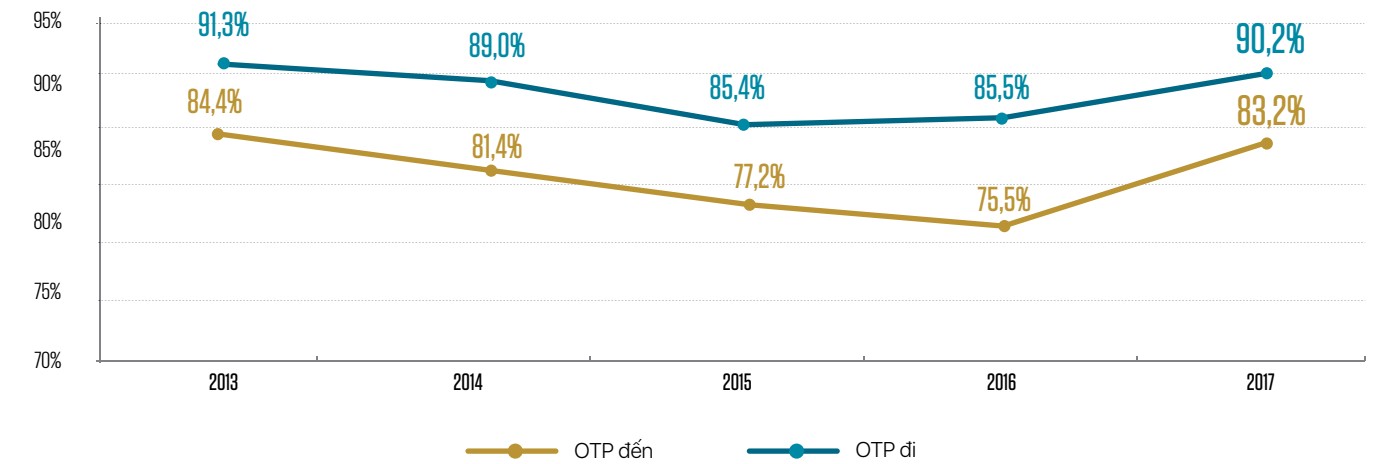
✿ Kết quả vận chuyển hành khách, hàng hóa

VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH

Khu vực	DOANH THU KHÁCH (Tỷ VND)		ASK (Tỷ ghế.km)		RPK (Tỷ khách.km)	
	2017	So với 2016 (%)	2017	So với 2016 (%)	2017	So với 2016 (%)
Nội địa	19.216	17,8%	12,7	7,2%	10,52	10,5%
Châu Âu	6.616	3,7%	7,51	-1,2%	6,33	1,0%
Đông Bắc Á	17.856	9,3%	13,57	5,3%	10,86	5,3%
Đông Nam Á	3.208	-1,9%	2,40	-4,4%	1,86	-7,0%
Châu Úc	2.870	4,0%	3,17	12,4%	2,38	7,9%
Đông Dương	1.985	-6,6%	0,97	-5,1%	0,64	-3,9%
Thuê chuyến	2.921	25,9%	2,32	29,1%	2,12	27,9%
Tổng cộng	54.671	10,4%	42,61	5,3%	34,71	6,4%



Chỉ số đúng giờ (%)



Kết thúc năm 2017, VNA đã thực hiện 142,1 nghìn chuyến bay an toàn, vận chuyển gần 22 triệu lượt khách, hệ số sử dụng ghế đạt 81,5%, chỉ số OTP duy trì ở mức cao xuyên suốt cả năm, ngay cả trong những giai đoạn cao điểm, lễ Tết, trong đó OTP đi bình quân đạt trên 90%, đưa VNA vào nhóm các hãng hàng không có chỉ số bay đúng giờ hàng đầu thế giới.



Năm bắt xu hướng của thị trường vận tải hàng không, trong năm 2017 VNA đã chủ động điều hành linh hoạt, giảm tải trên một số đường bay hiệu quả thấp và tập trung vào phân khúc khách thu nhập cao. Nhờ đó, sản lượng vận chuyển hành khách, tải cung ứng tuy thấp hơn kế hoạch khoảng 3% nhưng hiệu quả khai thác đã được cải thiện đặc biệt ấn tượng.

- Trên đường bay quốc tế, VNA đưa các dòng tàu bay thế hệ mới B787 và A350 vào khai thác trên một số đường bay đặc biệt quan trọng như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Úc; điều chỉnh linh hoạt sản phẩm, tận dụng cơ hội trên các thị trường phát triển mạnh và giảm thiểu ảnh hưởng trong việc gia tăng cạnh tranh, duy trì được doanh thu trung bình và đạt mục tiêu doanh thu theo kế hoạch 2017.

- Trên đường bay nội địa, VNA hoàn thiện các sản phẩm cốt lõi các đường bay trực, tiếp tục thực hiện các chương trình “Giờ tròn, dễ chọn”; “Giờ bay lý tưởng, lựa chọn tối ưu”; chủ động điều hành tải phù hợp với nhu cầu thị trường, tối ưu hóa hiệu quả khai thác. Kết quả chung năm 2017, mặc dù tải nội địa giảm nhẹ so với kế hoạch nhưng hệ số sử dụng ghế và doanh thu vận chuyển hành khách đều tăng so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, sự phối hợp nguồn lực giữa VNA, Vasco và JPA đã giúp VNA Group tăng cường sự hiện diện trên thị trường nội địa, có đường bay khai thác đến tất cả 21 điểm đến trong nước, qua đó thị phần tải nội địa của VNA Group đạt 59%, tăng 1,2 điểm so với 2016.
- Đối với hoạt động thuê chuyến, tổng doanh thu năm 2017 đạt trên 2.900 tỷ đồng, tăng gần 26% so cùng kỳ; chủ yếu khai thác bằng tàu bay A321 vào khung giờ tối muộn, góp phần nâng cao hiệu suất sử dụng tàu bay A321 cũng như hiệu quả khai thác chung của toàn mạng.

VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA, BƯU KIẾN

Khu vực	DOANH THU (Tỷ VND)		AFTK (1000 TẤN.KM)		RFTK (1000 TẤN.KM)	
	2017	So với 2016 (%)	2017	So với 2016 (%)	2017	So với 2016 (%)
Châu Âu	1.265	11,9%	379.065	6,4%	350.402	12,4%
Châu Úc	328	54,0%	158.178	57,2%	103.324	43,3%
Đông Bắc Á	2.159	38,0%	394.708	30,0%	280.217	41,4%
Đông Nam Á	290	1,0%	31.782	2,5%	22.360	5,6%
Đông Dương	13	8,3%	4.874	128,7%	977	-9,7%
Chuyên cơ, Thuê chuyến	10	233,3%	8.243	29,5%	1.703	442,4%
Nội địa	1.703	16,5%	287.229	3,7%	163.785	13,2%
Tổng cộng	5.768	23,5%	1.264.079	17,4%	922.768	23,1%

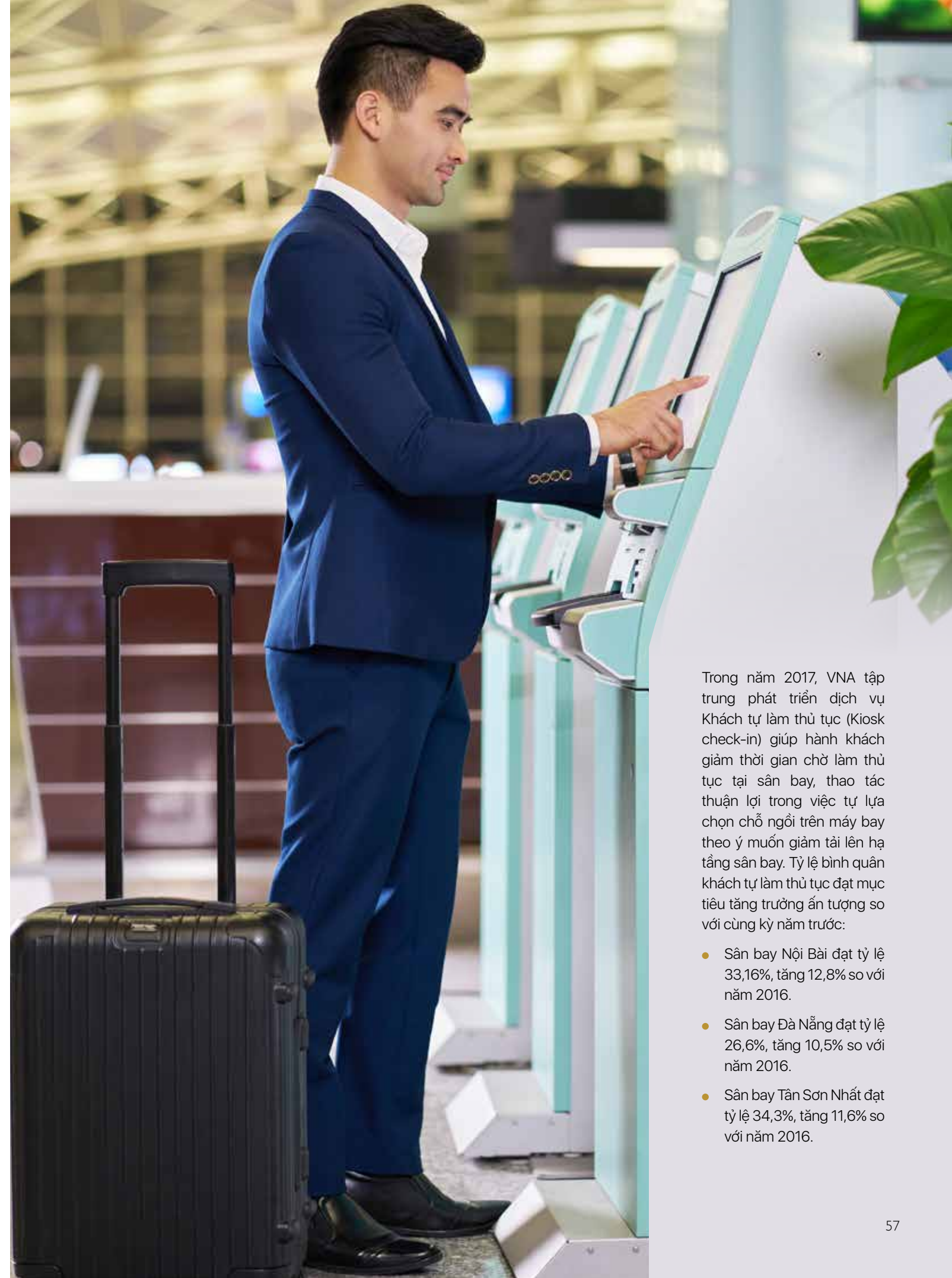
Năm 2017, hoạt động vận tải hàng hóa có bước đột phá lớn với sản lượng vận chuyển và doanh thu hàng hóa đều tăng lần lượt 19% và 22,3% so với cùng kỳ, chủ yếu do VNA tăng tần suất và khai thác bằng đội bay tàu thân rộng (A350 và B787) trên các đường bay quốc tế trọng yếu và đường trực nội địa, đồng thời tổng thị trường hàng hóa hàng không tăng trưởng mạnh trong xu hướng thương mại điện tử phát triển.



Chất lượng dịch vụ

Năm 2017, VNA tiếp tục khẳng định vị thế Hãng hàng không quốc tế 4 sao năm thứ 2 liên tiếp theo tiêu chuẩn của Skytrax. Hãng đã khai trương Trung tâm Chăm sóc khách hàng qua số 19001100 và 19001800 dành cho hội viên Bông Sen Vàng, hoạt động 24/7, cung cấp dịch vụ nổi bật với việc cá nhân hóa công tác chăm sóc khách hàng. Đồng thời, với việc khai thác các phòng khách Bông sen mới tại Nội Bài và Tân Sơn Nhất, VNA đẩy mạnh dây chuyền dịch vụ đồng bộ, nâng cao sự tiện nghi, thoải mái cho hành khách.

Hiệu quả công tác nâng cao chất lượng dịch vụ còn được thể hiện qua chỉ số OTP năm 2017 của VNA vượt mục tiêu, riêng chỉ số OTP khởi hành của các chuyến bay bình quân đạt trên 90%, đưa VNA vào nhóm các hãng hàng không có chỉ số bay đúng giờ hàng đầu thế giới. Đặc biệt, chỉ số OTP luôn được duy trì ở mức cao xuyên suốt cả năm, ngay cả trong những giai đoạn cao điểm, lễ Tết.



Trong năm 2017, VNA tập trung phát triển dịch vụ Khách tự làm thủ tục (Kiosk check-in) giúp hành khách giảm thời gian chờ làm thủ tục tại sân bay, thao tác thuận lợi trong việc tự lựa chọn chỗ ngồi trên máy bay theo ý muốn giảm tải lên hạ tầng sân bay. Tỷ lệ bình quân khách tự làm thủ tục đạt mục tiêu tăng trưởng ấn tượng so với cùng kỳ năm trước:

- Sân bay Nội Bài đạt tỷ lệ 33,16%, tăng 12,8% so với năm 2016.
- Sân bay Đà Nẵng đạt tỷ lệ 26,6%, tăng 10,5% so với năm 2016.
- Sân bay Tân Sơn Nhất đạt tỷ lệ 34,3%, tăng 11,6% so với năm 2016.



CHƯƠNG TRÌNH BÔNG SEN VÀNG

LOTUSMILES



Chạm mốc **1.500.000** hội viên LotuSmiles

Ra đời từ tháng 12/1999, Chương trình Bông Sen Vàng của VNA đã đạt được những bước phát triển vượt bậc sau gần 2 thập kỷ, chạm mốc 1,5 triệu hội viên vào năm 2017. Chương trình Bông Sen Vàng thu hút đông đảo khách hàng tham gia với các ưu đãi đặc biệt dành cho hội viên như tích lũy dặm thưởng, phòng chờ hạng Thương gia, ưu tiên làm thủ tục... Chương trình không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ và ứng dụng công nghệ hiện đại: ra mắt đăng ký trực tuyến trên website (2009), ứng dụng quản lý tài khoản Bông Sen Vàng trên điện thoại di động (2013), tổng đài chăm sóc Hội viên Bông Sen Vàng 24/7 1900 1800 (2017)... Hiện nay, hơn 80 đơn vị thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau (hàng không, viễn thông, tài chính, ngân hàng, du lịch, khách sạn...) là đối tác của chương trình Bông Sen Vàng, mang đến cho hội viên các ưu đãi đa dạng, trải rộng trên nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, sau khi VNA gia nhập SkyTeam vào năm 2010, hội viên Bông Sen Vàng có thể tích lũy dặm và đổi thưởng từ hơn 20 hãng hàng không quốc tế thuộc liên minh hàng không toàn cầu này.

🌸 Mạng đường bay

ĐIỂM ĐẾN			MẠNG ĐƯỜNG BAY		
Trong nước	Quốc tế	Tổng cộng	Trong nước	Quốc tế	Tổng cộng
21	29	50	38	52	90

Với vai trò là Hãng hàng không quốc gia Việt Nam, VNA tự hào có mạng bay rộng lớn với tần suất khai thác dày đặc và lịch bay nối chuyển thuận tiện. VNA hiện đang khai thác các chuyến bay trực tiếp đến 21 sân bay trong nước và 29 sân bay quốc tế.

Trong năm 2017, VNA đã mở đường bay mới Hà Nội – Sydney (Úc) từ lịch bay mùa hè với tần suất 3 chuyến/tuần bằng máy bay Boeing 787-9 Dreamliner, qua đó nâng tổng số chuyến bay khai thác từ Việt Nam đến Úc lên 17 chuyến/tuần. Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu đi lại tăng cao của khách hàng, VNA tăng tần suất đường bay Hà Nội – Yangon (Myanmar) từ 05 chuyến/ tuần lên 7 chuyến/tuần, đường bay Đà Nẵng – Hàng Châu (Trung Quốc) từ 2 chuyến/tuần lên 4 chuyến/ tuần.

Cùng với Jetstar Pacific Airlines, trong tháng 6/2017 VNA đã giới thiệu sản phẩm mới trên đường bay đi/ đến thành phố Osaka (Nhật Bản) dưới sự hiện diện của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc. Theo đó, JPA trở thành hãng hàng không giá rẻ đầu tiên của Việt Nam có đường bay thẳng tới Nhật Bản là Hà Nội/Đà Nẵng – Osaka. Đối với VNA, Hãng chính thức đưa vào khai thác Boeing 787-9 Dreamliner

trên đường bay Hà Nội – Osaka, đánh dấu việc hoàn thiện các đường bay trọng yếu của Hãng từ Hà Nội / Tp. Hồ Chí Minh đến thủ đô Tokyo và Osaka (Nhật Bản) đều được khai thác bằng đội tàu bay mới Boeing 787 và Airbus A350-900 XWB với chất lượng tiêu chuẩn quốc tế 4 sao và chỉ số đúng giờ ở mức cao.

Bên cạnh đó, thông qua thỏa thuận hợp tác liên doanh được ký kết vào tháng 10/2017 giữa VNA và AF, hai hãng cam kết sẽ cung cấp thêm nhiều lựa chọn và sự thuận tiện hơn cho hành khách thông qua kết hợp mạng bay của hai hãng, cũng như thông qua các trung tâm trung chuyển của khu vực và thế giới là sân bay Nội Bài, Tân Sơn Nhất và Paris tới 50 điểm đến ở Châu Âu của AF (so với 14 điểm như hiện tại) và 21 điểm nội địa của VNA, từ đó tiếp tục kết nối với mạng đường bay của các hãng thành viên trong SkyTeam đến hơn 1.000 điểm đến toàn cầu.

Trên thị trường nội địa, VNA đã khai thác trở lại chặng bay Hà Nội – Tuy Hòa với tần suất 4 chuyến/tuần bằng tàu A321. Việc khai thác trở lại điểm đến Tuy Hòa đã khẳng định sự hiện diện của VNA Group trên tất cả các sân bay trong nước, đồng thời củng cố thị phần của Hãng tại nhóm đường bay địa phương.

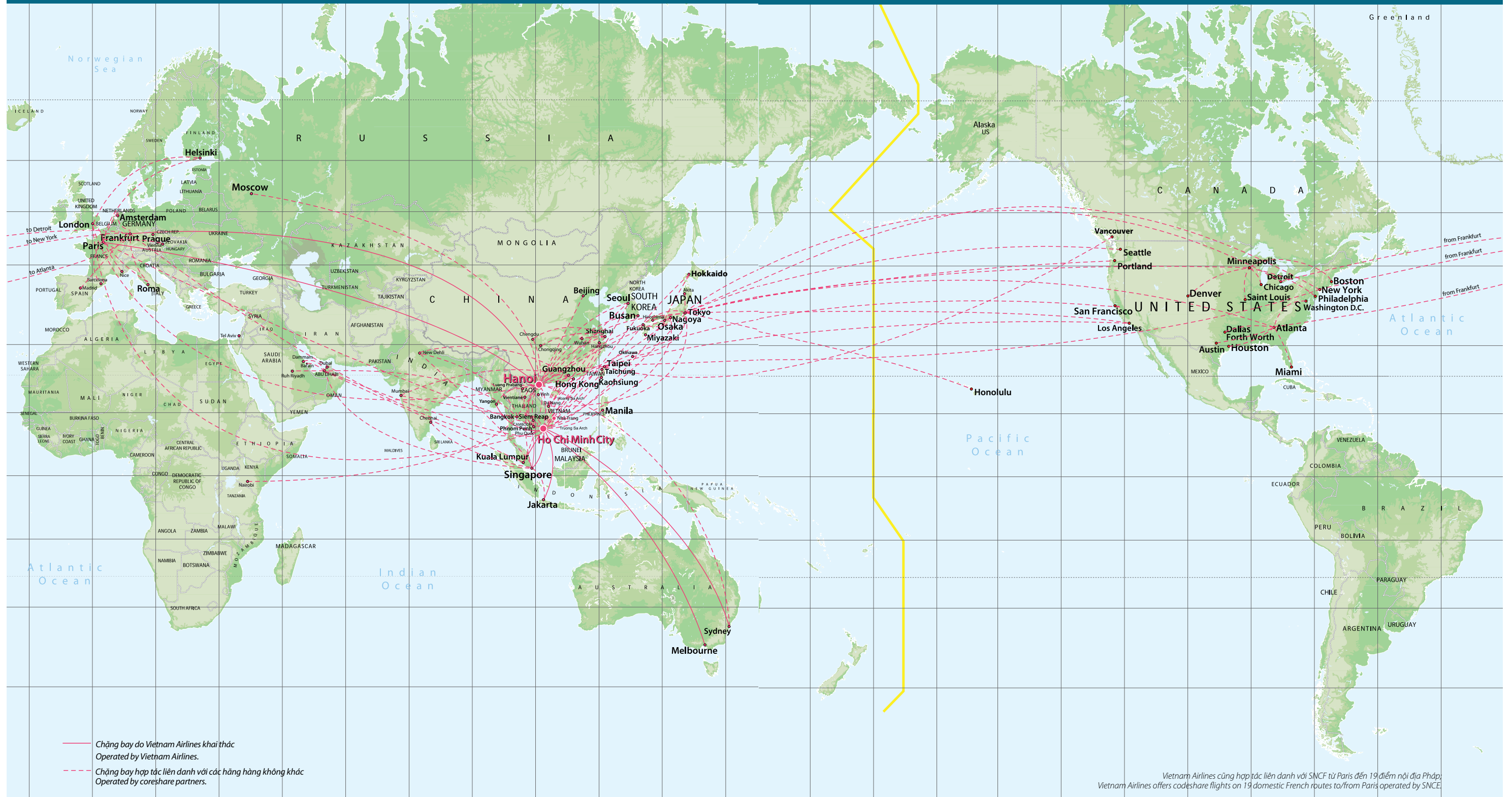
REGIONAL ROUTE MAP



ASIA ROUTE MAP



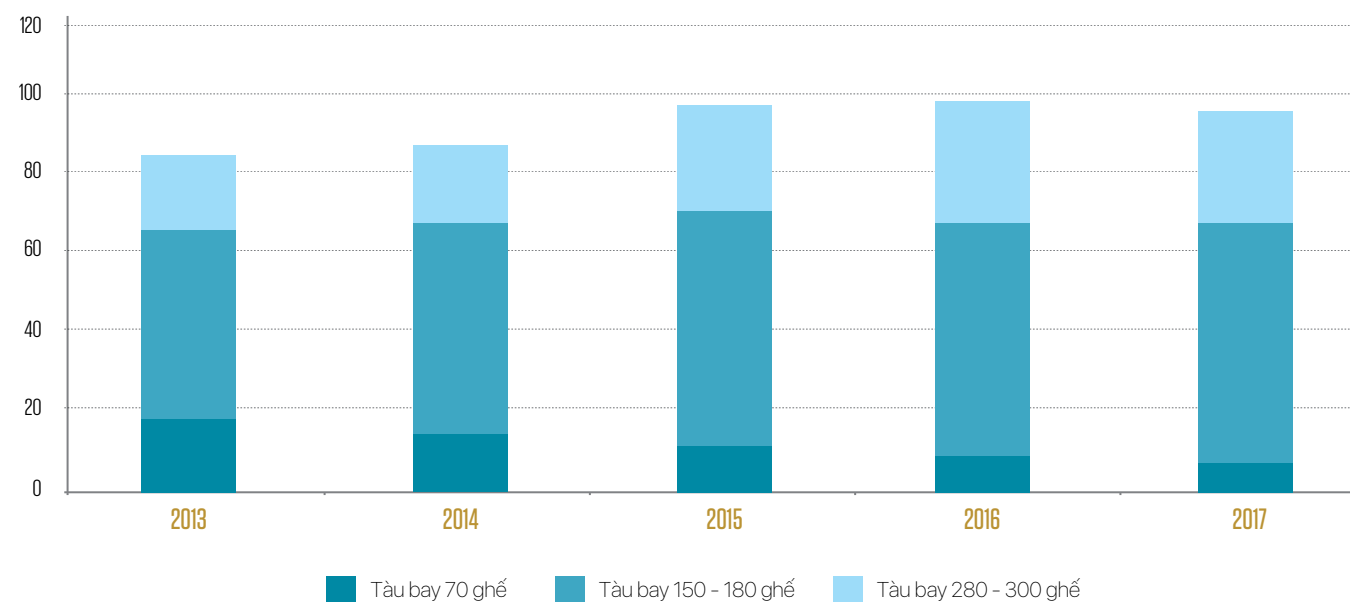
INTERNATIONAL ROUTE MAP



Thị trường	Điểm đến
Việt Nam	21 điểm: MIỀN BẮC: Hà Nội, Điện Biên Phủ, Hải Phòng, Vinh, Thanh Hóa MIỀN TRUNG: Đà Nẵng, Nha Trang, Pleiku, Buôn Mê Thuột, Đà Lạt, Quy Nhơn, Đồng Hới, Tuy Hoà*, Chu Lai, Huế MIỀN NAM: Tp.HCM, Cần Thơ, Cà Mau, Phú Quốc, Rạch giá, Côn Đảo
Tiểu vùng CLM	5 điểm: Vientiane, Luang Prabang (Lào) Phnom Penh, Siem Reap (Campuchia) Rangon (Miến Điện)
Đông Bắc Á	8 điểm: Kaohsiung, Taipei (Đài Loan) Tokyo, Osaka, Fukuoka, Nagoya (Nhật Bản) Seoul, Pusan (Hàn Quốc)
Đông Nam Á	4 điểm: Bangkok, Singapore, Kuala Lumpur, Jarkata
Úc	2 điểm: Sydney, Melbourne (Úc)
Trung Quốc	6 điểm: Hongkong, Shanghai – Thượng Hải, Beijing – Bắc Kinh, Guangzhou – Quảng Châu, Chengdu – Thành Đô, Hangzhou – Hàng Châu (Trung Quốc)
Châu Âu	4 điểm: Paris (Pháp), Frankfurt (Đức), Moscow (Nga), London (Anh)
Tổng cộng	50 điểm

* Nội địa có thêm 1 điểm đến so với 2016 là TBB (Tuy Hòa) do VNA đã khai thác trở lại từ tháng 10/2017

ĐỘI TÀU BAY VIETNAM AIRLINES



VNA là Hãng hàng không có quy mô đội tàu bay lớn nhất và hiện đại nhất tại Việt Nam. Độ tuổi trung bình toàn đội bay thuộc loại trẻ trên thế giới, cơ cấu đội bay chuyển dịch theo hướng hiện đại và đơn giản hóa, ít chủng loại nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, giảm chi phí, tăng doanh thu và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Năm 2017 tiếp tục ghi nhận những thành công trong lộ trình đổi mới đội tàu bay của VNA: Hãng đã hoàn tất việc bán trọn gói 04 tàu bay B777-200ER và 01 động cơ dự phòng PW 4090 sau hơn 15 năm khai thác, trả 01 tàu ATR72 và 03 tàu A330 thuê, tiếp nhận 04 tàu A350 và 01 tàu B787 mới, qua đó nâng tổng số tàu bay thân rộng thế hệ mới của VNA lên 10 tàu A350 và 11 tàu B787. Đến 31/12/2017, tổng số lượng tàu bay của VNA bình quân là 94 chiếc.



TÀU BAY
BÌNH QUÂN

94
tàu bay

TUỔI BÌNH QUÂN
ĐỘI BAY

5,8
năm

TÀU BAY MỚI

10 tàu A350
11 tàu B787

Loại Máy bay	Tại 31/12/2016			Tại 31/12/2017		
	Thuê	Sở hữu	Tổng cộng	Thuê	Sở hữu	Tổng cộng
Tàu bay 70 ghế	5	6	11	4	6	10
ATR	5	6	11	4	6	10
Tàu bay 150-180 ghế	17	41	58	17	41	58
Airbus A321	17	41	58	17	41	58
Tàu bay 280-300 ghế	17	11	28	19	7	26
Airbus A330	8	0	8	5	0	5
Airbus A350	6	0	6	10	0	10
Boeing B777	0	4	4	0	0	0
Boeing B787	3	7	10	4	7	11
Tổng cộng	39	58	97	40	54	94



🌿 Công tác kỹ thuật

Trong năm 2017, VNA tiếp nhận thành công các tàu bay mới A350, B787 và đưa vào khai thác một cách hiệu quả theo quy trình tiếp nhận chuyên nghiệp và sự chuẩn bị kỹ lưỡng ở tất cả các khâu từ đào tạo nhân viên kỹ thuật, bố trí phụ tùng vật tư, triển khai các chương trình bảo dưỡng động cơ, thiết bị bay do các đối tác lớn thực hiện như Rolls-Royce, Thales, Safran... Hiện tại, VNA luôn nằm trong топ đầu của thế giới về độ tin cậy của các tàu bay A350, B787.

Năng lực bảo dưỡng tàu bay của VNA tiếp tục có bước phát triển vượt trội trong năm 2017 khi công ty VAECO (VNA sở hữu 100% vốn góp) đã được

cấp chứng chỉ EASA-145 của Cơ quan An toàn hàng không Châu Âu (tháng 04/2017), trở thành tổ chức bảo dưỡng máy bay duy nhất và đầu tiên ở Việt Nam nhận được cả 2 chứng chỉ uy tín nhất thế giới là FAR-145 (Cục Hàng không Liên bang Mỹ) và EASA-145. Với chứng chỉ EASA-145, VAECO được phép cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa và đưa vào khai thác đối với các máy bay có đăng ký tại Châu Âu, là điều kiện thuận lợi để Việt Nam tiếp tục có thêm phê chuẩn từ các nhà chức trách hàng không khác trên toàn cầu và tạo được niềm tin cho các khách hàng quốc tế cũng như các công ty bảo hiểm hàng không về chất lượng dịch vụ bảo dưỡng của Việt Nam.

🌿 Các chương trình hợp tác

Năm 2017 là một năm sôi động và hiệu quả của Vietnam Airlines trong việc triển khai và mở rộng các chương trình, thỏa thuận hợp tác với các đối tác trong và ngoài lĩnh vực hàng không:



Hợp tác thương mại

- VNA đã triển khai hợp tác liên danh với 01 đối tác mới trong năm 2017 là Bangkok Airways (Thái Lan), nâng tổng số đối tác liên danh lên 26 đối tác (25 hãng hàng không và 01 hãng tàu hỏa Pháp). Thông qua hợp tác song phương, VNA đã bổ sung thêm 89 điểm đến trên toàn cầu và giúp mạng bay hiện diện trên tất cả 05 châu lục.
- Đặc biệt, VNA đã triển khai Thỏa thuận hợp tác liên doanh trên đường bay giữa Việt Nam – Pháp với Air France và thành lập Ban Điều hành JV VN-AF trong năm 2017, góp phần tận dụng thế mạnh của mỗi bên về mạng đường bay, mạng bán, cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, tài chính, khách

hàng thường xuyên, phòng chờ,... với mục tiêu chung là mang lại lợi ích thiết thực cho người tiêu dùng và cộng đồng doanh nghiệp, trong đó có chính VN và AF.

- Về hợp tác đa phương: Với tư cách là thành viên cấp độ cao nhất của SkyTeam, VNA đã tham gia vào các hoạt động và dự án chung của Skyteam, tạo động lực để VNA nâng cấp hệ thống cũng như tiêu chuẩn dịch vụ của Hãng đáp ứng yêu cầu của Liên minh Skyteam. VNA cũng đồng thời tích cực tham gia sâu rộng vào các hoạt động tại các tổ chức đa phương IATA, phát huy vai trò và ảnh hưởng của VNA đối với các chính sách chung theo hướng có lợi cho Việt Nam.



Hợp tác chiến lược

Năm 2017 đánh dấu những bước tiến mới trong quan hệ hợp tác toàn diện giữa VNA với nhà đầu tư chiến lược ANA Holdings Inc. (ANA). Hai bên đã đạt được những kết quả nổi bật trên các lĩnh vực như:

- Mở rộng hợp tác liên danh trên các chặng bay đi/ đến Campuchia do VNA khai thác.
- Cho phép hội viên, khách hàng thường xuyên (FFP) của hai hãng được cộng dặm trên đường bay liên danh thay vì trên chuyến bay liên danh.
- Các hoạt động xúc tiến thương mại chung (chương trình phát động khách Việt Nam đi Nhật Bản, quảng bá hình ảnh và chương trình ưu đãi cho khách hàng thường xuyên).
- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ kỹ thuật, trong đó tập trung vào các nội dung về quản trị doanh nghiệp, thương mại, khai thác, dịch vụ khách hàng, công nghệ thông tin và kỹ thuật.



Hợp tác với chính quyền địa phương (UBND các Tỉnh/ Thành phố)

Nằm trong chiến lược phát triển hợp tác tăng cường quảng bá tiềm năng du lịch, phát triển kinh tế - xã hội của VNA với các tỉnh thành phố lớn, qua đó nâng cao vai trò, quảng bá hình ảnh Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam – VNA, trong năm 2017 VNA đã ký các thỏa thuận hợp tác toàn diện với nhiều UBND Tỉnh và Thành phố lớn như UBND Tp. Hà Nội (ngày 22/2/2017), UBND Tp. Hồ Chí Minh (ngày 29/6), UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (ngày 11/8/2017), UBND tỉnh Khánh Hòa (ngày 18/10/2017).



🌸 Truyền thông, phát triển thương hiệu

Trong giai đoạn 2018-2020, VNA sẽ tập trung phát triển thương hiệu theo định hướng chủ động xây dựng chiến lược, phát triển thương hiệu dài hạn, phù hợp với năng lực, nguồn lực của VNA. Đến năm 2020 tiếp tục đứng đầu tại thị trường Việt Nam, trở thành hãng hàng không hàng đầu

ASEAN về quy mô, được ưa chuộng ở Châu Á về chất lượng dịch vụ, đặc biệt dịch vụ trên không, được nhận biết ở trên toàn thế giới. Công tác thương hiệu và quảng cáo chiến lược toàn cầu tiếp tục được thực hiện với sự tư vấn của đại lý chuyên nghiệp.

- Định vị truyền thông thương hiệu:
 - Năm 2018: Cam kết chất lượng 4 sao ổn định và đồng bộ.
 - Năm 2019: Hãng hàng không luôn nỗ lực vươn lên trên 4 sao.
 - Năm 2020: Hãng hàng không Quốc tế hướng tới 5 sao.





● Chiến lược thương hiệu

Chiến lược khác biệt hóa thương hiệu:

- Hãng hàng không 4 sao, định hướng phát triển 5 sao An toàn, đúng giờ; Dịch vụ đầy đủ, chuyên nghiệp; Giờ bay, lịch bay thuận tiện; Biểu giá linh hoạt.

- Chất lượng vượt sự mong đợi: Dịch vụ chăm sóc khách hàng toàn diện; Mang đến niềm tin về chất lượng và cảm xúc về thương hiệu với khách hàng.
- Khẳng định vị thế so với các đối thủ: trở thành Hãng hàng không 5 sao đẳng cấp quốc tế, có vị thế trong khu vực và quốc tế, đại diện cho hình ảnh và văn hóa Việt Nam.

- Phát triển bền vững và thể hiện trách nhiệm xã hội với các đặc tính thương hiệu Nhân ái, Tự tin, Tận tâm và Đoàn kết, cụ thể như sau:
 - + Trách nhiệm Quốc gia - Điểm chạm văn hóa Việt Nam: Sứ mệnh đóng góp cho phát triển đất nước; Tự hào đại diện hình ảnh quốc gia.

- + Trách nhiệm khách hàng - Luôn quan tâm đến lợi ích khách hàng: Hãng hàng không 4 sao; Đội máy bay hiện đại; Liên minh hàng không và Group VNA.
- + Trách nhiệm xã hội, cộng đồng - Thương hiệu nhân văn với cộng đồng, công chúng.

- + Trách nhiệm công ty - Thương hiệu đoàn kết: Hãng hàng không quốc tế 4 sao, hướng tới 5 sao.
- Xây dựng hình ảnh thương hiệu: Hiện đại, sáng tạo, thân thiện, năng động, hiệu quả và có trách nhiệm xã hội.



🌿 Công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển ngày càng lớn mạnh của VNA, hỗ trợ hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành, tác nghiệp trên tất cả các khối/ lĩnh vực kinh doanh. Trong năm 2017, VNA thực hiện 76 dự án/ đề án CNTT, tập trung vào các hệ thống ứng dụng, hạ tầng CNTT quan trọng. Độ sẵn sàng các hệ thống CNTT trung bình năm đạt 99,97%. Công tác an ninh thông tin và phòng chống tấn công các hệ thống CNTT tiếp tục được đảm bảo với chế độ giám sát chặt chẽ 24/24, nhờ đó VNA đã tổ chức ngăn chặn và bảo vệ thành công hệ thống CNTT trước đợt tấn công an ninh mạng lớn nhất thế giới bằng mã độc nguy hiểm WannaCry và các biến thể từ WannaCry; đồng thời đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động thông suốt trong các dịp cao điểm của năm.

Về phát triển hợp tác trong lĩnh vực CNTT, năm 2017 VNA đã ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với tập đoàn Viettel và FPT để hỗ trợ nâng cao năng lực CNTT cho VNA cũng như mở rộng cơ hội cung cấp sản phẩm dịch vụ giữa các bên, triển khai giám sát, cập nhật, nâng cấp các biện pháp phòng chống tấn công CNTT; Hãng cũng đã ký Quy chế phối hợp với Cục An ninh mạng A68 (Bộ Công an) về đảm bảo an ninh, an toàn thông tin.

Tình hình đầu tư

Trong năm 2017, tổng giá trị thực hiện đầu tư cho các dự án phục vụ hoạt động vận tải hàng không của VNA là 2.188 tỷ đồng. VNA tập trung đầu tư vào các dự án đầu tư trang thiết bị phục vụ đội tàu bay mới A350, B787, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm đáp ứng hoạt động SXKD và nâng cao chất lượng dịch vụ của VNA. Công tác thực hiện đầu tư năm 2017 đã tuân thủ theo đúng quy định, phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển của VNA, đáp ứng nhu cầu cấp thiết và đảm bảo tính hiệu quả.



🌿 Các dự án đầu tư trọng điểm

Năm 2017, VNA triển khai 02 dự án đầu tư nhóm A và 14 dự án đầu tư nhóm B. Các dự án đang triển khai phù hợp với tiến độ được duyệt, trong đó dự án đầu tư 10 tàu bay A350-900 đã nhận 06/10 tàu bay mới, các tàu bay còn lại sẽ nhận trong giai đoạn 2018-2019 theo hình thức SLB. Dự án chuyển đổi 08 tàu bay B787-8 sang B787-9 đã hoàn thành đầu tư (nhận 08/08 tàu bay).

🌿 Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

Trong năm 2017, VNA đã thực hiện đầu tư bổ sung 41,5 tỷ đồng vào các công ty MASCO, NCS và Sabre VN theo phương án tăng vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đánh giá chung, hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp năm 2017 đã thực hiện được các mục tiêu, nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu bảo toàn và phát triển vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp. Hầu hết các danh mục đầu tư có hiệu quả SXKD cao, tổng lợi nhuận/ cổ tức được chia từ các doanh nghiệp này không ngừng tăng trưởng và đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động SXKD của VNA. Theo kết quả







hợp HDQT/ĐHĐCĐ năm 2017 của các đơn vị có vốn đầu tư của VNA, tổng giá trị cổ tức, lợi nhuận VNA được nhận từ kết quả SXKD năm 2016 là 968,5 tỷ đồng, đạt tỷ suất lợi nhuận/ tổng vốn đầu tư tại thời điểm ngày 31/12/2017 là 15%.

🌿 Kết quả hoạt động của các công ty có vốn góp

Hoạt động của VNA và các công ty có vốn góp trong VNA Group có sự liên kết chặt chẽ với nhau, phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính của VNA.

STT	Công ty	Tình hình hoạt động
1		Tháng 3/2017, Vaeco được cơ quan an toàn Hàng không Châu Âu phê chuẩn tổ chức bảo dưỡng tàu bay EASA145, qua đó Vaeco đã có chứng chỉ tổ chức bảo dưỡng máy bay từ 2 Nhà chức trách Hàng không hàng đầu thế giới là FAA và EASA, tạo nên uy tín, vị thế cho Vaeco trong khu vực và trên thế giới. Công ty đã đảm bảo an toàn tuyệt đối trong công tác bảo dưỡng, phục vụ khai thác bay cho VNA và các khách hàng khác, sử dụng vốn an toàn, hiệu quả, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, kế hoạch SXKD. Năm 2017, tổng doanh thu của Vaeco là 2.233 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 127,6 tỷ đồng, tăng khoảng 15% so với năm 2016.
2		Để đáp ứng yêu cầu về các chỉ tiêu chất lượng của nhiên liệu tra nạp cho máy bay, công ty đã đầu tư xây dựng 03 phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 với 10 phép thử tiêu chuẩn. Hệ thống quản lý chất lượng Công ty đạt tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001-2008 và đang trong quá trình cải tiến nâng cấp hệ thống lên tiêu chuẩn ISO 9001-2015. Năm 2017, tổng doanh thu của Skypec là 20.767,7 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 321 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2016.
3		Công ty đã được nhận được chứng chỉ tiêu chuẩn ISO 9001-2008 và rất nhiều giải thưởng dành cho nhà cung cấp suất ăn từ các hãng hàng không lớn trong khu vực và thế giới như Singapore Airlines, All Nippon Airways, Korean Air, United Airlines... Tháng 6/2017, công ty đã được nhận giải thưởng Công ty suất ăn tốt nhất năm 2016 của Hãng hàng không Asiana Airlines. Năm 2017, tổng doanh thu của Vacs là 825,78 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 171,81 tỷ đồng, tăng 6,76% so với năm 2016.
4		Với tiền thân là các xí nghiệp cung cấp dịch vụ mặt đất có hơn 25 năm kinh nghiệm, VIAGS sở hữu hơn 4.000 nhân viên tay nghề cao, được đào tạo từ cơ bản đến chuyên môn sâu và hệ thống trang thiết bị hiện đại luôn được vận hành theo tiêu chuẩn an toàn, chất lượng cao nhất đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001-2015 và ISAGO. Năm 2017 là năm thứ hai đi vào hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên, Viags đã đạt được kết quả SXKD cao với tổng doanh thu là 1.857 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 167 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2016.
5		Định hướng phát triển của NCTS là trở thành công ty phục vụ hàng hóa chuyên nghiệp, hàng đầu tại khu vực phía Bắc Việt Nam. Năm 2017, NCTS đã được tiếp tục cấp chứng chỉ ISAGO và chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, vinh dự được nhận giải thưởng là đơn vị cung cấp dịch vụ hàng hóa đứng thứ 2 trên toàn mạng bay của Singapore Airlines và nhiều thư khen từ các hãng hàng không lớn như China Southern Airlines, Etihad Airways,... Tổng doanh thu năm 2017 của NCTS đạt 742 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 340 tỷ đồng, bằng 127% kế hoạch năm.

STT	Logo công ty	Tình hình hoạt động
6		Thực hiện chuyển đổi từ công ty TNHH thành CTCP DVHH Tân Sơn Nhất từ 01/08/2017, trong đó VNA sở hữu 55% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa cho các chuyến bay quốc tế tại Sân bay Tân Sơn Nhất cho các khách hàng là các hãng hàng không quốc tế, đại lý giao nhận hàng hóa. Định hướng phát triển của TCS là trở thành một trong những nhà ga khai thác hàng hóa hàng không hàng đầu Đông Nam Á. Năm 2017, TCS đã vinh dự đón nhận chứng chỉ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 với phạm vi áp dụng "Phục vụ hàng hóa hàng không", nhận được nhiều thư khen từ các hãng hàng không lớn như Korean Air, China Airlines và được biểu dương "Doanh nghiệp tiêu biểu 2017" của Chi cục Hải quan Cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất. Với vị thế tiên phong cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hoá qua cảng Hàng không Tân Sơn Nhất, TCS có lợi nhuận tăng trưởng hàng năm cao, trong đó năm 2017, tổng doanh thu của TCS đạt 815 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 515 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2016.
7		Năm 2017, tổng doanh thu của TECS đạt 299,8 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 77,7 tỷ đồng, tăng 114,4% so với năm 2016.
8		Năm 2017, Vinako đã được Hiệp hội vận chuyển hàng không quốc tế (IATA) cấp Giấy chứng nhận là thành viên chính thức của IATA. Kết quả SXKD 2017, tổng doanh thu của Vinako đạt 148,36 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 18,23 tỷ đồng, tăng 8,27% so với năm 2016. Dự kiến lợi nhuận chia về TCTHK từ kết quả SXKD 2017 của Vinako là 9.36 tỷ đồng.
9		Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các món ăn, thức ăn chế biến sẵn, dịch vụ ăn uống... với gần 30 năm kinh nghiệm. NCS duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005, tiêu chuẩn HACCP, HALAL vào hoạt động sản xuất. Kể từ khi thành lập, hàng năm NCS đều được các hãng hàng không lớn trên thế giới bình chọn là công ty suất ăn xuất sắc (Hãng hàng không Japan Airlines bình chọn NCS là "Công ty suất ăn tốt nhất Châu Á năm 2017"). Năm 2017, tổng doanh thu của NCS đạt 616.343 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 105,15 tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2016.

STT	Logo công ty	Tình hình hoạt động
10		Nasco đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Nasco đã nhận được Giấy chứng nhận của tổ chức Skytrax về phòng C đạt tiêu chuẩn chất lượng 4 sao; Giấy chứng nhận của BSI về hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015. Năm 2017, Nasco tiếp tục mở rộng dịch vụ phục vụ cho các khách hàng nước ngoài, ký hợp đồng với các đối tác mới như: Hãng hàng không Air Macau, Asiana Airlines. Năm 2017, tổng doanh thu của Nasco đạt 420 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 2,36 tỷ đồng.
11		VFT là tổ chức huấn luyện phi công đầu tiên tại Việt Nam được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn. Năm 2017, tổng doanh thu của VFT đạt 46,64 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 7,6 tỷ đồng, tăng 17,05% so với năm 2016.
12		AITS đóng vai trò trong dây chuyền vận tải hàng không của VNA thông qua việc cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin - viễn thông trọng yếu như: hệ thống Amasis, hệ thống cổng thông tin điện tử nội bộ (Webportal), hệ thống giám sát chủ động (Monitoring), hệ thống Netline, hệ thống Email... Năm 2017, tổng doanh thu của AITS đạt 193,4 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 9,4 tỷ đồng, tăng 92,5% so với năm 2016.
13		Từ khi được thành lập đến nay, hoạt động SXKD của công ty luôn được duy trì và có sự tăng trưởng tốt. Năm 2017, tổng doanh thu của Alsimexco đạt 330,27 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 5,45 tỷ đồng, tăng 44% so với năm 2016. Dự kiến cổ tức chia về TCTHK từ kết quả SXKD 2017 của Alsimexco là 1,87 tỷ đồng.
14		Năm 2017, Sabre VN đã triển khai mảng chăm sóc khách hàng phục vụ VNA. Kết quả năm 2017, tổng doanh thu của Sabre đạt 77,8 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 8,6 tỷ đồng, tăng 226% so với năm 2016. Dự kiến cổ tức chia về TCTHK từ kết quả SXKD 2017 của Sabre là 3 tỷ đồng.
15		Phát triển JPA theo mô hình LCC để khai thác phân khúc thị trường giá rẻ nhằm tăng sức cạnh tranh của VNA Group là nhu cầu thiết yếu, phù hợp với xu thế chung của thị trường vận tải hàng không và chiến lược phát triển của VNA Group. Trong năm 2017, VNA đã chỉ đạo Người đại diện vốn góp tại JPA có những biện pháp điều hành linh hoạt hoạt động SXKD của JPA nhằm tăng doanh thu, giảm chi phí, đồng thời cũng đã đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tái cơ cấu hoạt động của JPA.

Công Ty liên kết

TT	Logo công ty	Tình hình hoạt động
1		VALC được thành lập với mục tiêu là mua máy bay để cho các hãng hàng không trong nước thuê hoạt động, khai thác, qua đó góp phần phát triển ngành hàng không Việt Nam, tăng số lượng máy bay do Việt Nam sở hữu, giảm bớt sự lệ thuộc vào thị trường cung cấp máy bay quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh và thúc đẩy sự hội nhập của ngành hàng không Việt Nam với thế giới. Năm 2017, tổng doanh thu của VALS đạt 85,5 triệu USD, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 26,6 triệu USD, tăng 2,74% so với năm 2016.
2		Với nỗ lực hoàn thiện hệ thống an toàn chất lượng và an ninh đáp ứng tiêu chuẩn IOSA, K6 đã được cấp chứng chỉ IOSA tháng 7/2017 và sau đó là công nhận thành viên IATA tháng 8/2017. Theo đó, K6 là hãng hàng không đầu tiên của Campuchia đạt các chứng chỉ quốc tế này, tạo điều kiện cho việc mở rộng hợp tác thương mại với các hãng hàng không quốc tế. K6 đã hợp tác toàn diện với VNA về code-share trên mạng bay nội địa, mạng bay quốc tế đến Anh, Pháp, Hồng Kông, triển khai hợp tác code-share với Lao Airlines từ tháng 9/2017.
3		Masco là đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hàng không sớm nhất và lâu nhất tại các sân bay khu vực miền Trung. Năm 2017, tổng doanh thu của Masco đạt 296,86 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 49,47 tỷ đồng, bằng 88,9% so với năm 2016. Dự kiến cổ tức chia về TCTHK từ kết quả SXKD 2017 của Masco là 11,5 tỷ đồng.
4		Airimex đã được Cục Hải quan Hà Nội ghi nhận là đơn vị có thành tích tốt trong triển khai thực hiện Hệ thống thông quan tự động và cơ chế một cửa quốc gia (VNACCS/VCIS) và đã được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) tôn vinh là một trong 30/500 doanh nghiệp minh bạch nhất sàn HNX năm 2013 – 2014. Năm 2017, tổng doanh thu của Airimex đạt 255 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế của công ty đạt 10,3 tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2016.
5		Aplaco hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp nhựa. Aplaco là một trong những doanh nghiệp hàng đầu của ngành công nghiệp nhựa Việt Nam, có đầy đủ thiết bị và công nghệ hiện đại, sản xuất các loại sản phẩm hàng hóa có yêu cầu chất lượng cao, tiện dụng với kiểu dáng, màu sắc đa dạng, phong phú bao gồm: Các sản phẩm phục vụ các hãng hàng không, các sản phẩm nhựa bao bì đóng gói, các sản phẩm nhựa bao bì đóng gói....

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

ĐVT: Tỷ VND

STT	Chi tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch 2017/2016	
				Giá trị	%
I VNA Group					
1	Tổng giá trị tài sản	96.480	88.550	-7.930	-8,2%
2	Vốn chủ sở hữu	16.245	17.433	+1.188	+7,3%
3	Tổng doanh thu	71.642	84.962	+13.320	+18,6%
4	Doanh thu thuần	70.089	82.951	+12.862	+18,4%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	2.067	2.068	+1	+0,04%
6	Lợi nhuận trước thuế	2.601	3.155	+554	+21,3%
7	Lợi nhuận sau thuế	2.105	2.659	+554	+26,3%
II Vietnam Airlines					
1	Tổng giá trị tài sản	87.033	79.197	-7.836	-9,0%
2	Vốn chủ sở hữu	16.302	16.931	+629	+3,9%
3	Tổng doanh thu	58.389	64.920	+6.531	+11,18%
4	Doanh thu thuần	56.518	63.375	+6.856	+12,1%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	1.234	1.521	+287	+23,2%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.711	1.911	+200	+11,7%
7	Lợi nhuận sau thuế	1.703	1.816	+113	+6,6%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ KỶ LỤC

VNA Group

3.155 Tỷ VND

▲ 21,3 %

Vietnam Airlines

1.911 Tỷ VND

▲ 11,7 %

Năm 2017, với sự tăng trưởng của thị trường vận tải hàng không, VNA đã chủ động nắm bắt cơ hội, triển khai hiệu quả các giải pháp quản trị, điều hành để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Lợi nhuận trước thuế của VNA Group tăng trưởng cao đạt 3.155 tỷ đồng, tăng 26,3% so với 2016 và vượt 92,6% so với kế hoạch, Lợi nhuận trước thuế của công ty mẹ (Vietnam Airlines) đạt 1.911 tỷ đồng, tăng 11,7% so với 2016 và vượt 52,2% kế hoạch.

Năm 2017, VNA được ghi nhận là **Doanh nghiệp có chỉ số tài chính tốt nhất thị trường**. Theo đánh giá của Brand Finance, giá trị thương hiệu của VNA được định giá 310 triệu USD, tăng trên 60% so với năm 2016.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017
VNA Group			
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,76	0,65
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,67	0,55
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ phải trả/ Tổng tài sản	lần	0,83	0,80
Nợ phải trả (không bao gồm thu bán chứng từ vận chuyển) / vốn chủ sở hữu bình quân	lần	4,52	3,64
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (= giá vốn hàng bán / hàng tồn kho bình quân)	lần	26,7	24,3
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	lần	0,73	0,94
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	3,00%	3,21%
Hệ số LNST/ Vốn đầu tư của CSH bình quân	%	17,94%	21,66%
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	2,18%	3,00%
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)	Đồng	1.685	1.931
Vietnam Airlines			
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	0,63	0,50
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,62	0,48
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	81,27%	78,62%
Nợ phải trả (không bao gồm thu bán)/ Vốn chủ sở hữu	lần	3,94	3,26
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (= giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	lần	149,59	127,13
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	lần	0,65	0,80
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	3,01%	2,87%
Hệ số LNST/ Vốn đầu tư của CSH bình quân	%	14,51%	14,79%
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	1,96%	2,29%
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)	Đồng	1.388	1.479

Hiệu quả SXKD và các cân đối tài chính cải thiện đáng kể theo hướng hiệu quả, cân đối, minh bạch và bền vững. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2017 đều tăng so với 2016 do doanh thu, lợi nhuận thực hiện đều tốt hơn. Chỉ tiêu hệ số nợ giảm so với cùng kỳ năm trước do vốn chủ sở hữu tăng trong kỳ. Các chỉ số phản ánh khả năng thanh toán đều được cải thiện đáng kể, VNA không để phát sinh nợ phải trả quá hạn, đảm bảo thanh toán gốc và lãi vay đến hạn. Đánh giá chung trong năm 2017 năng lực tài chính của VNA an toàn, lành mạnh.

Đánh giá tình hình tài chính hợp nhất

DOANH THU

ĐVT: Tỷ VND

Cơ cấu doanh thu VNA Group	2016	2017	Chênh lệch 2017/2016	
			Giá trị	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	70.572	83.554	12.982	118,4%
<i>Doanh thu vận tải hàng không</i>	60.052	68.929	8.877	114,8%
<i>Doanh thu phụ trợ vận tải</i>	3.679	4.255	576	115,7%
<i>Doanh thu bán hàng</i>	5.852	9.529	3.677	162,8%
<i>Doanh thu khác</i>	989	841	-148	85,0%
2. Giảm trừ doanh thu	483	603	120	124,8%
3. Doanh thu thuần	70.089	82.951	12.862	118,4%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	900	907	7	100,8%
5. Thu nhập khác	578	1.125	547	194,6%
6. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	75	-20	-95	-26,7%
7. Tổng doanh thu và thu nhập khác	71.641	84.962	13.321	118,6%

Tổng doanh thu: Bao gồm doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết và thu nhập khác

Tổng chi phí: Bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp, chi phí khác

Năm 2017 đã ghi nhận sự tăng trưởng doanh thu thuần hợp nhất với mức tăng 18,4% so với 2016, tương đương đạt 82.951 tỷ đồng. Trong cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất, hoạt động vận tải hàng không chiếm tỷ trọng lớn nhất (tỷ trọng 83,1% doanh thu thuần) và chủ yếu đến từ đóng góp doanh thu của VNA, JPA và K6, qua đó khẳng định vận tải hàng không luôn đóng vai trò quyết định trong kết quả sản xuất kinh doanh của Group.

CHI PHÍ

ĐVT: Tỷ VND

Cơ cấu chi phí VNA Group	2016	2017	Chênh lệch 2017/2016	
			Giá trị	%
1. Chi phí nguyên vật liệu	21.239	28.709	7.470	35,2%
2. Chi phí nhân công	8.283	8.838	555	6,7%
3. Khấu hao Tài sản cố định	5.218	5.193	-25	-0,5%
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.699	35.066	5.367	18,1%
5. Các khoản chi SXKD khác	1.508	1.670	162	10,7%
6. Chi phí tài chính	3.049	2.294	-755	-24,8%
7. Chi phí khác	45	37	-8	-17,8%
Tổng cộng	69.041	81.807	12.766	18,5%

Tổng chi phí hợp nhất đạt 81.807 tỷ đồng, tăng 18,5% so với năm 2016. Chi phí hợp nhất tăng chủ yếu là do chi phí nguyên vật liệu (nhiên liệu máy bay) và chi phí dịch vụ mua ngoài (tiền thuê máy bay, động cơ) tăng cao, lần lượt có mức tăng là 35,2% và 18,1% so với cùng kỳ. Đây cũng là hai khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí hợp nhất, với tỷ trọng tương ứng là 35,1% và 42,9%.

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Tỷ VND

Chỉ tiêu	2016	2017	Chênh lệch 2017/2016	
			Giá trị	%
1. Tài sản ngắn hạn	22.309	21.122	-1.187	-5,3%
2. Tài sản dài hạn	74.171	67.428	-6.743	-9,1%
Tổng tài sản	96.480	88.550	-7.930	-8,2%

Tổng tài sản hợp nhất tại thời điểm 31/12/2017 là 88.550 tỷ đồng, giảm 7.299 tỷ đồng so với năm 2016 (tương đương 8,2%). Nguyên nhân chủ yếu do Vietnam Airlines bán 4 tàu bay B777 và trích khấu hao TSCĐ máy bay trong khi chưa thực hiện đầu tư máy bay mới, dẫn đến tài sản dài hạn giảm 9,1% so với năm 2016, từ 74.171 tỷ đồng cuối năm 2016 xuống còn 67.428 tỷ đồng. Cùng với đó, tài sản ngắn hạn cũng giảm 5,3% so với 2016, tương đương 1.187 tỷ đồng (chủ yếu do giảm tiền ứng trước mua các máy bay A350 thực hiện cấu trúc bán và thuê lại trong năm). Như vậy, tính đến cuối năm 2017, tổng tài sản của VNA Group đã giảm 8,2% so với cùng kỳ 2016.



Đánh giá tình hình tài chính của Vietnam Airlines (công ty mẹ)

VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN, VAY NỢ

ĐVT: Tỷ VND

Chỉ tiêu	2016	2017	Chênh lệch 2017/2016	
			Giá trị	%
1. Nợ phải trả	80.236	71.118	-9.118	-11,4%
Nợ ngắn hạn	29.363	32.739	3.376	11,5%
Nợ dài hạn	50.873	38.379	-12.494	-24,6%
2. Vốn chủ sở hữu	16.245	17.433	1.188	7,3%
Tổng nguồn vốn	96.480	88.550	-7.930	-8,2%

Xét về cơ cấu tổng nguồn vốn hợp nhất, tính đến 31/12/2017 vốn chủ sở hữu của VNA Group tăng 1.188 tỷ đồng so với cùng kỳ 2016 (tăng 7,3%), lên mức 17.433 tỷ đồng (chủ yếu là do LNST chưa phân phối tăng cao, khoảng 61,4%). Trong khi đó, tổng nợ phải trả giảm 11,4% so với cùng kỳ, chịu tác động mạnh bởi sự sụt giảm của nợ dài hạn (giảm tới 24,6% so với cùng kỳ). Nguyên nhân là do trong kỳ VNA đã thực hiện cấu trúc bán và thuê lại 01 tàu bay B787 và 04 A350 nên không làm phát sinh nợ vay dài hạn; đồng thời TCTHK đã thực hiện trả trước hạn đối với các khoản vay dài hạn có lãi suất cao nhằm giảm thiểu chi phí lãi vay và dư nợ vay dài hạn. Theo đó, dư nợ vay và thuê tài chính dài hạn đã giảm mạnh từ 49.829 tỷ đồng xuống còn 37.433 tỷ đồng (giảm 24,88% so với cùng kỳ).

HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH

ĐVT: Tỷ VND

Chỉ tiêu	2016	2017	Chênh lệch 2017/2016	
			Giá trị	%
1. Tổng doanh thu	71.642	84.962	+13.320	+18,6%
2. Tổng chi phí	69.041	81.807	+12.766	18,5%
3. Lợi nhuận trước thuế	2.601	3.155	+554	+21,3%
4. Lợi nhuận sau thuế	2.105	2.659	+554	+26,3%

Kết thúc năm 2017, lợi nhuận trước thuế của VNA Group đạt 3.155 tỷ đồng, tăng 554 tỷ đồng, tương đương tăng 21,3% so với năm 2016 và vượt gần gấp đôi so với kế hoạch. Ngoài đóng góp từ lợi nhuận của Công ty mẹ VNA (tăng 200 tỷ đồng) còn có đóng góp từ tăng trưởng lợi nhuận của một số công ty con như Skyspec, Viags, TCS.

Đánh giá chung, các chỉ số hoạt động và khả năng sinh lời của VNA Group đều tăng trưởng tốt so với năm 2016, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn góp của cổ đông (ROE) đạt 21,66%, tăng 3,73 điểm % so với năm 2016, lợi nhuận tăng cao trong khi nợ phải trả giảm đã làm cải thiện hệ số nợ trên Vốn CSH của VNA Group từ mức 4,94 lần giảm xuống còn 4,08 lần, dư nợ vay trên Vốn CSH giảm từ mức 3,75 xuống còn 2,7 lần, đảm bảo hệ số an toàn tài chính.

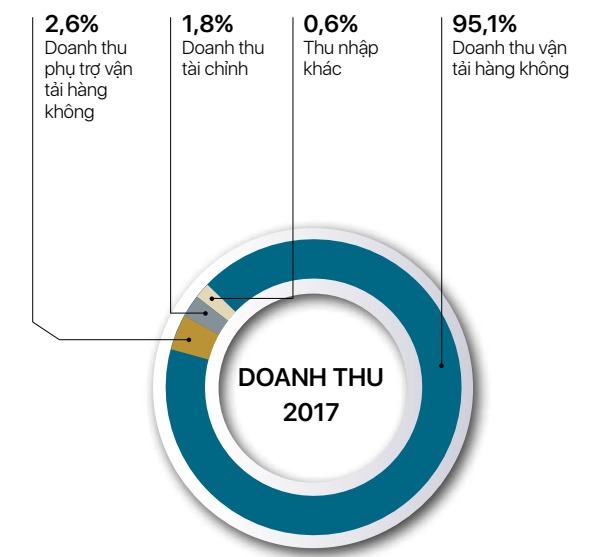
DOANH THU

ĐVT: Tỷ VND

Chỉ tiêu	2016	2017	Chênh lệch 2017/2016	
			Giá trị	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.993	63.967	6.974	12,2%
1.1. Doanh thu vận tải hàng không	55.281	62.310	7.029	12,7%
* Hành khách, hành lý	47.272	52.467	5.195	11,0%
* Hàng hóa, bưu kiện	4.835	5.938	1.103	22,8%
* Chuyên cơ, Thuê chuyến	2.329	2.950	621	26,7%
* Khác	845	955	110	13,0%
1.2. Doanh thu phụ trợ vận tải	1.712	1.656	-56	-3,3%
2. Giảm trừ doanh thu	475	592	117	24,6%
3. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh	56.518	63.375	6.857	12,1%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	1.391	1.150	-241	-17,3%
5. Thu nhập khác	480	395	-85	-17,7%
Tổng doanh thu và thu nhập khác (= 3 +4 +5)	58.389	64.920	6.531	11,2%

DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC (CÔNG TY MẸ)

Doanh thu thuần HĐKD năm 2017 đạt 63.375 tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2016. Doanh thu được cải thiện về cơ cấu, chất lượng. Doanh thu hành khách bình quân (RASK) tăng 3% so với cùng kỳ.



CHI PHÍ

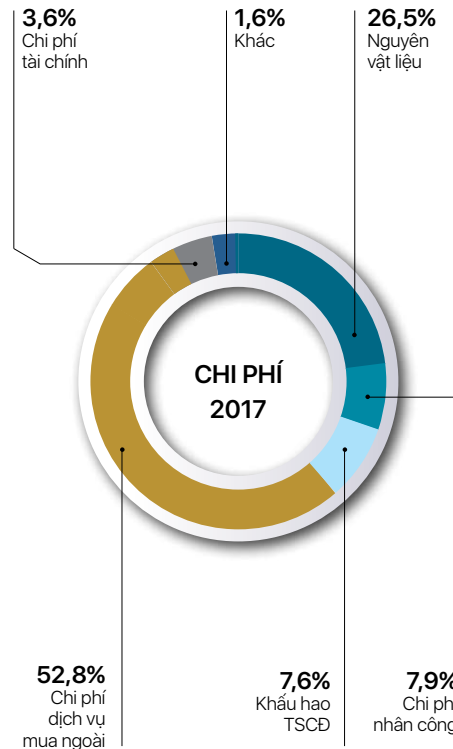
ĐVT: Tỷ VND

Cơ cấu chi phí Vietnam Airlines	2016	2017	Chênh lệch 2017/2016	
			Giá trị	%
1. Chi phí nguyên vật liệu	13.243	16.699	3.456	26,1%
2. Chi phí nhân công	5.016	4.963	-53	-1,1%
3. Khấu hao Tài sản cố định	4.835	4.792	-43	-0,9%
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.306	33.274	3.968	13,5%
5. Các khoản chi SXKD khác	646	1.007	361	55,9%
6. Chi phí tài chính	3.629	2.267	-1.362	-37,5%
7. Chi phí khác	3	5	2	66,66%
Tổng cộng	56.678	63.008	6.331	11,2%

CƠ CẤU CHI PHÍ CỦA CÔNG TY MẸ

Năm 2017, ngân sách và chi phí được kiểm soát chặt chẽ theo mục tiêu, tổng chi phí Công ty mẹ đạt 63.008 tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm 2016, chủ yếu do giá nhiên liệu tăng và chi phí tiền thuê máy bay tăng khi VNA thực hiện cấu trúc SLB cho 01 tàu bay B787 và 4 tàu bay A350 mới nhận trong năm.

Trong cơ cấu chi phí của Công ty mẹ, chi phí nguyên vật liệu và chi phí dịch vụ mua ngoài chiếm tỷ trọng rất lớn, tương ứng là 26,5% và 52,8%.



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Tỷ VND

Chỉ tiêu	2016	2017	Chênh lệch 2017/2016	
			Giá trị	%
1. Tài sản ngắn hạn	12.913	12.261	-652	-5,0%
2. Tài sản dài hạn	74.120	66.936	-7.184	-9,7%
Tổng tài sản	87.033	79.197	-7.836	-9,0%

Tổng tài sản của VNA tại thời điểm 31/12/2017 là 79.197 tỷ đồng, giảm 7.836 tỷ đồng so với năm 2016 (tương đương 9%), trong đó tài sản dài hạn giảm tới 7.184 tỷ đồng (tương đương 9,7%) và tài sản ngắn hạn giảm 5% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do VNA bán 4 tàu bay B777 và trích khấu hao TSCĐ máy bay, trong khi chưa thực hiện đầu tư thêm máy bay mới. Như vậy, đến cuối năm 2017, tỷ trọng tài sản dài hạn có xu hướng giảm so với cùng kỳ từ 85,2% xuống 84,5%, trong khi tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng từ 14,8% lên 15,5%.

VNA thực hiện công tác quản lý công nợ phải thu, trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo đúng các quy định hiện hành. Số dư trích dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2017 là 25,7 tỷ đồng, giảm 0,8% so với cùng kỳ 2016.

VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN, VAY NỢ

ĐVT: Tỷ VND

Chỉ tiêu	2016	2017	Chênh lệch 2017/2016	
			Giá trị	%
1. Nợ phải trả	70.731	62.266	-8.465	-12,0%
Nợ ngắn hạn	20.404	24.658	4.254	20,8%
Nợ dài hạn	50.327	37.608	-12.719	-25,3%
2. Vốn chủ sở hữu	16.302	16.931	629	3,9%
Tổng nguồn vốn	87.033	79.197	-7.836	-9,0%

Nợ phải trả tại ngày 31/12/2017 là 62.266 tỷ đồng, giảm 8.465 tỷ đồng so với cùng kỳ 2016, tương đương với mức giảm là 12%. Nguyên nhân là do trong kỳ VNA đã thực hiện cấu trúc bán và thuê lại 5 tàu bay (gồm 1 B787 và 4 A350) nên không làm phát sinh nợ vay dài hạn, đồng thời VNA đã chủ động trả trước hạn đối với các khoản vay dài hạn có lãi suất cao nên làm giảm dư nợ gốc vay dài hạn. Nhờ đó, cơ cấu nguồn vốn đã chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu (tăng 3,9% so với cùng kỳ 2016) và giảm tỷ trọng nguồn vốn được tài trợ từ bên ngoài (tỷ trọng nợ phải trả / tổng nguồn vốn vào cuối năm 2017 đã giảm xuống còn 78,6% so với mức 81,3% của cùng kỳ năm 2016).

Nguồn vốn được sử dụng, bổ sung kịp thời đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và nhu cầu đầu tư; Quản trị có hiệu quả dòng tiền và nguồn vốn lưu động vừa đảm bảo khả năng thanh toán vừa gia tăng thu nhập hoạt động tài chính; Việc cơ cấu lại nguồn vốn kinh doanh theo hướng triển khai giải pháp SLB và giảm vay nợ cho đầu tư đã cải thiện các chỉ số tài chính theo hướng an toàn: Hệ số nợ phải trả trên vốn CSH đã giảm đáng kể và đang tiệm cận mức kiểm soát 3:1 vào cuối 2017 và sẽ giảm xuống mức dưới 3:1 trong năm 2018.

Tỷ giá các đồng bản tệ so với USD đều biến động có lợi cho VNA trong năm, đặc biệt tỷ giá USD/ VND diễn biến ổn định, đã góp phần đáng kể vào kết quả hoạt động kinh doanh của VNA. Tính chung cả năm, yếu tố tỷ giá làm phát sinh thêm khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là 60,25 tỷ đồng so với mức lỗ của năm 2016 là 695,5 tỷ đồng.

HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH

ĐVT: Tỷ VND

Hiệu quả Vietnam Airlines	2016	2017	Chênh lệch 2017/2016	
			Giá trị	%
1 Tổng doanh thu	58.389	64.920	+6.531	+11,2%
2 Tổng chi phí	56.678	63.008	+6.331	11,2%
3 Lợi nhuận trước thuế	1.711	1.911	+200	+11,7%
4 Lợi nhuận sau thuế	1.703	1.816	+113	+6,6%

Kết thúc năm 2017, lợi nhuận trước thuế của VNA đạt 1.911 tỷ đồng, tăng 11,7% so với năm 2016 và tăng 52% so với kế hoạch, đặc biệt lợi nhuận tăng nhanh và vững chắc trong hoạt động kinh doanh cốt lõi là vận tải hàng không. Tăng trưởng lợi nhuận chủ yếu do động lực tăng trưởng doanh thu vận chuyển hành khách và hàng hóa, đồng thời yếu tố tỷ giá biến động thuận lợi kết hợp với công tác quản trị chi phí ngày càng được nâng cao đã đem lại hiệu quả chung cho cả hệ thống.

Vietnam Airlines vào top 20 - Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam



Những cải tiến mới về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Trong năm 2017, VNA xây dựng, sửa đổi và ban hành các Quy chế quản lý nội bộ, quy định quản lý trong lĩnh vực chuyên môn của VNA, Điều lệ các công ty TNHH MTV do VNA sở hữu 100% vốn điều lệ nhằm phù hợp với yêu cầu thực tế, đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tuân thủ các thay đổi của quy định pháp luật.

Về cơ cấu tổ chức, VNA đã có những thay đổi trong tổ chức của Đoàn bay 919 và Đoàn Tiếp viên nhằm phù hợp với xu hướng, quy mô phát triển đội bay; Thành lập Ban Dịch vụ hành khách trên cơ sở đổi tên và kiện toàn tổ

chức Ban Dịch vụ thị trường nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ của VNA, từng bước cải thiện hệ thống dịch vụ theo xu thế phát triển của thị trường; Điều chỉnh tổ chức Chi nhánh miền Trung, Chi nhánh miền Nam để đồng nhất với tổ chức Chi nhánh miền Bắc, triển khai đồng bộ trong toàn hệ thống.

Bên cạnh đó, VNA tiếp tục phối hợp, học hỏi từ đối tác chiến lược ANA, tổ chức các đoàn đi tìm hiểu, nghiên cứu mô hình tổ chức các hãng hàng không trên thế giới về các lĩnh vực kỹ thuật, thương mại, dịch vụ,... để cập nhật, đổi mới phù hợp xu thế, nâng cao tính cạnh tranh của VNA.



Vietnam Airlines



LOTUS LOUNGE



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

97 | Đảm bảo an toàn – an ninh hàng không **106** | Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

98 | Nhân sự và phát triển nguồn nhân lực **109** | Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương,
các chương trình an sinh xã hội



An toàn và chất lượng là những giá trị cốt lõi của VNA. Chúng tôi cam kết mang lại cho khách hàng những giá trị cốt lõi này và gìn giữ một môi trường an toàn đối với toàn thể cán bộ, nhân viên. Lãnh đạo và toàn thể cán bộ, nhân viên VNA luôn thấu hiểu rằng sự tồn tại và phát triển của Hãng gắn liền với niềm tin của khách hàng.

Đảm bảo an toàn – an ninh hàng không

🌿 Công tác đảm bảo an toàn

VNA luôn chú trọng, chủ động nâng cao năng lực trong lĩnh vực đảm bảo an toàn hàng không thông qua quản lý tốt công tác tổ chức nguồn lực, sử dụng hiệu quả các hệ thống phân tích dữ liệu và quản lý an toàn, đảm bảo đạt mức an toàn chủ động. Xuyên suốt 20 năm qua, VNA tự hào là đơn vị đi đầu trong việc áp dụng Hệ thống Quản lý an toàn (SMS) đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn về an toàn hàng không phù hợp với các quy định của ICAO, các nhà chức trách hàng không, các hiệp hội, liên minh mà VNA tham gia với tư cách thành viên. Bên cạnh đó, mục tiêu khai thác an toàn luôn được Ban lãnh đạo thể hiện qua các chính sách, quy định, quy trình hoạt động và được cụ thể hóa sâu rộng đến mọi đối tượng lao động trong dây chuyền vận tải chung của VNA.

Bước sang năm 2017, VNA hoàn thành chương trình tiếp tục công nhận và đánh giá gia hạn chứng chỉ người khai thác tàu bay (AOC) phục vụ dự án nâng cao năng lực giám sát an toàn của Cục HKVN nhằm mục tiêu được FAA phê chuẩn mức 1 về an toàn (CAT1); Chương trình đánh giá gia hạn chứng chỉ an toàn khai thác của IATA (IOSA); Từng bước đưa đề án AQD vào sử dụng một cách có hiệu quả; Nâng cao văn hóa an toàn trong VNA để văn hóa an toàn trở thành ý thức tự giác, trách nhiệm của mỗi CBCNV; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo người lao động phải thực hiện nghiêm các quy trình, quy định trong thực hiện nhiệm vụ; Kiểm soát tình trạng mất tập trung và ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương của phi công trong khi bay và tiếp tục triển khai chương trình Quản lý sự mệt mỏi (FRMS).

Trước ảnh hưởng, tác động của tình hình an ninh chính trị thế giới, khu vực diễn biến phức tạp và nguy cơ tiềm ẩn về an ninh ở trong nước, công tác bảo đảm an ninh hàng không đã được VNA triển khai toàn diện, hiệu quả, góp phần tích cực phục vụ hoạt động khai thác, vận chuyển của VNA, đặc biệt là phục vụ bảo đảm an ninh, an toàn tuyệt đối cho các chuyến bay chuyên chở các Đoàn đại biểu tham dự năm APEC 2017 tại Việt Nam.

Nhân sự và phát triển nguồn nhân lực

Tình hình lao động trong năm

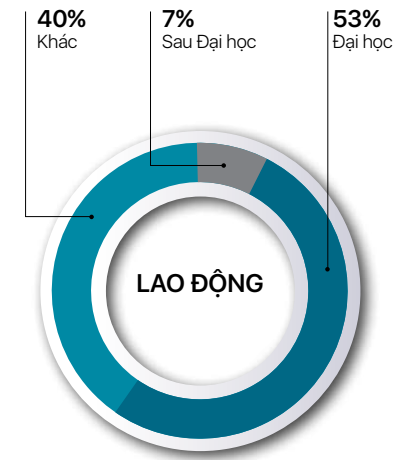


Trong chiến lược phát triển của VNA, nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng nhất và là tài sản quý giá nhất.

VNA GROUP
21.816 người
VIETNAM AIRLINES
Tổng số lao động: 6.708 người
Tuổi đời bình quân: 38 tuổi
Phi công, tiếp viên: 2.778 người, chiếm 41% nguồn nhân lực.

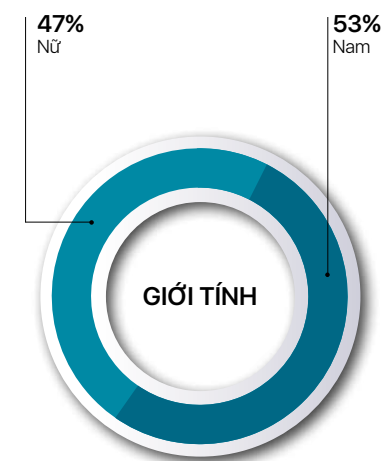
Kết thúc năm 2017, tổng số cán bộ nhân viên của VNA là 6.708 người, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước và thấp hơn so với kế hoạch. Mặc dù vậy, sản lượng chuyến bay và vận chuyển hành khách đều tăng lần lượt 1,7% và 6,2% so với cùng kỳ, cho thấy đội ngũ lao động của VNA đáp ứng tốt với tốc độ tăng trưởng sản xuất kinh doanh, đảm bảo công tác phục vụ hành khách an toàn tuyệt đối, chất lượng dịch vụ 4 sao tiêu chuẩn quốc tế, năng suất lao động tăng rõ nét.

Cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực VNA ổn định và xu hướng chuyển dịch theo hướng tăng lao động trình độ đại học và trên đại học, đạt tỷ trọng 60% tổng số lao động của VNA. Nguồn lực lao động đặc thù phi công, tiếp viên tiếp tục được ưu tiên phát triển, đặc biệt là giáo viên phi công. Lực lượng phi công người Việt hiện chiếm tỷ trọng 74% tổng số phi công của VNA, nhiệm vụ khai thác hai dòng tàu bay thế hệ mới B787 và A350 hiện nay hầu hết do phi công Việt Nam đảm nhận (90%) đã khẳng định vai trò và niềm tự hào của phi công Việt Nam trong việc nắm bắt và làm chủ khoa học công nghệ tiên tiến, đồng thời đảm bảo an toàn và hiệu quả, hiệu suất khai thác bay cao.



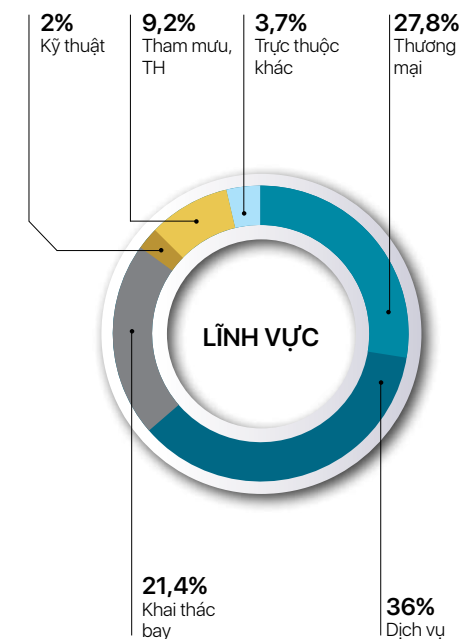
CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ

Trình độ	Số lượng	Tỷ trọng
Sau Đại học	482	7%
Đại học	3.536	53%
Khác	2.690	40%



CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO GIỚI TÍNH

Giới tính	Số lượng	Tỷ trọng
Nam	3.523	53%
Nữ	3.185	47%



CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO LĨNH VỰC

Lĩnh vực	Số lượng	Tỷ trọng
Thương mại	1.864	27,8%
Dịch vụ	2.415	36,0%
Khai thác bay	1.436	21,4%
Kỹ thuật	131	2%
Tham mưu, TH	617	9,2%
Trực thuộc khác	245	3,7%

DOANH THU / LAO ĐỘNG

9,82 Tỷ VND/ Lao động
▲ 16,4 %

RPK / LAO ĐỘNG

5,15 Triệu khách.km/ Lao động
▲ 9,0 %

ASK/ LAO ĐỘNG

6,38 Triệu ghế.km/ Lao động
▲ 7,7 %



VNA đã rà soát, sắp xếp lại lao động đảm bảo tổ chức bộ máy nhân sự gọn nhẹ, hiệu quả; Duy trì ổn định đội ngũ lao động gián tiếp, chỉ tăng lao động đặc thù (tiếp viên, phi công) và lao động cấp thiết theo yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh (dự án A350, B787, mở rộng nhà ga...); Công tác luân chuyển lao động và huấn luyện đào tạo, phát triển nghề nghiệp được tập trung thực hiện.

Với năng suất lao động năm 2017 là 6,3 triệu ghế km/ lao động, VNA có năng suất lao động đứng Top 5 khu vực Châu Á Thái Bình Dương và duy trì trong nhóm 20 Hãng dẫn đầu về nhân sự lao động trong tổng số 67 hãng hàng không được IATA thống kê.



Phát triển nguồn nhân lực

Đánh giá cán bộ

- VNA luôn duy trì thực hiện việc nhận xét, đánh giá cán bộ hàng năm và nhận xét, đánh giá khi bổ nhiệm cán bộ theo đúng trình tự, quy trình và lấy tiêu chí đánh giá công việc hàng quý để làm thước đo phân loại đánh giá cán bộ cuối năm. Các cấp uỷ, thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ luôn phát huy tốt trách nhiệm trong nhận xét, đánh giá cán bộ.

Bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ

- VNA thực hiện công tác bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ theo đúng thủ tục, trình tự, nguyên tắc và luôn quan tâm bố trí cán bộ trẻ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý để tạo nguồn cán bộ cấp cao cho giai đoạn tiếp theo.
- Để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, VNA đã triển khai điều động

giữa các cơ quan tham mưu, đơn vị trực tiếp sản xuất theo lĩnh vực chuyên môn; Công tác cử người đại diện phần vốn góp của VNA tại các doanh nghiệp khác được thực hiện theo các quy định của pháp luật, quy chế quản lý cán bộ của VNA. Cán bộ được cử đã đáp ứng được yêu cầu công tác, góp phần bảo toàn và phát triển phần vốn của VNA.

Quy hoạch cán bộ

- VNA luôn chú trọng việc lựa chọn cán bộ trẻ, có đủ tiêu chuẩn, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao của thị trường chung, cán bộ trong quy hoạch có trình độ đại học trở lên (trừ cán bộ được quy hoạch vào các chức danh thuộc lĩnh vực khai thác bay, yêu cầu là người lái máy bay), có trình độ lý luận chính trị cao cấp và sử dụng thành thạo ngoại ngữ khi làm việc.

Công tác đào tạo

Trong năm 2017, công tác đào tạo huấn luyện đã đạt nhiều kết quả nổi bật, cụ thể:

12.000	Tiếp viên, nhân viên đặt chỗ, bán vé, nhân viên check-in được đào tạo huấn luyện hàng năm về văn hóa, phong cách, kỹ năng chăm sóc khách hàng để đáp ứng chất lượng dịch vụ 4 sao, nâng cao năng lực hệ thống bán hàng của VNA
8.040	Học viên tham gia các khóa đào tạo theo yêu cầu IOSA và Quy chế hàng không đối với phi công, tiếp viên, nhân viên điều hành khai thác bay, nhân viên khai thác mặt đất
1.906	Cán bộ nhân viên được đào tạo nội bộ với chủ đề thay đổi tư duy lãnh đạo theo chiến lược đại dương xanh (BOS)
478	Học viên được đào tạo phát triển kỹ năng mềm phục vụ công việc
147	Tỷ đồng ngân sách chi cho đào tạo năm 2017, tăng 11% so với năm 2016



- Tổ chức tốt công tác tạo nguồn, tuyển chọn và đào tạo lực lượng lao động đặc thù, trong đó đối với phi công cơ bản triển khai theo hình thức xã hội hóa, tiết kiệm được nguồn ngân sách lớn cho VNA.
- Tổ chức đào tạo phát triển lực lượng dự nguồn trợ lý bán và trợ lý khai thác sân bay: Xây dựng chương trình đào tạo kết hợp giữa lý thuyết và thực hành nhằm trang bị cho học viên dự nguồn có đủ kinh nghiệm, kiến thức khi được giao nhiệm vụ.
- Tăng cường công tác hội thảo, đào tạo nội bộ: phối hợp với công ty Boeing (Mỹ) và Trường đại học UCSI tổ chức Hội thảo cấp cao về kinh tế hàng không và đào tạo Blue Ocean Strategy – thay đổi tư duy lãnh đạo theo Chiến lược đại dương xanh.
- Đào tạo nâng cao năng lực hệ thống bán, nâng cao chất lượng dịch vụ 4 sao song song với nhiệm vụ tổ chức huấn luyện an toàn, an ninh theo yêu cầu của Cục HKVN.
- Không ngừng đầu tư trang thiết bị huấn luyện tại Trung tâm huấn luyện bay, trong năm đã đưa vào sử dụng thêm 01 SIM A321, đang triển khai lắp đặt SIM 787 và A350 và thiết bị huấn luyện phương thức bay (IPT) A321 trong năm 2018.

Chính sách tiền lương, khen thưởng, chế độ phúc lợi

Trong năm 2017, chế độ và chính sách đãi ngộ của VNA đối với người lao động đã có những thay đổi lớn để ghi nhận những đóng góp của cán bộ nhân viên cũng như tạo động lực, khuyến khích người lao động yên tâm làm việc, đồng thời thu hút nhân tài cống hiến và gắn kết lâu dài với VNA:

- Về chế độ tiền lương, tiền thưởng: Năm 2017, thu nhập từ tiền lương, tiền thưởng của CBQL, chuyên viên, kỹ sư, cán sự, nhân viên, tiếp viên cao hơn năm 2016 từ 10% - 15% theo chức danh, nhóm chức danh; phi công tăng 5%.
- Các chế độ đãi ngộ, quyền lợi, phúc lợi khác:
 - Triển khai chương trình bảo hiểm hưu trí tự nguyện nhằm bổ sung và hỗ trợ tài chính/ thu nhập cho người lao động sau khi nghỉ hưu, đồng thời nâng cao chế độ phúc lợi cho người lao động.
 - Ban hành Quy chế vé miễn giảm cước mới dành cho toàn thể CBNV TCT và các công ty TNHH MTV do VNA đầu tư 100% vốn điều lệ.





Tình hình thực hiện và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

VNA luôn tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và không xảy ra bất cứ vi phạm nào. Các hoạt động tuân thủ như lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, quan trắc môi trường, quản lý chất thải luôn được VNA triển khai đầy đủ tới các đơn vị trong cả nước và chấp hành nghiêm túc. Chất thải lỏng, rác thải từ tàu bay và rác thải sinh hoạt đều được thu gom, vận chuyển và xử lý bởi các đối tác có chức năng và được nhà nước cấp phép hoạt động. Đối với các lĩnh vực môi trường khác, VNA luôn cập nhật, theo dõi và giám sát hoạt động của các đơn vị nhằm đảm bảo các quy định của luật pháp về bảo vệ môi trường được tuân thủ chặt chẽ.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tổng khối lượng nguyên vật liệu và tiêu thụ năng lượng, lượng nước sử dụng trong năm

Nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất vận tải của VNA là nhiên liệu bay Jet A1 chiếm 99,92% tổng năng lượng tiêu thụ quy đổi của VNA. Cụ thể, trong

năm 2017, VNA đã tiêu thụ 1,16 triệu tấn nhiên liệu Jet A1 tương đương với 1,22 triệu TOE (Tấn dầu tương đương quy đổi).

Nguồn năng lượng tiêu thụ gián tiếp phục vụ cho các cơ quan tham mưu, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm điện, xăng A92, dầu do sử dụng cho chiếu sáng, trang thiết bị văn phòng, xe ô tô, máy phát điện,... Chiếm một lượng rất nhỏ (0,08%) trong tổng năng lượng tiêu thụ quy đổi của VNA.

VNA chủ yếu sử dụng nước cho hoạt động hành chính, văn phòng được lấy từ hệ thống cấp nước của Thành phố/ Tỉnh với lượng tiêu thụ khoảng 140 nghìn m³ trong năm 2017. Nước thải sinh hoạt được xả trực tiếp ra hệ thống thoát nước chung của thành phố/ tỉnh. Nước cấp cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh trực tiếp như nước sử dụng trên tàu bay, lau rửa, vệ sinh tàu bay,... do đối tác cung cấp dịch vụ thực hiện.

Tuân thủ luật pháp về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là tiêu chí hàng đầu của VNA trong hoạt động bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng. VNA đã tổ chức bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường chịu trách nhiệm quản lý chung về lĩnh vực bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Các hoạt động, chương trình bảo vệ môi trường trong năm do VNA thực hiện hoặc tham gia thực hiện

Nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, VNA đã triển khai công tác truyền thông, đào tạo cho các cán bộ, nhân viên trong VNA. Công tác truyền thông được triển khai rộng rãi và thiết thực vào các ngày lễ về môi trường trong năm như Ngày môi trường Thế giới 5/6, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn,...

Trong năm 2017, VNA đã tổ chức 02 buổi tập huấn tại Đà Nẵng và TSN để phổ biến các quy định của pháp luật mới về Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên về bảo vệ môi trường, đồng thời tổ chức các chuyến tham quan, tìm hiểu thực tế mô hình bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng điển hình tại một số cơ quan, đơn vị ngoài VNA.

Đánh giá việc kiểm soát khí thải (CO₂ Emission), lượng nhiên liệu tiêu thụ, các sáng kiến, cải tiến để tiết kiệm nhiên liệu bay (Fuel Efficient), giảm tiếng ồn,...

Không chỉ nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, VNA đã không ngừng đầu tư, đổi mới phương tiện, trang thiết bị, công nghệ, đồng thời nghiên cứu, cải tiến áp dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật cũng như điều hành tiên tiến nhằm giảm thiểu tác động tới môi trường đồng thời nâng cao uy tín của doanh nghiệp. Năm 2017, VNA tiếp tục triển khai thực hiện hai nhóm giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bao gồm:



- Nhóm giải pháp về đầu tư, đổi mới phương tiện trang thiết bị, công nghệ và nhóm giải pháp về quản lý điều hành khai thác đội tàu bay.
- Nhóm giải pháp về đầu tư, đổi mới phương tiện trang thiết bị, công nghệ:
 - Trong năm 2017, VNA đã hoàn thành việc thay thế toàn bộ các tàu bay B777 và một số tàu bay A330 bằng các tàu bay A350 và B787 có khả năng tiết kiệm 20% nhiên liệu.
- Lựa chọn cấu hình động cơ Select Two đối với động cơ một số tàu bay A321 CEO giảm 0,58% tiêu hao nhiên liệu so với Select One.
- Ký hợp đồng thuê 20 tàu bay A321 NEO tiết kiệm 16% nhiên liệu so với tàu bay A321 CEO dự kiến đưa vào khai thác từ cuối năm 2018.
- Nhóm giải pháp về quản lý điều hành khai thác đội tàu bay: VNA tiếp tục triển khai các giải pháp về quản lý điều hành khai thác đội tàu bay nhằm giảm lượng tiêu hao nhiên liệu và phát thải khí CO₂ với tổng lượng nhiên liệu tiết kiệm được là 4.332 tấn.

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, các chương trình an sinh xã hội



- Nối tiếp truyền thống tốt đẹp từ 22 năm qua, trong năm 2017, VNA luôn đồng hành, hướng đến cộng đồng, thực hiện các hoạt động xã hội, từ thiện nhằm góp phần chia sẻ, giúp đỡ và hỗ trợ những người kém may mắn vượt qua khó khăn.
- Với mong muốn đồng đầy thêm yêu thương, trong dịp Tết Trung thu vừa qua, hành trình mang tên “Hành trình yêu thương” của VNA đã mang đến cho hành khách trên các chuyến bay nội địa của mình những món quà giàu ý nghĩa, chứa đựng những câu chuyện về nghị lực phi thường, những tình cảm ấm áp và niềm tin cuộc sống.
- Những món quà độc đáo mang giá trị nhân văn cao đẹp mà VNA dành tặng hành khách là tác phẩm của những nghệ nhân có hoàn cảnh đặc biệt. Hơn cả một hành trình đặc biệt cho mùa Trăng rằm, “Hành trình yêu thương” là bước khởi đầu cho chặng đường kết nối và hỗ trợ những doanh nghiệp xã hội phát triển hơn nữa trong tương lai của VNA, giúp lan toả những niềm tin



và điều tích cực trong cuộc sống tới khắp mọi miền.

- Trong khuôn khổ sự kiện tri ân 200 triệu hành khách, vào tháng 12/2017 VNA đã chính thức khởi động “Hành trình yêu thương”, một trong những hoạt động vì cộng đồng nhằm tìm kiếm những dự án cải thiện cuộc sống, giúp xã hội trở nên tốt đẹp hơn. Chủ nhân sở hữu tấm thẻ đặc biệt của chương trình sẽ được hỗ trợ vé máy bay trong mọi chuyến đi thực hiện dự án. Nhân dịp VNA chào đón hành khách thứ 200 triệu, ba dự án đầu tiên của “Hành trình yêu thương” đã được công bố gồm “Dự án Nhà chống lũ”, “Quý Hiều về trái tim” và Dự án “Phẫu thuật nụ cười”.



- Tiếp nối những giá trị nhân văn, tháng 1/2018 VNA đã viết tiếp câu chuyện lớn về tình yêu thương, về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với chiến dịch xã hội mang tên "Hành trình yêu thương". Chiến dịch đã và đang giúp nhiều em nhỏ có ước mơ trở thành phi công, kỹ sư máy bay, nhân viên hàng không hay chỉ đơn giản là tình yêu với máy bay... có thể thực hiện những chuyến bay mơ ước.
- Một trong những chiến lược phát triển của VNA là chú trọng nâng cao trách nhiệm cộng đồng. Chương trình Hành trình yêu thương đã ra đời với sứ mệnh giúp cải thiện cuộc sống người dân và đóng góp cho sự phát triển chung của toàn xã hội. Tiêu chí đó đã được VNA thực hiện bền bỉ qua nhiều hoạt động vì cộng đồng.
- Tháng 7/2017, VNA đã tài trợ xây dựng trường Tiểu học - THCS Thượng Hóa với trị giá 5 tỷ đồng tại huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Đây là công trình dân sinh xã hội thứ 7 (với tổng trị giá 35 tỷ đồng) được VNA tài trợ theo Chương trình 30A- CP hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo trên cả nước.
- Tiên phong trong công tác xã hội, Đoàn thanh niên VNA cũng có nhiều hoạt động ý nghĩa. Tháng 5/2017, Đoàn thanh niên Đoàn Bay 919 phối hợp cùng Đoàn thanh niên JPA và



- Đoàn thanh niên Bộ Công an đã hoàn thành công trình thanh niên "Thư viện cho em" tại trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, xã Saloong, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, nhằm đem những cuốn sách bổ ích, lý thú cho các em học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng còn nhiều khó khăn của tỉnh Kon Tum.
- Bên cạnh đó, trong đợt lũ lụt tại các tỉnh miền núi Tây Bắc, tháng 8/2017, VNA đã hỗ trợ chuyển 2.5 tấn hàng cứu trợ đến các tỉnh Sơn La- Yên Bái. Tháng 11/2017, trong đợt lũ lụt tại các tỉnh miền Trung, VNA cũng đã trao ủng hộ hai tỉnh Quảng Nam và Bình Định mỗi tỉnh 150 triệu đồng, giúp đồng bào vượt qua khó khăn, sớm ổn định cuộc sống.
- Chia sẻ khó khăn với đồng bào các tỉnh Nam Trung Bộ sau cơn bão số 10, VNA đã kêu gọi mỗi CBNV VNA ủng hộ ít nhất một ngày lương thu nhập để giúp đồng bào sớm ổn định cuộc sống. Số tiền thu được là 600 triệu đồng đã được trao cho 2 tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh, mỗi tỉnh 300 triệu đồng.
- Thông qua những hoạt động liên quan đến lĩnh vực Trách nhiệm xã hội mà VNA thực hiện trong thời gian qua thể hiện rằng, xây dựng doanh nghiệp mạnh và xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn không phải là hai mục tiêu đối chọi. Ngược lại, đó là hai yếu tố bổ trợ nhau trong quá trình hướng tới giá trị bền vững của một doanh nghiệp.



Trên hành trình **Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh**, Vietnam Airlines luôn có chuyến bay khởi hành vào khung giờ tròn: 6:00, 7:00, 8:00 ... 20:00, 21:00

QUẢN TRỊ CÔNG TY

114 | Cấu trúc quản trị công ty

116 | Thông tin và hoạt động của HĐQT

118 | Hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT

119 | Báo cáo của Ban kiểm soát

122 | Hoạt động của Thư ký Tổng công ty/
Người phụ trách công bố thông tin

124 | Quản trị rủi ro

126 | Quan hệ nhà đầu tư

Cấu trúc quản trị công ty

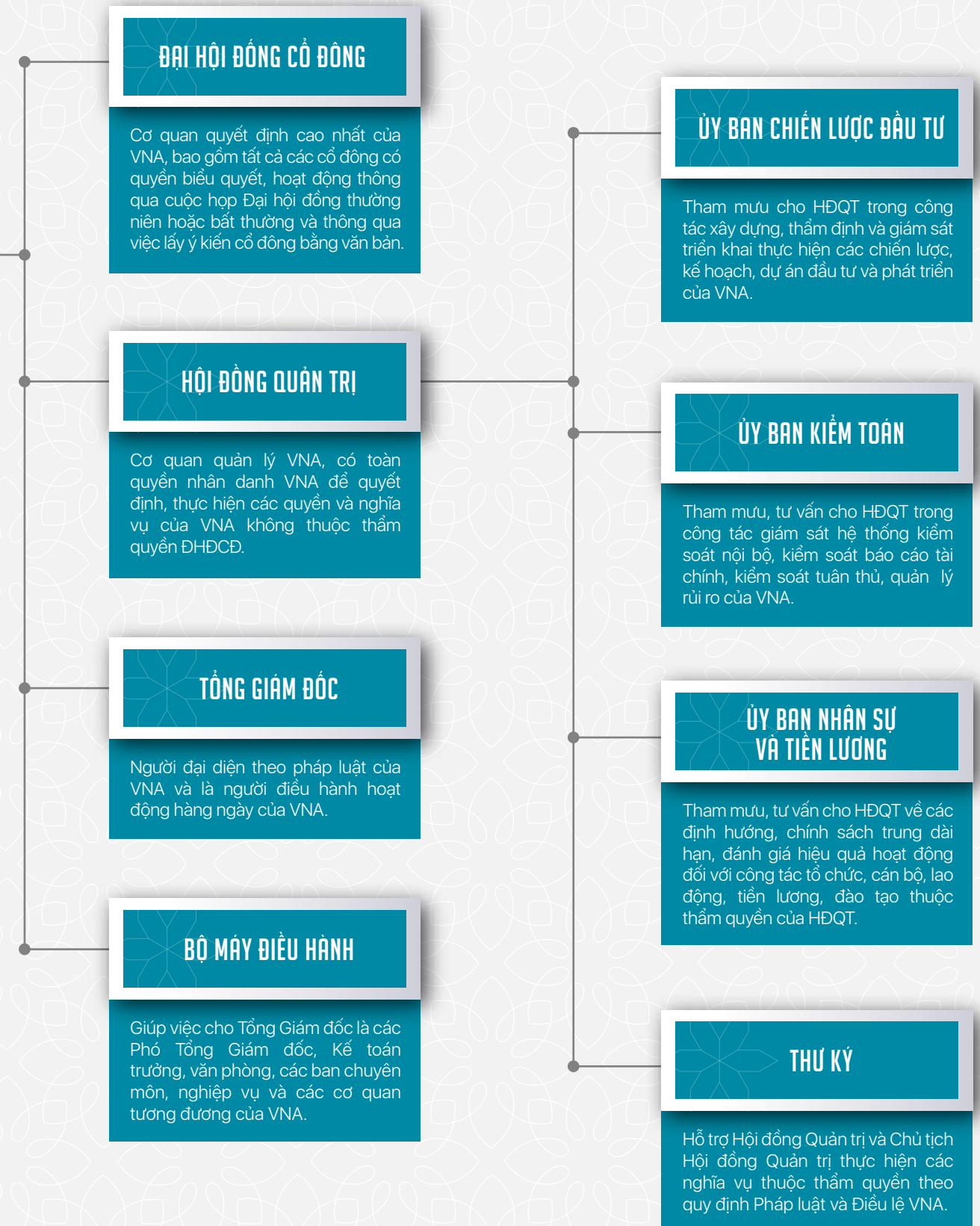
So đồ cơ cấu quản trị công ty của VNA

BAN
KIỂM SOÁT

Cơ quan do HĐQT bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành VNA, thực trạng tài chính của VNA và chịu trách nhiệm trước HĐQT trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Hệ thống các nguyên tắc quản trị công ty của VNA tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ, Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính, Điều lệ VNA và các quy định, quy chế nội bộ nhằm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý.
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, BKS.
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan.
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông.
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của VNA.



Thông tin và hoạt động của HĐQT

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của VNA	
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Ngọc Minh	Chủ tịch HĐQT	6.398	0,0005%
2	Dương Trí Thành	TV HĐQT kiêm TGD	6.698	0,0005%
3	Lưu Văn Hạnh	Thành viên HĐQT	3.799	0,0003%
4	Nguyễn Xuân Minh	Thành viên HĐQT	-	-
5	Tạ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	7.752	0,0006%
6	Koji Shibata	Thành viên HĐQT	-	-

Trong năm 2017, VNA có sự thay đổi thành viên HĐQT như sau:

- Ông Koji Shibata được bầu giữ chức thành viên HĐQT, đại diện phần vốn góp của ANA Holdings Inc từ ngày 20/02/2017 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường 2017.
- Ông Lưu Văn Hạnh thôi làm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 kể từ ngày 01/11/2017 để nghỉ hưu theo chế độ.

Hoạt động của HĐQT

Kết thúc năm 2017, HĐQT đã tổ chức 17 phiên họp, ban hành 318 Nghị quyết và 155 Quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Số lượng Nghị quyết/ Quyết định được ban hành trong năm giảm 23% so với năm 2016, tiếp tục được nâng cao về chất lượng nội dung, đáp ứng yêu cầu về thời gian do HĐQT đã đẩy mạnh hơn việc phân cấp, ủy quyền, đổi mới phương thức

triển khai thực hiện theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền cho Ban giám đốc, đồng thời chỉ rõ cơ quan/cá nhân chịu trách nhiệm chủ trì để nâng cao tính chủ động, hiệu quả, gắn với đề cao trách nhiệm trong công tác điều hành SXKD, tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật.

Để đảm bảo chất lượng thảo luận tại các phiên họp HĐQT được triệu tập hoặc thông qua hình thức xin ý kiến,

Chủ tịch HĐQT đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, các Ủy ban thuộc HĐQT tổ chức thẩm định, soát xét các nội dung trình HĐQT. Trên cơ sở đó, HĐQT tổ chức họp đối với các nội dung lớn, quan trọng, phức tạp cần phải thảo luận trực tiếp. Đối với nội dung không cần thảo luận trực tiếp, HĐQT tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Ngọc Minh	Chủ tịch HĐQT	12/3/2015	17/17	100%	
2	Dương Trí Thành	TV HĐQT kiêm TGD	01/6/2016	17/17	100%	
3	Lưu Văn Hạnh	Thành viên HĐQT	12/3/2015	15/17	88%	Nghỉ hưu chế độ từ 1/11/2017
4	Nguyễn Xuân Minh	Thành viên HĐQT	12/3/2015	9/17	53%	Đi công tác, có ý kiến trong biên bản họp
5	Tạ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	01/10/2016	16/17	94%	
6	Koji Shibata	Thành viên HĐQT	20/02/2017	3/17	18%	

Các thành viên HĐQT được phân công phụ trách các mảng công tác luôn phát huy vai trò trách nhiệm, thường xuyên tổ chức soát xét, thẩm định các nội dung được phân công. Thành viên HĐQT là đại diện cổ đông chiến lược ANA Holdings Inc. được bầu tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2017 đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quan hệ hợp tác chiến lược giữa VNA và ANA, thúc đẩy các chương trình hỗ trợ kỹ thuật theo thỏa thuận hợp tác ký kết giữa các bên.

Hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT

Ủy ban Chiến lược Đầu tư

- Xây dựng kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư năm 2017 của TCTHK, định hướng hoạt động và chiến lược phát triển đối với các hãng hàng không thuộc VNA Group (K6, JPA, VASCO).
- Sửa đổi bổ sung các Quy chế quản lý của TCTHK như Quy chế quản lý vốn của TCTHK đầu tư vào các doanh nghiệp khác, quy chế quản lý đầu tư và đấu thầu, quy chế Hợp đồng.
- Định hướng xây dựng kế hoạch năm 2018 cho thị trường vận tải quốc tế, nội địa, đội tàu bay với các chỉ tiêu kế hoạch (tỷ giá, giá nhiên liệu, lợi nhuận trước thuế năm 2018) và kế hoạch đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.
- Thẩm định các kế hoạch chuẩn bị và thực hiện đầu tư năm 2018, đưa ra định hướng cho HĐQT.

Ủy ban Kiểm toán

- Thẩm tra Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2016 của Công ty mẹ và các công ty thành viên.
- Làm việc với công ty kiểm toán KPMG về Báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2017.
- Thực hiện việc giám sát hoạt động SXKD của JPA, K6.
- Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ thông qua việc xem xét kết quả các chuyên đề theo kế hoạch năm được phê duyệt.
- Thẩm định, soát xét các văn bản quản lý thuộc thẩm quyền ban hành của HĐQT: Quy chế Tài chính, quản lý nợ...
- Kiểm tra đánh giá việc tuân thủ các chế độ, chính sách về tài chính kế toán, việc chấp hành thực hiện chính sách thuế của nước sở tại một số Chi nhánh của VNA tại nước ngoài.

Ủy ban nhân sự tiền lương

- Chỉ đạo triển khai Chương trình bảo hiểm hưu trí tự nguyện 2017, Bảo hiểm sức khỏe, triển khai chương trình nghỉ mát, nghỉ dưỡng 2017.
- Chỉ đạo, thông qua các chủ trương về kế hoạch sử dụng nguồn lực 2018 và giai đoạn 2019-2020; Các điều chỉnh, cải cách, tái cơ cấu về chính sách tiền lương, thu nhập với người lao động, cán bộ quản lý các cấp năm 2018.

Báo cáo của Ban kiểm soát

Hoạt động của BKS

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Lại Hữu Phước	Trưởng BKS	12/3/2015	8/17	Tại mỗi phiên họp HĐQT, BKS cử ít nhất 01 đại diện tham dự họp.
2	Mai Hữu Thọ	TV BKS	12/3/2015	16/17	
3	Hoàng Thanh Quý	TV BKS	12/3/2015	15/17	

Năm 2017, hoạt động của BKS tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

- Giám sát tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ, việc ban hành, triển khai và thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT).
- Giám sát hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư, tình hình tài chính của TCT.
- Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.
- Tham gia và có ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp giao ban hàng tháng.
- Thẩm định báo cáo tài chính riêng, BCTC hợp nhất năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017.
- Giám sát việc tổ chức ĐHCĐ, xây dựng kế hoạch 2018.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch tăng vốn của TCT; việc thực hiện giám sát hoạt động của JPA, K6; việc bán, bán và cho thuê lại tàu bay; giám sát thực hiện khuyến cáo của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.
- Tổng kết hoạt động của BKS định kỳ 6 tháng, năm và xây dựng kế hoạch hoạt động cho kỳ tiếp theo.

Các cuộc họp của BKS

BKS thực hiện họp định kỳ theo quy định để tổng hợp và thống nhất kết quả kiểm soát hàng quý như sau:

Quý I/2017

Tổng kết hoạt động kiểm soát và kết quả kiểm soát năm 2016, thông qua chương trình hoạt động năm 2017; Thống nhất tình hình hoạt động SXKD năm 2016, kế hoạch 2017; Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2016 và tình hình thực hiện Nghị quyết quý IV/2016.

Quý II/2017

Thống nhất tình hình thực hiện Nghị quyết quý I/2017; Kết quả ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ; Đánh giá việc bán và cho thuê lại tàu bay A350 và B787; Tổng kết và thống nhất nội dung báo cáo hoạt động của BKS 6 tháng đầu năm và kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2017.

Quý III/2017

Thống nhất tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm 2017; Thẩm định và thông qua kết quả thẩm định báo cáo tài chính bán niên năm 2017; Giám sát việc thực hiện bán tàu bay B777; Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết quý II/2017.

Quý IV/2017

Thống nhất tình hình hoạt động SXKD 9 tháng năm 2017, ước thực hiện năm 2017 và định hướng kế hoạch năm 2018; Theo dõi việc thực hiện giám sát hoạt động của JPA, K6; Thống nhất nội dung báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 và kế hoạch năm 2018 của BKS; Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết quý III/2017.

Kết quả thực hiện công tác giám sát

• Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT

Nghị quyết ĐHĐCĐ: Trong năm 2017, ĐHĐCĐ đã ban hành Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/2/2017 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2017. Trên cơ sở đó, VNA đã triển khai thực hiện các nội dung theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, riêng nội dung tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu chưa thực hiện xong do:

- Cổ đông Nhà nước triển khai phương án bán quyền đối với một phần quyền mua, nên cần thiết phải thực hiện các thủ tục định giá, đăng ký bán quyền và lựa chọn thời điểm thích hợp đảm bảo tính khả thi.

- Số lượng quyền mua được đưa ra thị trường khá lớn (57,8 triệu cổ phiếu, tương đương giá trị thị trường gần 3.000 tỷ đồng theo giá cổ phiếu hiện tại) nên VNA đã cân nhắc để lựa chọn thời điểm thích hợp để đảm bảo hiệu quả.

Nghị quyết HĐQT: Trong năm 2017, HĐQT TCT đã ban hành 318 Nghị quyết và 155 quyết định để triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Đối với mỗi Nghị quyết của HĐQT, Tổng Giám đốc đều có văn bản triển khai, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị. Hàng tuần, TGD tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết, trong đó nêu rõ các nội dung đã thực hiện, các nội dung đang thực hiện, khó khăn, vướng mắc nếu có và kiến nghị phương án giải quyết. Các Nghị quyết của HĐQT đã được Tổng Giám đốc triển khai thực hiện đầy đủ.

- **Hoạt động SXKD của VNA:** Ngay từ đầu năm, Lãnh đạo VNA đã chủ động, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành, quản trị trên mọi lĩnh vực hoạt động. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD được cập nhật và báo cáo thường xuyên hàng tháng, phân tích rõ thuận lợi, khó khăn và kiến nghị các giải pháp để Ban lãnh đạo giám sát, chỉ đạo kịp thời, đảm bảo hiệu quả hoạt động và mục tiêu đề ra.
- **Hoạt động đầu tư:** Năm 2017, tổng giá trị thực hiện đầu tư đạt 74,8% KH năm. Các dự án thực hiện phù hợp với chiến lược, quy hoạch, triển khai theo đúng nội dung phê duyệt. Công tác báo cáo, giám sát đánh giá các dự án đầu tư được thực hiện theo quy định.
- **Báo cáo tài chính năm 2017 và tình hình tài chính của VNA:** Báo cáo tài chính của VNA được lập và thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định, được đánh giá phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

VNA tổ chức thực hiện việc quản lý sử dụng vốn, tài sản, công nợ; Tổ chức công tác kế toán và lập báo cáo tài chính theo các quy định hiện hành của Nhà nước và VNA.

Các nội dung kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán và BKS đều đã được VNA triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đầy đủ, đồng thời BKS sẽ tiếp tục thực hiện giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các kiến nghị và phối hợp với HĐQT trong việc hoàn thiện công tác quản trị của VNA.

- **Hoạt động của HĐQT và Ban giám đốc:** Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 17 phiên họp và tổ chức xin ý kiến bằng văn bản theo đúng quy

định. Hoạt động của HĐQT tuân thủ quy định của pháp luật và của VNA, đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD. Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ VNA.

Ban điều hành đã triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, điều hành linh hoạt và có nhiều giải pháp khắc phục khó khăn, đảm bảo hoạt động SXKD có hiệu quả. HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của BGD thông qua việc giám sát thực hiện Nghị quyết HĐQT.

- **Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán:** BKS thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát nghĩa vụ công bố thông tin của VNA. Kể từ khi VNA hoạt động theo mô hình công ty đại chúng, HĐQT và Ban giám đốc luôn tuân thủ đúng về nghĩa vụ CBTT trên thị trường chứng khoán, đem đến cho các cổ đông, nhà đầu tư đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp một cách minh bạch, công khai.

Việc phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và Cổ đông

Việc phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông được duy trì và thực hiện tốt, đảm bảo nguyên tắc vì lợi ích của cổ đông và tuân thủ quy định của pháp luật, quy định của VNA. BKS thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Giám đốc trong quá trình thực thi nhiệm vụ. HĐQT, Ban Giám đốc và các bộ phận chức năng luôn tạo điều kiện và phối hợp tốt với BKS trên mọi lĩnh vực hoạt động.

Hoạt động của Thư ký Tổng công ty – Người phụ trách công bố thông tin

Họ và tên	Ngày bắt đầu là Thư ký Tổng công ty	Số buổi họp HĐQT tham dự trong năm 2017	Sở hữu cổ phần của VNA	
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Hữu Tuất	01/4/2015	17/17	4.799	0,0004%

Trong năm 2017, Thư ký Tổng công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT, chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT; Tư vấn về thủ tục và trực tiếp tham dự, lập biên bản các cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ;

Giúp việc ban hành các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ VNA; Cung cấp các thông tin của HĐQT, ĐHĐCĐ và các thông tin phục vụ cho hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định.



**HÃNG HÀNG KHÔNG LỚN
ĐƯỢC YÊU THÍCH NHẤT CHÂU Á NĂM 2018**
TRAVELLERS' CHOICE MAJOR AIRLINES - ASIA 2018



☎ 1900 1100
 📱 vietnamairlines
 🌐 www.vietnamairlines.com

Vietnam Airlines
SÁI CẢNH VƯỜN CAO

Quản trị rủi ro

Tên rủi ro	Nội dung rủi ro	Biện pháp quản trị rủi ro của VNA
Rủi ro Môi trường kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> Khủng bố, nội chiến và can thiệp quân sự, mâu thuẫn chính trị làm hạn chế giao thương di chuyển, an ninh thắt chặt làm tăng chi phí cũng như giảm hiệu quả khai thác. Tăng trưởng GDP, thu nhập bình quân, lạm phát, tỷ giá, lãi suất, giá nhiên liệu bay,... biến động bất thường. Rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, động đất, núi lửa, sóng thần. 	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi sát các biến động để điều hành chính sách phù hợp, linh hoạt với thị trường. Quản trị doanh thu, kiểm soát chặt chẽ chi phí, bảo đảm các cân đối tiền tệ khi có biến động tỷ giá, lãi suất. Quan hệ hợp tác lâu dài, toàn diện với các tổ chức tài chính lớn để được hưởng lãi suất cạnh tranh khi huy động vốn. Sử dụng động cơ tiết kiệm nhiên liệu.
Rủi ro pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> Việc tuân thủ chính sách, pháp luật tại các quốc gia mà VNA có thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và các điều ước quốc tế trong lĩnh vực hàng không, lao động, thương mại, lao động, thuế,... mà Việt Nam là thành viên. Các vấn đề về tranh chấp, tố tụng pháp lý có thể gặp phải trong quá trình hoạt động. 	<ul style="list-style-type: none"> Liên tục cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của VNA. Nâng cao năng lực quản trị, sử dụng đội ngũ tư vấn pháp lý, đặc biệt là thuê tư vấn luật tại các quốc gia VNA có hoạt động sản xuất kinh doanh. Chủ động rà soát, đảm bảo hoạt động SXKD của VNA tuân thủ pháp luật nước sở tại.
Rủi ro cạnh tranh	<ul style="list-style-type: none"> Rủi ro suy giảm thị phần do sự phát triển và cạnh tranh từ các hãng hàng không giá rẻ. Chính sách mở cửa bầu trời tại ASEAN gia tăng cạnh tranh trong khu vực và cả nội địa. Các đối thủ đẩy nhanh việc mở rộng khai thác, chiếm thị phần và tạo sức ép cạnh tranh trên thị trường quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> Thiết kế sản phẩm tạo ra bản sắc văn hóa trong dịch vụ, khác biệt rõ nét với các hãng cạnh tranh đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn, chất lượng quốc tế 4 sao. Hoàn thiện quy trình, cải tiến bộ máy tổ chức và quản trị theo mô hình chuẩn của một hãng hàng không truyền thống để nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa chi phí.

Tên rủi ro	Nội dung rủi ro	Biện pháp quản trị rủi ro của VNA
Rủi ro đặc thù	<ul style="list-style-type: none"> Khan hiếm nguồn nhân lực cao cấp (đặc biệt là phi công, kỹ sư kỹ thuật). Hạ tầng kỹ thuật sân bay, số lượng điểm đỗ tàu bay tại các sân bay hạn chế. Chính sách Nhà nước về tiếp cận với quyền khai thác giờ hạ/ cất cánh tại các sân bay lớn, quốc tế. An toàn bay, an ninh hàng không, các rủi ro trong quá trình khai thác bay. 	<ul style="list-style-type: none"> Tập trung nguồn lực cho đào tạo và phát triển lao động đặc thù. Nâng cao hiệu quả công tác điều hành và lập lịch bay hợp lý trong khai thác. Ký kết hợp đồng bảo hiểm giá nguyên liệu để phòng ngừa biến động giá nhiên liệu. Khai thác đội máy bay hiện đại. Giữ gìn một môi trường an toàn – an ninh tuyệt đối cho hành khách và toàn thể nhân viên là giá trị cốt lõi của VNA. Hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn (SMS), tăng cường công tác giám sát, kiểm soát, các giải pháp cụ thể trong việc đảm bảo an toàn khai thác theo quy trình quy định. Thúc đẩy văn hóa an toàn một cách đồng bộ trong toàn hệ thống của VNA.
Rủi ro thông tin	<ul style="list-style-type: none"> Tấn công mạng do hacker hoặc do trộm, gián điệp lấy cắp thông tin, dữ liệu. Thông tin bị lộ, mất, thay đổi, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh và uy tín, chiến lược phát triển của công ty. Công bố và cung cấp thông tin không đúng thời hạn và không đầy đủ, chính xác. Thông tin sai lệch, không chính xác về hoạt động của VNA trên các phương tiện thông tin đại chúng. 	<ul style="list-style-type: none"> Ban hành quy chế an ninh thông tin theo tiêu chuẩn ISO27001, quy định về ứng phó sự cố khẩn nguy CNTT, triển khai hệ thống an ninh mạng 24/7 để tránh khỏi các đợt tấn công mạng, giảm thiểu rủi ro do yếu tố con người, triển khai các chỉ tiêu KPI lĩnh vực CNTT. Ban Truyền thông – Thương hiệu chú trọng việc phát triển truyền thông hiện đại, kiểm soát thông tin nội bộ và các thông tin ra công chúng, báo chí... Thực hiện đầy đủ các quy định công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đảm bảo các thông tin được công bố chính xác, kịp thời, đúng quy định.

Quan hệ nhà đầu tư



“VNA cam kết luôn đồng hành cùng cổ đông trong việc thiết lập các kênh đối thoại mở và minh bạch thông tin, tổ chức hoạt động kinh doanh an toàn - chất lượng và hiệu quả, trên cơ sở kiến tạo giá trị lợi ích cổ đông gắn liền với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và nhu cầu phát triển của đất nước”

Tăng trưởng giá trị doanh nghiệp và vốn hóa thị trường

VNA chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom kể từ ngày 03/01/2017 và luôn nằm trong Top 20 công ty có giá trị vốn hóa dẫn đầu thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2017.

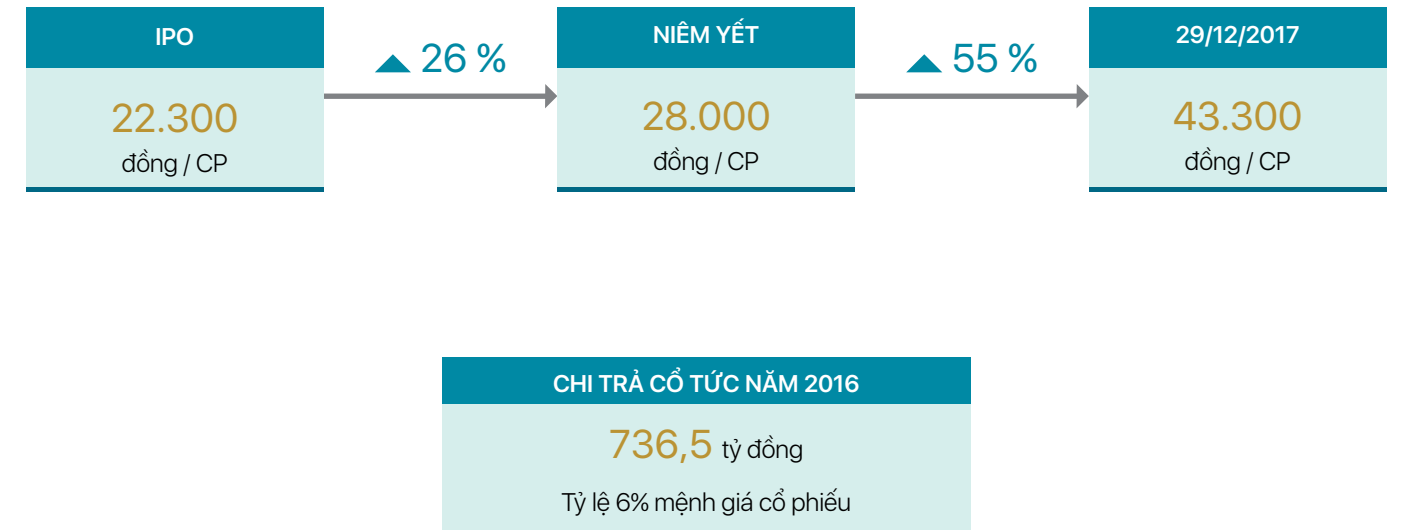
Với kết quả kinh doanh nổi bật, tình trạng tài chính lành mạnh và bền vững, các cân đối lớn được kiểm soát hiệu

quả và chặt chẽ là những tiền đề vững chắc để cổ phiếu VNA thanh khoản tốt và có đà tăng ổn định, giá trị cổ phiếu đạt đỉnh trên 43.000 đồng/ cổ phiếu vào thời điểm cuối năm, tương đương mức vốn hóa thị trường là 2,4 tỷ USD, tăng 55% so với thời điểm chào sàn; Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu đạt 1.931 đồng/ cổ phiếu, tăng 14,6% so với cùng kỳ.

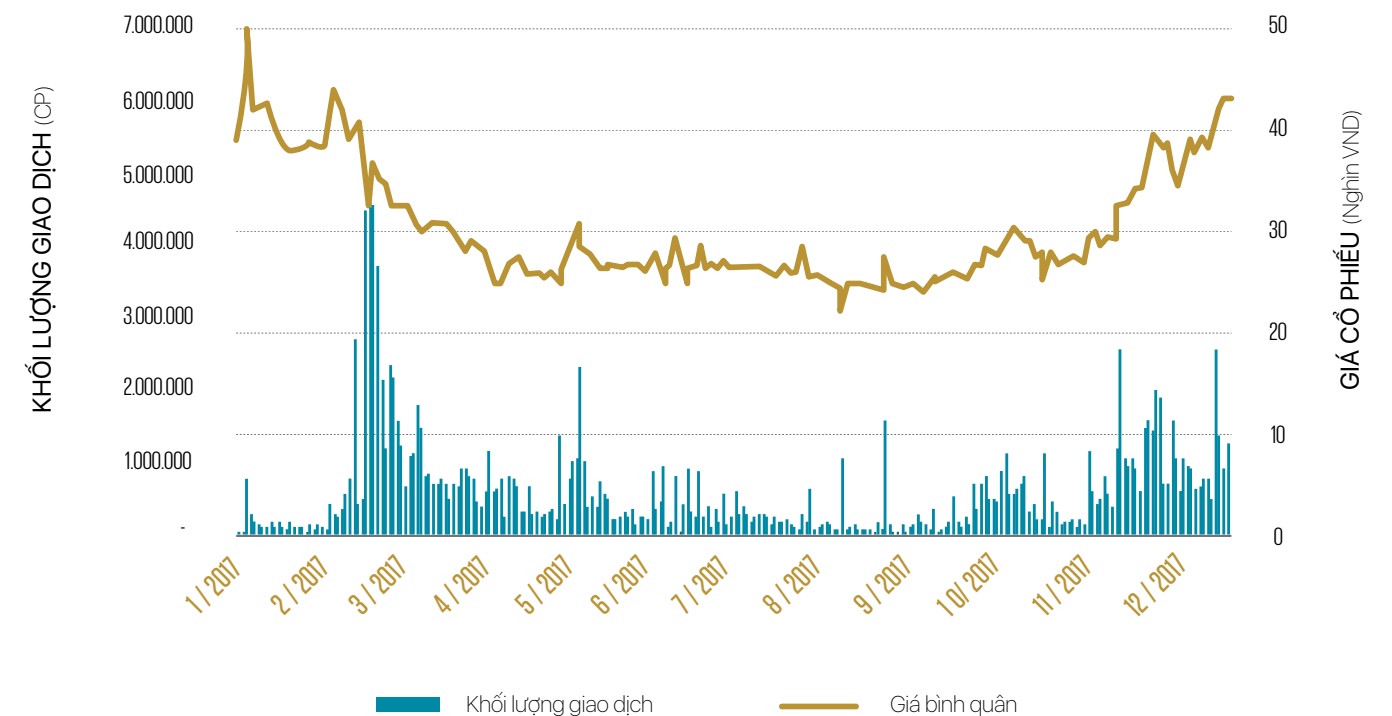
VNA đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ bất thường vào ngày 20/02/2017 và ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 20/6/2017, thông qua các nội dung quan trọng thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo đúng quy định pháp luật.

Các kết quả này đã tái khẳng định giá trị nội tại cũng như tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của VNA, đồng thời ghi nhận những nỗ lực của Hãng trong việc tạo dựng niềm tin, gia tăng lợi ích cho cổ đông, doanh nghiệp và khách hàng.

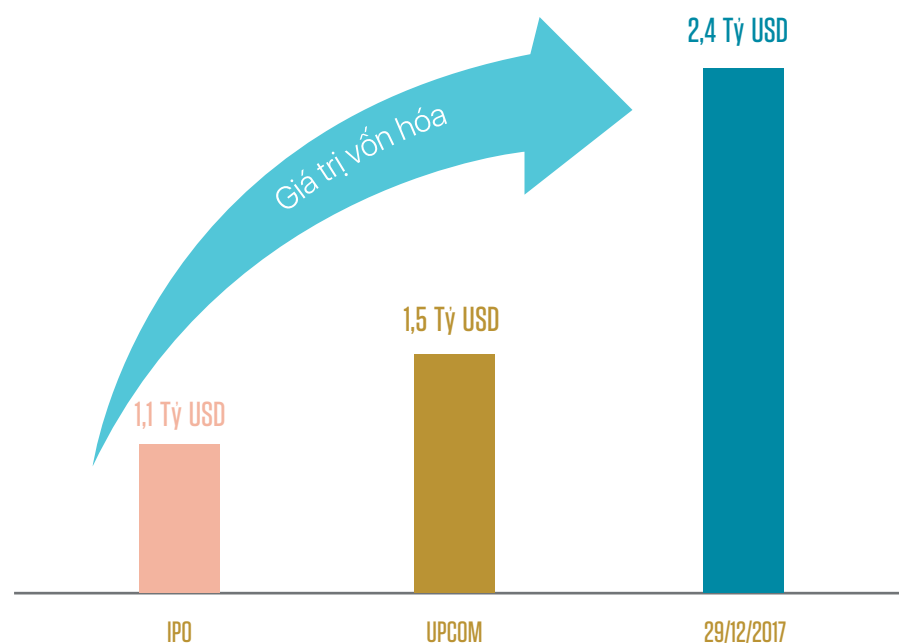
TĂNG TRƯỞNG GIÁ CỔ PHIẾU



DIỄN BIẾN GIÁ CỔ PHIẾU VIETNAM AIRLINES TRONG NĂM 2017



ĐỒ THỊ TĂNG TRƯỞNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG CỦA VIETNAM AIRLINES



Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

VNA có bộ phận chuyên trách về công tác quan hệ cổ đông do Thư ký Tổng công ty phụ trách trực tiếp, thực hiện việc công bố thông tin trên thị trường theo đúng quy định của cơ quan quản lý nhà nước, thường xuyên tiếp xúc và trao đổi thông tin với nhà đầu tư, đảm bảo các thông tin được tiếp cận chính xác, đầy đủ, kịp thời và có chất lượng, góp phần khẳng định niềm tin cho nhà đầu tư và nâng cao hình ảnh, uy tín của VNA trên thị trường.

Trong năm 2017, VNA thường xuyên tổ chức gặp gỡ, trao đổi với nhà đầu tư, các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ trong/ ngoài nước. Bên cạnh đó, VNA tham dự đầy đủ các chương trình hội thảo, tập huấn trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, quản trị công ty,... đặc biệt đã tham gia Hội nghị Doanh nghiệp thường niên năm 2017 do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức vào ngày 17/11/2017 với tư cách là doanh nghiệp thành viên đồng thời là nhà tài trợ vận chuyển chính thức.

Chuyên mục "Quan hệ cổ đông" trên website www.vietnamairlines.com cập nhật đầy đủ, liên tục các thông tin công bố theo quy định, giúp các cổ đông, nhà đầu tư có thể truy cập thông tin dễ dàng về VNA.

TIỆN NGHI BAY ĐẲNG CẤP QUỐC TẾ HÃNG HÀNG KHÔNG 4 SAO



Tự hào gia nhập đội ngũ các hãng hàng không 4 sao, Vietnam Airlines mang đến bạn đội tàu bay hiện đại nhất - Boeing 787 - 9 và Airbus A350 - 900. Giờ đây, mỗi chuyến bay sẽ là một trải nghiệm đáng nhớ nhờ ẩm thực hấp dẫn của Việt Nam và năm châu. Thực đơn đa dạng được phục vụ theo phong cách nhà hàng. Tận hưởng và cảm nhận nỗ lực của chúng tôi trong hành trình sai cánh vươn cao để mang đến bạn tiện nghi bay đẳng cấp quốc tế.

1900 1100  [vietnamairlines](http://vietnamairlines.com)  www.vietnamairlines.com

 Vietnam Airlines
SÀI CẢNH VƯƠN CAO

**ẨM THỰC
ĐẲNG CẤP QUỐC TẾ
HÃNG HÀNG KHÔNG 4 SAO**



Tự hào gia nhập đội ngũ các hãng hàng không 4 sao, Vietnam Airlines mang đến bạn đội tàu bay hiện đại nhất - Boeing 787 - 9 và Airbus A350 - 900. Giờ đây, mỗi chuyến bay sẽ là một trải nghiệm đáng nhớ nhờ ẩm thực hấp dẫn của Việt Nam và năm châu. Thực đơn đa dạng được phục vụ theo phong cách nhà hàng. Tận hưởng và cảm nhận nỗ lực của chúng tôi trong hành trình sai cánh vươn cao để mang đến bạn tiện nghi bay đẳng cấp quốc tế.

☎ 1900 1100 [f vietnamairlines](#) [www.vietnamairlines.com](#)



**GIẢI TRÍ
ĐẲNG CẤP QUỐC TẾ
HÃNG HÀNG KHÔNG 4 SAO**



Tự hào gia nhập đội ngũ các hãng hàng không 4 sao, Vietnam Airlines mang đến bạn đội tàu bay hiện đại nhất - Boeing 787 - 9 và Airbus A350 - 900. Giờ đây, mỗi chuyến bay sẽ là một trải nghiệm đáng nhớ nhờ ẩm thực hấp dẫn của Việt Nam và năm châu. Thực đơn đa dạng được phục vụ theo phong cách nhà hàng. Tận hưởng và cảm nhận nỗ lực của chúng tôi trong hành trình sai cánh vươn cao để mang đến bạn tiện nghi bay đẳng cấp quốc tế.

☎ 1900 1100 [f vietnamairlines](#) [www.vietnamairlines.com](#)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP Thông tin về Tổng Công ty

Các văn bản pháp lý liên quan đến thành lập Tổng Công ty

Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam bao gồm các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc.

Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 1 tháng 7 năm 2010.

Quyết định số 3207/QĐ-BGTVT ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Giao thông Vận tải về việc quyết toán tiền thu cổ phần hóa, quyết toán chi phí cổ phần hóa, xác định lại giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP.

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0100107518 Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh sáu lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100107518 ngày 20 tháng 3 năm 2017. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Ngọc Minh	Chủ tịch
Ông Lưu Văn Hạnh	Ủy viên (đến ngày 31/10/2017)
Ông Dương Trí Thành	Ủy viên
Ông Tạ Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Minh	Ủy viên
Ông Koji Shibata	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Trí Thành	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Trung	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 22/4/2017)
Ông Phan Xuân Đức	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30/11/2017)
Ông Nguyễn Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/12/2017)
Ông Nguyễn Ngọc Trọng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/12/2017)
Ông Trần Thanh Hiền	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

200 Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Dương Trí Thành

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 - 03 - 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 26/03/2018.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-057/2017-d



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 26/03/2018

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 3073-2014-007-1

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn				
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		21.122.732.928.741	22.309.076.409.828
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	7.540.619.875.447	2.764.885.359.376
Tiền	111		2.120.415.497.010	1.767.709.581.449
Các khoản tương đương tiền	112		5.420.204.378.437	997.175.777.927
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		409.299.086.391	763.676.001.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	409.299.086.391	763.676.001.400
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.608.180.196.424	15.622.855.140.252
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.963.515.421.579	3.443.588.578.754
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.922.411.727.508	11.136.694.291.380
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	813.814.268.014	1.125.400.096.522
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(91.561.220.677)	(82.827.826.404)
Hàng tồn kho	140	10	3.233.835.802.911	2.712.180.564.486
Hàng tồn kho	141		3.470.521.838.511	2.821.047.839.720
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(236.686.035.600)	(108.867.275.234)
Tài sản ngắn hạn khác	150		330.797.967.568	445.479.344.314
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	217.230.559.291	184.365.692.747
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		89.711.666.762	156.508.442.254
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	23.855.741.515	104.605.209.313

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn				
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		67.427.752.946.844	74.171.251.295.993
Các khoản phải thu dài hạn	210		4.176.531.225.299	4.833.214.758.161
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	1.394.607.563	1.394.607.563
Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	1.812.099.336.087	2.435.873.162.405
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	2.363.607.997.649	2.396.517.704.193
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(570.716.000)	(570.716.000)
Tài sản cố định	220		55.086.555.441.658	61.409.518.540.209
Tài sản cố định hữu hình	221	11	17.949.543.147.145	21.181.636.758.139
Nguyên giá	222		29.928.288.203.307	38.606.881.503.073
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.978.745.056.162)	(17.425.244.744.934)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	36.974.621.048.400	40.074.945.442.518
Nguyên giá	225		53.392.830.549.661	53.404.449.739.544
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(16.418.209.501.261)	(13.329.504.297.026)
Tài sản cố định vô hình	227	13	162.391.246.113	152.936.339.552
Nguyên giá	228		623.390.403.932	584.800.272.646
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(460.999.157.819)	(431.863.933.094)
Tài sản dở dang dài hạn	240		269.625.540.621	262.220.170.679
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	269.625.540.621	262.220.170.679
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	2.114.548.123.652	2.066.294.206.579
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.551.252.520.532	1.579.127.638.033
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		565.833.415.677	496.566.992.540
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.537.812.557)	(9.400.423.994)
Tài sản dài hạn khác	260		5.780.492.615.614	5.600.003.620.365
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	5.530.615.533.994	5.319.932.552.737
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	1.331.012.795	2.154.845.050
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		248.546.068.825	277.916.222.578
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		88.550.485.875.585	96.480.327.705.821

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		71.117.566.152.055	80.235.683.786.129
Nợ ngắn hạn	310		32.738.421.854.141	29.362.757.831.474
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	13.805.266.299.095	12.009.576.914.474
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		339.531.602.893	268.760.789.659
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	425.031.867.035	426.179.460.693
Phải trả người lao động	314		1.568.532.261.559	1.390.911.311.411
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	4.573.543.743.638	2.470.071.553.711
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	719.522.863.991	562.307.697.560
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	1.082.048.555.836	918.827.540.756
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22(a)	9.689.506.851.655	11.035.691.702.894
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	28.860.407.446	41.701.207.446
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		506.577.400.993	238.729.652.870
Nợ dài hạn	330		38.379.144.297.914	50.872.925.954.655
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		4.364.618.372	1.884.596.800
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	758.915.862.105	878.510.547.408
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	37.432.775.702.145	49.829.138.174.531
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	183.088.115.292	159.643.335.667
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	3.749.300.249

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		17.432.919.723.530	16.244.643.919.692
Vốn chủ sở hữu	410	24	17.432.919.723.530	16.244.643.919.692
Vốn cổ phần	411	25	12.275.337.780.000	12.275.337.780.000
* Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.275.337.780.000	12.275.337.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.220.852.256.541	1.220.852.256.541
Vốn khác của chủ sở hữu	414		241.355.237.827	241.355.237.827
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.153.004.222.954)	(1.153.004.222.954)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		209.681.632.811	204.874.976.862
Quỹ đầu tư phát triển	418		21.447.164.147	21.447.164.147
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		1.068.628.929.237	1.068.628.929.237
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.024.298.861	2.024.298.861
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.907.620.288.230	1.801.088.143.876
* LNST chưa phân phối/(lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		553.738.204.303	(143.333.754.443)
* LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.353.882.083.927	1.944.421.898.319
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	27	638.976.358.830	562.039.355.295
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		88.550.485.875.585	96.480.327.705.821

Người lập:



Hồ Xuân Tam
Ban Tài chính Kế toán
Hà Nội, ngày 26-03-2018

Người duyệt:



Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Dương Trí Thành
Tổng Giám đốc

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	83.553.713.100.813	70.571.488.322.864
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	602.742.605.540	482.514.471.542
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	82.950.970.495.273	70.088.973.851.322
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11		72.278.296.333.981	59.246.148.246.923
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		10.672.674.161.292	10.842.825.604.399
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	906.645.270.861	899.842.836.077
Chi phí tài chính	22	31	2.293.714.332.481	3.049.417.848.736
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.558.118.623.739	1.365.427.620.435
Phần lỗ / lãi trong công ty liên kết	24		(19.861.652.419)	74.777.582.856
Chi phí bán hàng	25	32	4.874.949.412.061	4.456.253.993.479
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	2.323.175.539.158	2.244.778.696.112
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		2.067.618.496.034	2.066.995.485.005
Thu nhập khác	31	34	1.124.558.621.123	578.376.098.914
Chi phí khác	32		37.417.629.340	44.789.738.486
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.087.140.991.783	533.586.360.428

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.154.759.487.817	2.600.581.845.433
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	471.377.611.879	340.669.014.103
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	24.268.611.881	154.675.736.633
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.659.113.264.057	2.105.237.094.697
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		2.370.500.548.767	2.054.563.627.762
Cổ đông không kiểm soát	62		288.612.715.290	50.673.466.935
Lãi trên cổ phiếu	70	37	1.931	1.685
Lãi cơ bản trên cổ phiếu				

Người lập:



Hồ Xuân Tam
Ban Tài chính Kế toán
Hà Nội, ngày 26-03-2018

Người duyệt:



Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Dương Trí Thành
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.154.759.487.817	2.600.581.845.433
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		15.192.580.322.457	5.218.292.501.411
Các khoản dự phòng	03		113.099.442.953	41.061.246.841
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(63.985.663.924)	730.050.392.571
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(315.261.310.952)	(545.251.701.369)
Chi phí lãi vay	06		1.558.118.623.739	1.365.427.620.435
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.639.310.902.090	9.410.161.905.322
Biến động các khoản phải thu	09		6.811.365.649.648	(463.996.513.375)
Biến động hàng tồn kho	10		(620.103.845.038)	(954.278.619.370)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		4.627.807.018.445	4.227.964.944.492
Biến động chi phí trả trước	12		(243.547.847.801)	(604.196.414.778)
			20.214.831.877.344	11.615.655.302.291
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.588.543.545.160)	(1.528.052.892.341)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(349.629.400.992)	(387.537.191.194)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(298.815.506.086)	(149.224.296.483)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.977.843.425.106	9.550.840.922.273

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(760.601.382.188)	(9.277.532.789.609)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		1.611.975.393.533	295.386.846.662
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(852.708.000.000)	(1.455.682.977.222)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		1.207.084.915.009	1.074.175.102.222
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(73.999.940.000)	(107.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	24.605.300.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		324.518.533.557	243.026.390.220
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.456.269.519.911	(9.203.022.127.727)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		62.675.865.832	2.567.441.763.999
Tiền thu từ đi vay	33		19.430.255.503.126	27.369.210.821.590
Tiền trả nợ gốc vay	34		(28.571.347.407.325)	(26.866.352.970.822)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(4.576.515.299.460)	(4.791.607.944.488)
Tiền trả cổ tức	36		(1.011.077.805.038)	(434.298.920.492)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.666.009.142.865)	(2.155.607.250.213)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		4.768.103.802.152	(1.807.788.455.667)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		2.764.885.359.376	4.573.823.236.419
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.630.713.919	(1.149.421.376)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	7.540.619.875.447	2.764.885.359.376

Người lập:



Hồ Xuân Tam

Ban Tài chính Kế toán

Hà Nội, ngày 26-03-2018

Người duyệt:



Trần Thanh Hiền

Kế toán trưởng



Dương Trí Thành

Tổng Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 259/2006/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc ("các đơn vị phụ thuộc").

Căn cứ vào Quyết định số 952/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2010 về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu từ ngày 1 tháng 7 năm 2010, Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành Tổng Công ty Hàng không Việt Nam hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 và thay đổi lần thứ ba ngày 1 tháng 4 năm 2015, Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam được chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Vận chuyển hàng không đối với hành khách.
- Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp quản lý vốn sản xuất kinh doanh; đầu tư ra nước ngoài; mua, bán doanh nghiệp; góp vốn mua cổ phần và chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần.
- Vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư.
- Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài hướng dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho mục đích chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng).
- Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại nhà ga hàng không và các tỉnh, thành phố; các dịch vụ hàng không khác.
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay.

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không và các thiết bị kỹ thuật khác.
- Sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không.
- Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài.
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa; đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật tại các sân bay; nhà ga hành khách, hàng hóa, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không.
- Vận tải đa phương thức.
- Xuất nhập khẩu tàu bay; động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không (thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán) và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước.
- Sản xuất, xuất, nhập khẩu các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không.
- Sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu thực phẩm để phục vụ trên tàu bay.
- Xuất, nhập khẩu xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác.
- Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác tại các cảng hàng không sân bay.
- Đại lý bán lẻ xăng dầu.
- Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài.
- In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm).
- Xây dựng, tư vấn xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình).
- Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài); xuất, nhập khẩu lao động.
- Khoa học, công nghệ.
- Kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử.
- Đào tạo; Tài chính, ngân hàng; Cho thuê tài chính (doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty và các công ty con chỉ kinh doanh khi đạt điều kiện theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 30 đơn vị trực thuộc (bao gồm các chi nhánh trong nước và nước ngoài), 15 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2017: 30 đơn vị trực thuộc, 15 công ty con và 5 công ty liên kết).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin chi tiết các công ty con, công ty liên kết tại ngày báo cáo như sau:

Chi tiêu	Địa chỉ	31/12/2017			1/1/2017			Hoạt động chính
		Số cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Số cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	
Công ty Con								
Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines ("Jetstar")	Việt Nam	22.044.981	68,85%	68,85%	22.044.981	68,85%	68,85%	Kinh doanh vận tải hàng không
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Việt Nam	-	100,00%	100,00%	-	100,00%	100,00%	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bay
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC)	Việt Nam	-	100,00%	100,00%	-	100,00%	100,00%	Kinh doanh nhiên liệu hàng không
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Việt Nam	14.425.401	55,13%	55,13%	14.425.401	55,13%	55,13%	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyển bay
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Việt Nam	10.800.607	60,17%	60,17%	7.200.405	60,10%	60,10%	Cung cấp suất ăn trên máy bay
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Việt Nam	-	100,00%	100,00%	-	100,00%	100,00%	Cung cấp suất ăn cho các chuyến bay
Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt	Việt Nam	3.400.000	51,52%	51,52%	3.400.000	51,52%	51,52%	Đào tạo phi công
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Việt Nam	3.060.000	52,73%	52,73%	3.060.000	52,73%	52,73%	Cung cấp dịch vụ tin học và viễn thông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất)	Việt Nam	5.154.930	55,00%	55,00%	-	55,00%	55,00%	Dịch vụ phục vụ hàng hóa chuyển bay
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Việt Nam	-	51,00%	51,00%	-	51,00%	51,00%	Vận chuyển, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	Việt Nam	4.241.160	51,00%	51,00%	4.241.160	51,00%	51,00%	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không
Công ty TNHH Giao nhận Hàng hóa Vinako	Việt Nam	-	65,05%	65,05%	-	65,05%	65,05%	Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải mặt đất, kho bãi
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lao động Hàng không	Việt Nam	510.000	51,00%	51,00%	510.000	51,00%	51,00%	Xuất nhập khẩu lao động
Công ty Cổ phần Sabre Việt Nam	Việt Nam	268.800	51,69%	51,69%	178.935	89,47%	89,47%	Dịch vụ đặt giữ chỗ tự động
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	Việt Nam	-	100,00%	100,00%	-	100,00%	100,00%	Dịch vụ mặt đất
Công ty liên kết								
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	Campuchia	-	49,00%	49,00%	-	49,00%	49,00%	Kinh doanh vận tải hàng không
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Việt Nam	42.835.200	32,48%	32,48%	42.835.200	32,48%	32,48%	Cho thuê máy bay
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	Việt Nam	1.541.265	36,11%	36,11%	1.085.405	36,07%	36,07%	Dịch vụ phục vụ hàng không
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (Airimex)	Việt Nam	1.071.000	41,31%	41,31%	1.071.000	41,31%	41,31%	Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	Việt Nam	525.400	30,41%	30,41%	525.400	30,41%	30,41%	Sản xuất sản phẩm nhựa

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty và các công ty con có 20.902 nhân viên (1/1/2017: 20.761 nhân viên).

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Quy định chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho TCT Hàng không Việt Nam - CTCP được ban hành theo Quyết định số 1913/QĐ-TCTHK-TCKT ngày 18 tháng 12 năm 2015 ("Quyết định số 1913") của TCT và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quyết định số 1913 được xây dựng dựa trên Quyết định số 2581/TCTHK-TCKT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của TCT đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 17011/BTC-CĐKT ngày 14 tháng 12 năm 2011. Chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho TCT Hàng không Việt Nam - CTCP có một số khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("VAS") số 7 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết" và VAS 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con" ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 và hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- TCT thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa Công ty mẹ với các công ty con hoặc giữa các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch Công ty mẹ cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con.
- Hàng tồn kho mua bán nội bộ được giá định là số tồn kho của năm trước đã được tiêu thụ hết trong năm nay.

Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của TCT và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của TCT và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được TCT và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Cơ sở hợp nhất

- Công ty con**
Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của TCT Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

- Lợi ích cổ đông không kiểm soát**
Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn hoặc tăng vốn của TCT trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của TCT trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn hoặc tăng vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

- Công ty liên kết**
Công ty liên kết là những công ty mà TCT có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà TCT được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của TCT, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà TCT phải chia sẽ vượt quá lợi ích của TCT trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà TCT có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

- Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**
Các số dư trong nội bộ TCT và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của TCT tại đơn vị nhận đầu tư.

Như đã được trình bày tại Thuyết minh 2(a), TCT thực hiện loại trừ theo nguyên tắc số nhỏ hơn đối với số dư các khoản công nợ phải thu và phải trả, cho vay và đi vay, các nghiệp vụ doanh thu và chi phí giữa TCT với các công ty con và giữa các công ty con với nhau trong trường hợp số liệu đối chiếu, xác nhận giữa TCT với các công ty con hoặc giữa các công ty con không bằng nhau. Riêng trường hợp phát sinh giao dịch TCT cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty con thì khi điều chỉnh sẽ lấy theo số liệu báo cáo của công ty con. Bên cạnh đó, hàng tồn kho mua bán nội bộ đang được giá định là số tồn kho của năm trước đã được sử dụng hết trong năm nay.

Ngoại tệ

- Các giao dịch bằng ngoại tệ**
Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi TCT và các công ty con thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

- **Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Các khoản đầu tư

- **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

- **Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà TCT không có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

- **Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của TCT và công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được trích lập dựa trên quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Giá trị vật tư, phụ tùng máy bay nhập kho được xác định dựa trên giá mua trên hóa đơn của nhà cung cấp cộng với toàn bộ chi phí liên quan đến nhập vật tư, phụ tùng (như thuế nhập khẩu, phí ủy thác, chi phí vận chuyển).

Phương pháp tính giá hàng tồn kho:

- Đơn giá xuất kho đối với các loại vật tư, hàng hóa không phải là vật tư, phụ tùng máy bay được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Đơn giá vật tư, phụ tùng máy bay xuất kho trong năm được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Giá trị vật tư, phụ tùng máy bay xuất kho sử dụng được đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc:

- Đối với vật tư, phụ tùng máy bay tiêu hao, xuất dùng một lần, không sửa chữa được, giá xuất kho bằng 100% giá trị của vật tư, phụ tùng và được phản ánh toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 1.500 USD đến 50.000 USD khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.
- Đối với phụ tùng vật tư quay vòng có nguyên giá đơn vị từ 50.000 USD trở lên khi xuất kho đưa vào sử dụng được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ khi xuất dùng lần đầu.

TCT và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của TCT và các công ty con được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, TCT và các công ty con được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản cố định hữu hình

- **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Trong trường hợp tài sản cố định hữu hình là máy bay, phần hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay được ghi nhận theo nguyên tắc sau:

- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là dịch vụ không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận.

- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là phụ tùng vật tư hoặc thiết bị không chắc chắn sẽ nhận được thì không được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay mà giảm trừ giá vốn hàng bán khi thực nhận.
- Hỗ trợ tín dụng từ hợp đồng mua máy bay là thiết bị chắc chắn sẽ nhận được và có danh mục cụ thể khi bàn giao được ghi nhận tách khỏi nguyên giá máy bay.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

- **Khấu hao**
Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:
 - Máy bay 16 – 20 năm
 - Động cơ máy bay 10 năm
 - Nhà cửa, vật kiến trúc 10 – 30 năm
 - Máy móc, thiết bị 5 – 10 năm
 - Phương tiện vận tải mặt đất 7 – 10 năm
 - Thiết bị, dụng cụ quản lý 3 – 5 năm
 - Tài sản cố định khác 5 – 7 năm

Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, TCT và các công ty con đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

Tài sản cố định vô hình

- **Quyền sử dụng đất**
Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 đến 30 năm. TCT và các công ty con không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.
- **Phần mềm máy vi tính**
Phần mềm máy vi tính bao gồm phần mềm quản lý doanh thu vận chuyển hành khách/hàng hóa, phần mềm quản lý hàng hóa, và phần mềm kế toán. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến bảy năm.

- **Xây dựng cơ bản dở dang**
Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.
Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí trả trước dài hạn

- **Chi phí sửa chữa lớn động cơ và thân máy bay**
Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay và thân máy bay đã phát sinh được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh tính từ thời điểm đại tu, sửa chữa hoàn thành. Đối với động cơ máy bay thuê, chi phí chờ phân bổ là giá trị sửa chữa sau khi đã trừ phần thu hồi quỹ đại tu từ bên cho thuê máy bay. Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa đối với thân máy bay, động cơ chính, động cơ phụ và càn máy bay cho mỗi lần có giá trị tương đương từ 300.000 USD trở lên sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm. Chi phí sửa chữa được ghi nhận vào chi phí trong năm nếu giá trị nhỏ hơn 300.000 USD.
Chi phí sửa chữa lớn động cơ máy bay quy định trong hợp đồng bảo dưỡng động cơ theo giờ được trích trước và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên số giờ bay.
- **Phi bảo lãnh tín dụng xuất khẩu vay mua máy bay**
Phi bảo lãnh tín dụng xuất khẩu hợp đồng huy động vốn mua máy bay theo hình thức thuê tài chính và các chi phí khác liên quan đến hợp đồng huy động vốn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian huy động vốn.
- **Công cụ và dụng cụ**
Công cụ và dụng cụ bao gồm:
 - Các tài sản TCT và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ trong thời gian 2 năm;
 - Các vật tư, phụ tùng quay vòng thực hiện phân bổ đều hàng năm (thuyết minh số 3(f)).

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, TCT và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Nghĩa vụ hoàn trả máy bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động máy bay ký giữa Công ty/ các công ty con và các bên cho thuê, TCT và các công ty con có nghĩa vụ khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của máy bay

nếu khi được bàn giao (ngoại trừ các hao mòn tự nhiên) khi hoàn trả lại máy bay cho bên cho thuê tại cuối thời hạn thuê. Theo Công văn số 11876/BTC-CĐKT của Bộ Tài chính, TCT có thể ghi nhận chi phí trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh hoặc lập dự phòng hoàn trả máy bay trong thời gian thuê. TCT và các công ty con hiện đang áp dụng chính sách ghi nhận chi phí trả máy bay thuê hoạt động khi thực tế phát sinh.

Doanh thu chưa thực hiện từ chương trình khách hàng thường xuyên

TCT thực hiện chương trình Bông Sen Vàng cho các khách hàng thường xuyên, theo đó khách hàng sẽ được tích lũy điểm thưởng khi mua hàng hóa hoặc sử dụng dịch vụ của TCT hay một số đối tác cụ thể của TCT. Phần doanh thu tương ứng với số điểm tích lũy mà khách hàng dự kiến lấy thưởng được xác định theo giá trị hợp lý và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là doanh thu trong năm nếu khách hàng lấy thưởng hoặc điểm thưởng tích lũy hết hạn.

Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm báo cáo bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận vào một tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận vào tài khoản tương ứng thuộc vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu vận chuyển hàng không

Các khoản thu bán chứng từ vận chuyển (bao gồm vé và các chứng từ vận chuyển khác) được ghi nhận là khoản phải trả người bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị khoản phải trả người bán này được kết chuyển vào doanh thu phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện.

Doanh thu chuyên cơ, thuê chuyến được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ

Doanh thu cung cấp dịch vụ phụ trợ được hoàn thành trong thời gian ngắn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ hoàn thành. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức và lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư hoặc trước giai đoạn cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Lãi trên cổ phiếu

TCT trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của TCT (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

TCT không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của TCT và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này

chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc TCT cho rằng TCT và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là hàng không và các hoạt động phụ trợ.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của TCT và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ban Giám đốc TCT xác định Việt Nam là quốc gia duy nhất có phát sinh doanh thu trên 10% tổng doanh thu, và do đó là một bộ phận cần được báo cáo. Tài sản, các chi phí và nợ phải trả liên quan không được phân bổ do đặc thù hoạt động ngành hàng không của TCT và các công ty con là tài sản hầu hết được đăng ký và quản lý tại Việt Nam nhưng hoạt động ở khắp các đường bay trên toàn thế giới.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của TCT và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi TCT hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	19.506.094.579	22.329.003.278
Tiền gửi ngân hàng	1.941.174.835.253	1.633.241.520.321
Tiền đang chuyển	159.734.567.178	112.139.057.850
Các khoản tương đương tiền	5.420.204.378.437	997.175.777.927
	7.540.619.875.447	2.764.885.359.376

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	409.299.086.391	409.299.086.391	763.676.001.400	763.676.001.400

Giá trị hợp lý của tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết				
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	868.495.011.091	693.002.099.683	868.495.011.091	790.999.754.460
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	439.335.275.853	813.811.668.258	456.866.046.661	743.791.332.576
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	86.652.841.772	23.389.162.523	82.094.241.772	23.557.798.297
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (Airimex)	22.812.300.000	15.795.590.068	22.812.300.000	15.524.752.700
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	6.166.335.863	5.254.000.000	6.166.335.863	5.254.000.000
	1.423.461.764.579	1.551.252.520.532	1.436.433.935.387	1.579.127.638.033

Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

	31/12/2017			1/1/2017		
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty TNHH MTV Đầu tư Du lịch và Vận tải biển Phương Nam	185.050.002.264	-	185.050.002.264	185.050.002.264	-	185.050.002.264
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	119.686.420.000	-	153.439.954.494	90.901.080.000	(5.679.900.037)	85.221.179.963
Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	52.000.000.000	(2.269.433.432)	49.730.566.568	52.000.000.000	(2.269.433.432)	49.730.566.568
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội bài	30.000.000.000	-	35.524.177.931	30.000.000.000	-	33.095.443.854
Công ty Cổ phần Giao nhận kho vận Hàng không ALS	65.049.600.000	-	65.049.600.000	24.393.600.000	-	24.393.600.000
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT)	6.161.138.309	-	6.161.138.309	6.161.138.309	-	6.161.138.309
Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh	90.000.000.000	-	90.000.000.000	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không	17.000.000.000	(268.379.125)	16.731.620.875	17.000.000.000	(1.451.090.525)	15.548.909.475
Khác	886.255.104	-	886.255.104	1.061.171.967	-	1.061.171.967
	565.833.415.677	(2.537.812.557)	602.573.315.545	496.566.992.540	(9.400.423.994)	490.262.012.400

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được xác định trên cơ sở:

- Giá đóng cửa trên thị trường chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đối với các công ty niêm yết.
- Giá trị vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty và các công ty con đối với các công ty chưa niêm yết hoặc giá gốc khoản đầu tư trong trường hợp thông tin không sẵn có.

Biến động của đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	2017 VND
Số dư đầu năm	1.579.127.638.033
Tăng trong năm	4.558.600.000
Phần lỗ trong công ty liên kết phát sinh trong năm	(19.861.652.419)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ các hoạt động ở nước ngoài (Thuyết minh 24)	4.806.655.949
Cổ tức được chia	(17.530.770.808)
Biến động khác	152.049.777
Số dư cuối năm	1.551.252.520.532

Phải thu của khách hàng

Chi tiết phải thu của khách hàng

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu từ các đại lý bán sản phẩm vận chuyển hành khách	1.942.357.851.888	1.636.994.471.683
Phải thu từ các hãng hàng không khác	432.788.992.725	681.938.384.919
Phải thu cước vận chuyển hàng hóa	358.169.026.116	307.172.911.678
Phải thu cho thuê máy bay	26.687.232.463	29.891.132.949
Phải thu ngắn hạn khác	1.204.906.925.950	788.986.285.088
	3.964.910.029.142	3.444.983.186.317

Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngắn hạn	3.963.515.421.579	3.443.588.578.754
Dài hạn	1.394.607.563	1.394.607.563
	3.964.910.029.142	3.444.983.186.317

Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty liên kết		
Hãng hàng không Cambodia Angkor Air	61.954.565.121	82.120.929.200

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả theo thời hạn đã thỏa thuận.

Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trả trước tiền mua máy bay	3.002.686.694.503	8.609.061.295.391
Trả trước chi phí sửa chữa lớn chờ cần trừ với Quỹ đại tu	1.076.120.156.565	1.799.799.981.195
Trả trước tiền thuê máy bay	524.146.980.576	445.604.170.216
Trả trước khác	319.457.895.864	282.228.844.578
	4.922.411.727.508	11.136.694.291.380

Trả trước cho người bán dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trả trước tiền mua máy bay	1.812.099.336.087	2.435.873.162.405

Phải thu khác

Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu lãi tiền gửi ngắn hạn	20.924.034.156	12.032.467.104
Tạm ứng	18.722.636.112	25.372.629.102
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	59.657.236.243	62.103.038.715
Đặt cọc thuê máy bay ngắn hạn (*)	275.591.139.686	171.997.542.750
Tạm nộp thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng	248.083.968.925	639.465.339.888
Phải thu khác	190.835.252.892	214.429.078.963
	813.814.268.014	1.125.400.096.522

(*) Đặt cọc thuê máy bay ngắn hạn là khoản tiền Tổng Công ty đặt cọc để thuê tàu bay và sẽ được hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo.

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đặt cọc thuê máy bay, động cơ máy bay	2.161.725.502.990	2.301.948.875.337
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ dài hạn khác	196.219.810.160	88.402.144.357
Phải thu dài hạn khác	5.662.684.499	6.166.684.499
	2.363.607.997.649	2.396.517.704.193

Phải thu khác từ bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (*)	431.497.039.009	426.469.704.854

(*) Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam thể hiện tiền đặt cọc thuê máy bay của Tổng Công ty.

Khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả theo thời hạn đã thỏa thuận.

Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2017		Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	1/1/2017		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND			Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	Trên 5 năm	38.537.918.851	(38.537.918.851)	-	Trên 5 năm	38.537.918.851	(38.537.918.851)	-
Đại lý Global Flight	Trên 3 năm	3.039.295.020	(3.039.295.020)	-	Trên 2 năm	3.625.074.029	(3.625.074.029)	-
Air Fast Ticket Group	Trên 3 năm	5.506.563.686	(5.506.563.686)	-	Trên 2 năm	4.936.788.080	(4.936.788.080)	-
Các đối tượng khác	1 - 20 năm	46.383.080.886	(45.048.159.120)	1.334.921.766	1 - 20 năm	38.012.584.745	(36.298.761.444)	1.713.823.301
		93.466.858.443	(92.131.936.677)	1.334.921.766		85.112.365.705	(83.398.542.404)	1.713.823.301
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn		(91.561.220.677)				(82.827.826.404)		
Dự phòng phải thu khó đòi - dài hạn		(570.716.000)				(570.716.000)		

Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	4.219.742.099	-	42.588.489.890	-
Nguyên vật liệu	1.173.131.546.033	(236.686.035.600)	969.722.603.034	(108.867.275.234)
Công cụ và dụng cụ	70.791.009.732	-	199.589.141.023	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.755.770.550	-	5.884.370.413	-
Hàng hóa (*)	2.175.855.776.125	-	1.585.740.421.598	-
Hàng hóa kho bảo thuế	15.546.402.609	-	12.645.537.475	-
Hàng gửi đi bán	2.221.591.363	-	4.877.276.287	-
	3.470.521.838.511	(236.686.035.600)	2.821.047.839.720	(108.867.275.234)

(*) Hàng hóa tồn kho chủ yếu là xăng dầu Jet A1 tại Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam, một công ty con của Tổng Công ty.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 77.744 triệu VND nguyên vật liệu được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được (1/1/2017: Không) và 199.180 triệu VND nguyên vật liệu lỗi thời, chậm luân chuyển (1/1/2017: 148.978 triệu VND).

Tài sản cố định hữu hình

	Máy bay, động cơ máy bay VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải mặt đất VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	31.422.795.360.939	2.210.028.273.872	2.911.510.065.220	1.128.279.082.149	656.136.501.499	278.132.219.394	38.606.881.503.073
Tăng trong năm	-	-	153.117.681.245	212.529.786.482	49.174.430.928	8.491.334.921	423.313.233.576
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	45.442.372.776	-	-	-	-	45.442.372.776
Điều chỉnh nguyên giá	(30.437.899.357)	-	(131.835.877)	-	-	(513.563.503)	(31.083.298.737)
Phân loại lại	-	(14.835.947.813)	13.417.322.358	1.229.956.664	1.436.839.808	(1.248.171.017)	(9.114.273.071.513)
Thanh lý và xóa sổ	(9.065.681.919.508)	(2.625.941.703)	(12.233.617.495)	(15.267.139.668)	(14.890.794.099)	(3.573.659.040)	(9.114.273.071.513)
Biến động khác	-	2.471.559.305	(859.020.507)	(893.592.410)	(10.517.307)	(2.700.964.949)	(1.992.535.868)
Số dư cuối năm	22.326.675.542.074	2.240.480.316.437	3.064.820.594.944	1.325.878.093.217	691.846.460.829	278.587.195.806	29.928.288.203.307
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	13.290.786.782.996	840.453.546.004	1.943.598.586.629	781.469.517.546	423.237.016.901	145.699.294.858	17.425.244.744.934
Khấu hao trong năm	1.507.158.437.811	119.356.102.812	241.108.441.699	97.442.806.936	88.182.813.566	19.136.430.223	2.072.385.033.047
Phân loại lại	-	(1.619.360.303)	3.850.679.442	(52.559.168)	(545.498.554)	(1.633.261.417)	(7.517.646.150.700)
Thanh lý và xóa sổ	(7.469.502.361.861)	(2.375.768.850)	(12.233.617.495)	(15.242.155.760)	(14.890.794.099)	(3.401.452.635)	(7.517.646.150.700)
Biến động khác	-	(110.259.403)	(113.988.637)	(1.003.805.772)	(10.517.307)	-	(1.238.571.119)
Số dư cuối năm	7.328.442.858.946	955.704.260.260	2.176.210.101.638	862.613.803.782	495.973.020.507	159.801.011.029	11.978.745.056.162
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	18.132.008.577.943	1.369.574.727.868	967.911.478.591	346.809.564.603	232.899.484.598	132.432.924.536	21.181.636.758.139
Số dư cuối năm	14.998.232.683.128	1.284.776.056.177	888.610.493.306	463.264.289.435	195.873.440.322	118.786.184.777	17.949.543.147.145

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 2.784.163 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 2.514.787 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 12.981.072 triệu VND (1/1/2017: 13.645.487 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy bay và động cơ máy bay VND	Máy móc, thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	53.403.999.739.544	450.000.000	53.404.449.739.544
Điều chỉnh nguyên giá máy bay	(11.619.189.883)	-	(11.619.189.883)
Số dư cuối năm	53.392.380.549.661	450.000.000	53.392.830.549.661
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	13.329.312.563.162	191.733.864	13.329.504.297.026
Khấu hao trong năm	3.088.557.623.585	147.580.650	3.088.705.204.235
Số dư cuối năm	16.417.870.186.747	339.314.514	16.418.209.501.261
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	40.074.687.176.382	258.266.136	40.074.945.442.518
Số dư cuối năm	36.974.510.362.914	110.685.486	36.974.621.048.400

Tổng Công ty đang thuê tài chính 38 máy bay bao gồm các loại máy bay A321, B787 và ATR72-500. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tổng Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này theo điều kiện trong hợp đồng. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh số 22(d)).

Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	100.933.196.031	457.460.207.848	26.406.868.767	584.800.272.646
Tăng trong năm	443.111.819	40.386.679.918	-	40.829.791.737
Thanh lý và xóa sổ	-	(1.207.299.736)	-	(1.207.299.736)
Biến động khác	-	(1.032.360.715)	-	(1.032.360.715)
Số dư cuối năm	101.376.307.850	495.607.227.315	26.406.868.767	623.390.403.932
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	31.630.738.739	399.026.325.588	1.206.868.767	431.863.933.094
Khấu hao trong năm	141.896.553	31.348.188.622	-	31.490.085.175
Thanh lý và xóa sổ	-	(1.207.299.736)	-	(1.207.299.736)
Biến động khác	-	(1.147.560.714)	-	(1.147.560.714)
Số dư cuối năm	31.772.635.292	428.019.653.760	1.206.868.767	460.999.157.819
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	69.302.457.292	58.433.882.260	25.200.000.000	152.936.339.552
Số dư cuối năm	69.603.672.558	67.587.573.555	25.200.000.000	162.391.246.113

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 346.963 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 344.791 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 25.200 triệu VND (1/1/2017: 25.200 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

Xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự án 10 A350 ký năm 2007	-	171.315.035.746
Dự án "Cơ sở chế biến ăn HK Nội Bài"	161.395.322.416	23.371.506.654
Dự án 8 B787-9 ký năm 2008	-	19.156.657.493
Dự án nhà điều hành khối khai thác phía Nam	-	868.079.945
Dự án xây dựng hỗ trợ dịch vụ mặt đất tại Sân bay Tân Sơn Nhất – Giai đoạn 2	17.837.109.000	18.173.769.941
Dự án xây dựng bể chứa nước 3200m ³ – kho Cam Ranh	10.259.705.926	-
Dự án Phương tiện chờ hàng đường không	10.351.607.350	-
Kho nhiên liệu Sân bay Liên Khương	11.030.600.817	-
Máy rửa dụng cụ hàng không	11.008.582.500	-
Các dự án khác	47.742.612.612	29.335.120.900
	269.625.540.621	262.220.170.679

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 161.395 triệu VND (1/1/2017: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Hoa hồng thu bán chứng từ vận chuyển (*)	77.376.881.883	78.721.654.334
Chi phí bảo hiểm	3.827.855.173	1.615.009.625
Chi phí thuê máy bay và động cơ máy bay	93.209.350.039	37.204.377.466
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	42.816.472.196	66.824.651.322
	217.230.559.291	184.365.692.747

(*) Đây là khoản hoa hồng của các chứng từ vận chuyển đã bán nhưng dịch vụ vận chuyển chưa được thực hiện. Khoản trả trước này sẽ được hạch toán vào chi phí khi dịch vụ vận chuyển được thực hiện hoặc khi các chứng từ vận chuyển đã hết hạn.

Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa lớn động cơ, thân máy bay VND	Phí bảo lãnh tín dụng xuất khẩu vay mua máy bay VND	Chi phí phụ tùng máy bay, công cụ dụng cụ quay vòng VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.308.938.684.653	2.072.623.021.962	719.946.353.190	218.424.492.932	5.319.932.552.737
Tăng trong năm	2.448.391.376.983	636.889.338	348.881.531.337	175.062.623.877	2.972.972.421.535
Phân bổ trong năm	(1.866.499.265.726)	(257.183.393.312)	(470.518.532.975)	(168.088.248.265)	(2.762.289.440.278)
	2.890.830.795.910	1.816.076.517.988	598.309.351.552	225.398.868.544	5.530.615.533.994

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	636.011.620	889.621.365
Các khoản khác	20%	695.001.175	1.265.223.685
		1.331.012.795	2.154.845.050
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Dự phòng	20%	(183.051.888.659)	(159.632.441.462)
Các khoản khác	20%	(36.226.633)	(10.894.205)
		(183.088.115.292)	(159.643.335.667)
		(181.757.102.497)	(157.488.490.617)
Phân loại trên bảng cân đối kế toán			
Tài sản dài hạn khác		1.331.012.795	2.154.845.050
Nợ phải trả dài hạn		(183.088.115.292)	(159.643.335.667)
		(181.757.102.497)	(157.488.490.617)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần			
		(181.757.102.497)	(157.488.490.617)

Phải trả người bán

Chi tiết phải trả người bán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO (i)	7.626.772.137.160	6.864.334.304.344
Phải trả thu bán thuế trên giá vé (ii)	1.110.497.876.995	1.088.520.056.621
Phải trả người bán và phải trả Interlines	5.031.590.204.053	4.019.980.205.073
Phải trả thu bán khác	20.134.426.784	18.067.603.935
Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hàng hóa	16.271.654.103	18.674.744.501
	13.805.266.299.095	12.009.576.914.474

(i) Phải trả thu bán chứng từ vận chuyển hành khách, hành lý, MCO phản ánh giá trị khách hàng đã mua dịch vụ nhưng chưa sử dụng tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Phải trả thu bán thuế trên giá vé phản ánh giá trị các khoản Tổng Công ty và các công ty con phải trả cơ quan thuế hoặc nhà quản lý sân bay, bao gồm các loại thuế phát sinh khi bán vé cho hành khách và các loại thuế sẽ phát sinh nghĩa vụ phải trả khi thực hiện dịch vụ vận chuyển.

Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (Airimex)	55.252.302.254	33.114.952.734

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.



Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2017		Số phải nộp sau khi bù trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2017	
	Phải thu VND	Phải nộp VND			Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế						
Thuế giá trị gia tăng	20.893.688.673	74.411.378.200	1.424.295.138.775	(1.435.991.217.720)	11.942.086.694	53.763.697.276
Thuế xuất nhập khẩu	15.646.957.890	-	404.123.086.207	(398.074.422.824)	9.598.294.507	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.450.918.322	53.509.736.730	465.689.903.532	(349.629.400.992)	2.224.510.091	104.343.831.039
Thuế thu nhập cá nhân	598.498.228	88.073.094.252	832.525.645.952	(890.183.689.410)	75.704.023	29.892.256.589
Thuế tài nguyên	-	-	86.818.400	(83.132.080)	-	3.686.320
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	58.397.244.904	(57.042.428.698)	-	1.354.816.206
Thuế bảo vệ môi trường	-	179.927.901.000	2.270.533.224.000	(2.267.609.193.000)	-	182.851.932.000
Thuế nhà thầu	-	29.950.423.668	154.843.515.045	(132.278.684.086)	-	52.515.254.627
Các loại thuế khác	-	306.926.843	2.582.414.958	(2.582.949.003)	-	306.392.798
Các khoản phải nộp khác						
Phí, lệ phí	15.146.200	-	166.026.916	(166.026.736)	15.146.200	180
	104.605.209.313	426.179.460.693	5.613.243.018.689	(5.533.641.144.549)	23.855.741.515	425.031.867.035

Theo biên bản thanh tra thuế ngày 28 tháng 4 năm 2011 do Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines ("JPA"), một công ty con của Tổng Công ty, phải thanh toán cho Ngân sách Nhà nước số tiền nợ thuế tăng thêm cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 303 tỷ VND, trong đó nợ thuế và tiền phạt thuế lần lượt là 186 tỷ VND và 117 tỷ VND.

Căn cứ vào Điều 6.1.c của Hợp đồng Đầu tư và Chuyển nhượng Cổ phần ngày 26 tháng 4 năm 2007 giữa Qantas Airways Limited, Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd, và Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước ("SCIC"), SCIC đồng ý hoàn trả lại cho JPA bất kỳ khoản nợ phải trả nào chưa được ghi nhận bao gồm nợ thuế tích dồn hoặc đã được JPA báo cáo ngày 31 tháng 7 năm 2007.

Từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 2 năm 2013, JPA đã thanh toán một phần khoản nợ thuế này là 63.522.344.280 VND, đây là khoản tiền nợ thuế liên quan tới giai đoạn sau khi Qantas Asia Investment Company (Singapore) Pte., Ltd, đầu tư vào JPA (sau ngày 31 tháng 7 năm 2007).

Theo Công văn số 3106/TCT-QLN do Tổng cục Thuế ban hành ngày 29 tháng 8 năm 2012, JPA được phép hoãn thanh toán khoản phạt thuế cho đến khi có các hướng dẫn khác. Ngày 4 tháng 2 năm 2013, Bộ Tài chính gửi Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh công văn số 1894/BTC-TCT. Theo đó, Bộ Tài chính đề nghị Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh tạm dừng việc cưỡng chế đối với khoản nợ thuế 127,8 tỷ VND trước ngày 31 tháng 7 năm 2007 của JPA cho đến khi có hướng dẫn mới.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản nợ thuế và phạt thuế còn lại lần lượt là 127,8 tỷ VND và 117 tỷ VND chưa được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí phục vụ chuyến bay	734.864.514.023	947.813.559.129
Chi phí nhiên liệu	431.013.630.165	233.962.784.690
Chi phí thuê, sửa chữa máy bay	2.176.221.535.589	615.266.112.905
Chi phí lãi vay	19.915.618.967	222.340.540.388
Các khoản trích trước khác	1.039.528.444.894	450.688.556.599
	4.573.543.743.638	2.470.071.553.711

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Doanh thu nhận trước	11.046.055.709	3.480.166.553
Doanh thu từ chương trình khách hàng thường xuyên	708.476.808.282	558.827.531.007
	719.522.863.991	562.307.697.560

Phải trả khác

Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chí phí bảo dưỡng tàu bay (*)	542.796.815.401	523.939.573.606
Phải trả phụ tùng, vật tư (**)	76.346.779.671	78.981.016.341
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.347.051.804	16.041.450.409
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.485.476.224	20.167.223.524
Các khoản phải trả, phải nộp khác	309.072.432.736	279.698.276.876
	1.082.048.555.836	918.827.540.756

(*) Chi phí bảo dưỡng tàu bay phản ánh quỹ đại tu mà Tổng Công ty giữ cho các tàu bay cho thuê.

(**) Phải trả phụ tùng, vật tư phản ánh giá trị ước tính của các phụ tùng, vật tư đã nhận trong năm nhưng chưa có hóa đơn tương ứng.

Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nhận quỹ đại tu và đặt cọc tiền thuê máy bay	249.570.353.914	411.746.265.177
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	202.484.262.367	154.902.842.000
Nhận trước khoản hỗ trợ tín dụng được cấp theo hợp đồng vật liệu và sửa chữa động cơ máy bay	306.861.245.824	311.861.440.231
	758.915.862.105	878.510.547.408

Phải trả khác cho các bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty liên kết		
Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air	249.570.353.914	411.746.265.177

Khoản phải trả các bên liên quan phản ánh quỹ đại tu và tiền đặt cọc thuê máy bay và phải hoàn trả theo thỏa thuận.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn (Thuyết minh (c)(i))	4.233.228.096.584	19.046.630.206.247	(21.032.656.658.724)	2.247.201.644.107
Vay dài hạn đến hạn trả	2.226.181.096.576	8.021.548.355.128	(7.451.686.930.651)	2.796.042.521.053
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả	4.576.282.509.734	4.646.385.901.042	(4.576.405.724.281)	4.646.262.686.495
	11.035.691.702.894	31.714.564.462.417	(33.060.749.313.656)	9.689.506.851.655

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn (Thuyết minh (c)(ii))	14.662.704.422.644	21.816.143.824.635
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh (d))	30.212.376.487.049	34.815.457.956.206
	44.875.080.909.693	56.631.601.780.841
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(7.442.305.207.548)	(6.802.463.606.310)
	37.432.775.702.145	49.829.138.174.531
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn

	Loại tiền	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	657.556.579.159	992.292.307.788
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	USD	264.726.771.856	2.295.799.193.612
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	63.446.084.922	55.258.938.053
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	880.838.088.160	152.855.792.618
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	15.268.421.878	-
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	USD	76.013.456.473	229.598.676.809
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	-	97.333.249.455
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	USD	-	29.707.593.873
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	VND	81.000.000.000	150.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	USD	127.816.439.410	66.245.844.375
Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIBBank)	USD	76.496.849.630	99.136.500.001
Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIBBank)	VND	4.038.952.619	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	VND	-	65.000.000.000
		2.247.201.644.107	4.233.228.096.584

(*) Khoản vay ngắn hạn này có hạn mức tín dụng 117 triệu USD nhằm mục đích đầu tư cho việc mua 10 tàu bay của Jetstar. Khoản vay này được đảm bảo bằng các thỏa thuận bán và thuê lại giữa Jetstar và Aviation Capital Group Corporation.

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	VND	2021 - 2024	258.742.225.761	318.196.931.177
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	USD	2028	6.582.392.121.453	10.671.150.858.757
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	USD	2024	2.082.694.864.507	2.414.134.000.168
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (*)	VND	2019-2021	26.709.477.000	57.396.379.000
Ngân hàng Cathay United (Đài Loan)	USD	2023	748.122.431.773	1.687.391.675.781
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (*)	USD	2020	43.234.785.258	1.075.785.184.796
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	2022	47.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	USD	2024	969.152.465.398	1.108.576.748.353
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (*)	VND	2022 - 2024	128.689.563.332	95.059.639.922
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (*)	USD	2022 - 2024	771.746.895.591	860.594.974.906
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	2025	504.393.120.000	567.941.220.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	2022	65.464.609.793	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	USD	2028	1.495.853.999.933	1.641.872.862.104
Ngân hàng TNHH Indovina	USD	2022	622.858.942.255	710.465.607.496
Ngân hàng TMCP Đại Dương (*)	USD	2018	-	128.931.206.986
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (*)	VND	2022	33.081.080.000	62.434.992.000
Ngân hàng Credit Agricole	USD	2020	75.922.550.162	106.825.575.211
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	VND	2019 - 2023	197.702.890.688	147.727.038.282
Ngân hàng Cathay United - Chi nhánh Chu Lai (*)	USD	2019	-	58.741.830.064
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	EUR	2020	3.084.359.740	12.446.726.563
Ngân hàng TMCP Bản Việt	VND	2019	-	26.100.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	VND	2020	-	56.984.133.069
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	2021	5.858.040.000	7.386.240.000
			14.662.704.422.644	21.816.143.824.635
			(2.796.042.521.053)	(2.226.181.096.576)
			11.866.661.901.591	19.589.962.728.059

Khoản đến hạn phải trả trong vòng 12 tháng

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

(*) Các khoản vay ngân hàng này được đảm bảo bằng tài sản và xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại là 13.167.667 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 13.670.687 triệu VND) (Thuyết minh 11, Thuyết minh 13 và Thuyết minh 14). Các khoản vay còn lại được bảo lãnh của Bộ Tài chính hoặc tín chấp.

Trong năm, các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty và các công ty con chịu lãi suất như sau:

- Các khoản vay bằng USD: Từ 2,7% đến 6,7%.
- Các khoản vay bằng EUR: Từ 1% đến 3,03%.
- Các khoản vay bằng VND: Từ 8,6% tới 10,5%.

Các khoản nợ thuê tài chính

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Citibank	10.366.357.326.554	11.914.382.411.578
Tập đoàn ING	2.609.453.891.772	11.834.176.637.004
Ngân hàng Credit Agricole	2.173.476.703.926	3.724.349.288.555
Ngân hàng JP Morgan Chase	2.143.696.988.852	2.465.583.917.081
Ngân hàng HSBC	10.730.185.325.943	2.525.551.804.710
Ngân hàng DVB	2.189.206.250.002	2.351.181.110.009
Công ty TNHH Viettel - CHT	-	232.787.269
	30.212.376.487.049	34.815.457.956.206

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	5.420.513.765.100	774.251.078.605	4.646.262.686.495
Trong vòng 2 đến 5 năm	16.943.552.391.806	1.882.165.046.565	15.061.387.345.241
Sau 5 năm	11.101.187.326.734	596.460.871.421	10.504.726.455.313
	33.465.253.483.640	3.252.876.996.591	30.212.376.487.049

Ngày 1 tháng 1 năm 2017

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	5.223.462.264.034	647.179.754.300	4.576.282.509.734
Trong vòng 2 đến 5 năm	17.996.474.388.971	1.627.913.102.574	16.368.561.286.397
Sau 5 năm	14.491.744.589.001	621.130.428.926	13.870.614.160.075
	37.711.681.242.006	2.896.223.285.800	34.815.457.956.206

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ có số dư xấp xỉ 1.328 triệu USD (1/1/2017: 1.529 triệu USD).

Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự phòng phải trả cho Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội (*)	20.339.407.446	40.339.407.446
Dự phòng phải trả khác	8.521.000.000	1.361.800.000
	28.860.407.446	41.701.207.446

(*) Ngày 16 tháng 10 năm 2008, Kho Xăng dầu Hàng không Liên Chiểu tại Thành phố Đà Nẵng của Xí nghiệp Xăng dầu Hàng không Miền Trung (đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (SKYPEC) – Công ty con của Tổng Công ty) bị sạt lở gây ra thiệt hại về tài sản cho SKYPEC và Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội (đơn vị gửi hàng tại kho Xăng dầu Hàng không Liên Chiểu).

Căn cứ vào Bản án số 151/2010/KDTM-ST ngày 6 tháng 12 năm 2010 và Bản án số 05/2014/KDTM-ST ngày 27 tháng 2 năm 2014 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, SKYPEC đã trích lập dự phòng phải trả cho Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội số tiền tương ứng với phần hàng hóa của Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội gửi tại kho Xăng dầu Hàng không Liên Chiểu là 40.339.407.446 VND và ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ 9 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Bản án phúc thẩm số 181/2016/KDTM-PT ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đưa ra quyết định SKYPEC phải bồi thường cho Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội theo như đã nêu trong bản án sơ thẩm số 05/2014/KDTM-ST ngày 27 tháng 2 năm 2014 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội.

Trong năm 2017, theo Bản án của Tòa án, SKYPEC đã trả cho Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội 20 tỷ VND và ghi giảm khoản dự phòng phải trả ngắn hạn tương ứng.

Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (*) VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	11.198.648.400.000	36.493.938.542	158.188.957.570	(1.153.004.222.954)	190.743.186.933	103.642.172.417	1.068.628.929.237	2.024.298.861	65.279.379.622	11.670.645.040.228
Phát hành cổ phiếu	1.076.689.380.000	1.184.358.317.999	-	-	-	-	-	-	-	2.261.047.697.999
Tăng vốn trong năm	-	-	83.166.280.257	-	-	(82.192.149.269)	-	-	(974.130.988)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	2.054.563.627.762	2.054.563.627.762
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(169.696.300.876)	(169.696.300.876)
Ảnh hưởng của giao dịch tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(11.349.863.408)	(11.349.863.408)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ (Thuyết minh 3(b))	-	-	-	-	13.666.857.421	-	-	-	-	13.666.857.421
Điều chỉnh theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	55.930.035.158	55.930.035.158
Chuyển lợi nhuận sau thuế phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa về Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	(174.129.922.303)	(174.129.922.303)
Biến động khác	-	-	-	-	464.932.508	(2.859.001)	-	-	(18.534.681.091)	(18.072.607.584)
Số dư tại ngày 1/1/2017	12.275.337.780.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	204.874.976.862	21.447.164.147	1.068.628.929.237	2.024.298.861	1.801.088.143.876	15.682.604.564.397
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	2.370.500.548.767	2.370.500.548.767
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(547.482.414.773)	(547.482.414.773)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	-	-	(736.520.266.800)	(736.520.266.800)
Ảnh hưởng của giao dịch thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	138.903.562	138.903.562
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ (Thuyết minh 3(b)(ii))	-	-	-	-	4.806.655.949	-	-	-	-	4.806.655.949
Điều chỉnh do quyết toán quỹ lương	-	-	-	-	-	-	-	-	19.129.954.166	19.129.954.166
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	765.419.432	765.419.432
Số dư tại ngày 31/12/2017	12.275.337.780.000	1.220.852.256.541	241.355.237.827	(1.153.004.222.954)	209.681.632.811	21.447.164.147	1.068.628.929.237	2.024.298.861	2.907.620.288.230	16.793.943.364.700

Biến động lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày tại Thuyết minh số 27. Thuyết minh số 27 cần được đọc cùng với thuyết minh này để có đầy đủ thông tin về biến động vốn chủ sở hữu.

(*) Theo biên bản kiểm tra quyết toán chi phí cổ phần hóa, chi phí lao động dôi dư, xác định lại giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi sở hữu giữa Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính và Tổng Công ty ngày 4 tháng 10 năm 2016, Tổng Công ty được phép giữ lại số dư Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp để cổ đông Nhà nước thực hiện nghĩa vụ mua cổ phiếu phát hành thêm của Tổng Công ty khi doanh nghiệp thực hiện phương án tăng vốn điều lệ.

Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.227.533.778	12.275.337.780.000	1.227.533.778	12.275.337.780.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.227.533.778	12.275.337.780.000	1.227.533.778	12.275.337.780.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.227.533.778	12.275.337.780.000	1.227.533.778	12.275.337.780.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi ngày 8 tháng 7 năm 2016, tổng vốn cổ phần của Tổng Công ty là 12.275.337.780.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn cổ phần đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp tại ngày 31/12/2017 VND
Cổ đông Nhà nước	1.057.638.000	86,16	10.576.380.000.000
Tập đoàn Hàng không Nhật Bản ANA Holding Inc (ANA)	107.668.938	8,77	1.076.689.380.000
Các cổ đông khác	62.226.840	5,07	622.268.400.000
	1.227.533.778	100,00	12.275.337.780.000

Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 20 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 736.520 triệu VND (600 VND trên một cổ phiếu) (Năm 2016: Không).

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	562.039.355.295	471.746.481.072
Tăng vốn trong năm	60.246.920.000	306.394.066.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.428.945.832	-
Lợi nhuận thuần trong năm	288.612.715.290	50.673.466.935
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(19.180.839.436)	(17.512.212.671)
Cổ tức	(257.875.790.938)	(254.836.408.782)
Ảnh hưởng của giao dịch tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con	(138.903.562)	11.349.863.408
Biến động khác	2.843.956.349	(5.775.900.667)
Số dư cuối năm	638.976.358.830	562.039.355.295

Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng 1 năm	9.670.241.820.099	9.247.340.564.654
Trong vòng 2 đến 5 năm	51.973.059.216.731	31.893.640.532.417
Sau 5 năm	87.156.676.823.302	66.302.311.637.580
	148.799.977.860.132	107.443.292.734.651

Các tài sản thuê hoạt động tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm các máy bay và động cơ sau:

- Máy bay A350: 10 chiếc thuê khô.
- Aircraft A330: 5 chiếc thuê khô.
- Aircraft A321: 17 chiếc thuê khô và 1 chiếc thuê ướt.
- Aircraft A320: 20 chiếc thuê khô.
- Aircraft ATR72: 4 chiếc thuê khô.
- Aircraft B787: 4 chiếc thuê khô.
- Động cơ thuê dài hạn: 6 chiếc gồm P735095 (A330), ESN-V16989 (A321), ESN-V17037 (A321), ESN-V17365 (A321), 21024 (A350) và 21088 (A350).
- Động cơ thuê ngắn hạn: 9 chiếc gồm V10123 (A320), V13184 (A320), P733319 (A330), P733396 (A330), P733339 (A330), V12178 (A321), V13120 (A321), V15191 (A321) và 956102 (B787).

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Úc (AUD)	1.772.740	31.524.638.799	390.839	6.448.066.606
Đô la Canada (CAD)	218.989	3.986.475.756	245.257	4.149.014.022
Đô la Hồng Kong (KHD)	6.089.161	17.822.974.247	1.168.285	3.431.252.076
Yên Nhật (JPY)	303.658.763	61.339.070.126	240.677.160	47.172.723.360
Won Hàn Quốc (KRW)	3.407.327.067	74.756.755.850	2.871.080.857	54.349.560.623
Ringit Malaysia (MYR)	553.576	3.118.847.184	2.186.188	11.108.019.246
Rúp Nga (RUB)	11.911.200	5.229.016.800	14.613.561	5.553.153.146
Đô la Singapore (SGD)	978.422	16.706.548.820	2.273.137	35.867.829.039
Bạt Thái Lan (THB)	12.377.702	8.773.956.388	44.771.529	28.474.692.310
Đô la Đài Loan (TWD)	6.549.112	5.004.634.644	5.415.353	3.834.069.924
Đô la Mỹ (USD)	29.471.563	670.330.690.884	19.508.474	444.110.410.609
Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY)	17.782.500	61.740.839.375	28.270.500	92.670.697.787
Kíp Lào (LAK)	1.920.116	5.760.348	576.000	1.728.000
Bảng Anh (GBP)	297.348	9.116.689.680	430.422	12.054.407.494
Euro (EUR)	3.226.805	88.020.782.426	3.986.386	95.972.243.914
Rupiah Indonesia (IDR)	2.589.039.404	4.246.024.623	5.193.249.616	8.776.591.851
Đô la Niu Di-lân (NZD)	9.209	148.660.887	-	-
		1.061.872.366.837		853.974.460.007

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	99.580.276.201	99.435.847.405

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
● Vận tải hàng không (*)	68.928.593.247.903	60.051.753.405.177
● Hoạt động phụ trợ vận tải	4.255.274.908.279	3.678.887.611.069
● Bán hàng	9.529.148.042.545	5.851.874.816.721
● Khác	840.696.902.086	988.972.489.897
	83.553.713.100.813	70.571.488.322.864
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
● Chiết khấu thương mại	(602.364.496.468)	(482.169.059.268)
● Hàng bán bị trả lại	(378.109.072)	(345.412.274)
	(602.742.605.540)	(482.514.471.542)
Doanh thu thuần	82.950.970.495.273	70.088.973.851.322

(*) Doanh thu vận tải hành khách, hành lý trong năm bao gồm 922 tỷ VND là (i) giá trị toàn bộ vé (bao gồm vé thông thường, MCO, hành lý và YQ) bán trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã hết hạn nhưng khách hàng không sử dụng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017; và (ii) vé có điều kiện hạn chế bán trong năm hoạt động nhưng không sử dụng (2016: 646 tỷ VND).

Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	206.952.840.258	134.982.473.755
Cổ tức, lợi nhuận được chia	112.821.650.393	20.662.409.999
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	583.791.190.748	718.754.725.934
Lãi do chuyển nhượng vốn góp	-	22.865.342.896
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.079.589.462	2.577.883.493
	906.645.270.861	899.842.836.077

Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	1.558.118.623.739	1.365.427.620.435
Chi phí liên quan đến hợp đồng vay dài hạn, vay thuê tài chính	291.742.779.835	299.970.810.256
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	446.163.828.869	1.384.092.339.963
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(6.862.611.437)	(4.787.210.349)
Chi phí tài chính khác	4.551.711.475	4.714.288.431
	2.293.714.332.481	3.049.417.848.736

Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	681.890.575.816	704.660.358.177
Chi phí hoa hồng	604.456.582.875	635.756.618.366
Chi phí đặt vé giữ chỗ	1.524.146.275.503	1.460.945.604.393
Chi phí bán hàng khác	2.064.455.977.867	1.654.891.412.543
	4.874.949.412.061	4.456.253.993.479

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	1.082.978.392.446	974.074.910.140
Chi phí thuế	372.902.414.104	412.550.988.695
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	867.294.732.608	858.152.797.277
	2.323.175.539.158	2.244.778.696.112

Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	15.435.104.220	294.335.618.797
Thu nhập từ nhượng bán quyền mua máy bay	771.653.717.102	77.444.505.707
Thu phạt hợp đồng	75.238.108.897	60.937.677.058
Thu từ bồi thường bảo hiểm	16.635.335.832	37.633.863.247
Quỹ bảo dưỡng của máy bay thuê nhận được	113.068.338.576	-
Các khoản khác	132.528.016.496	108.024.434.105
	1.124.558.621.123	578.376.098.914

Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	28.708.818.203.926	21.239.887.669.048
Chi phí nhân công	8.838.486.562.714	8.283.381.263.333
Chi phí khấu hao	5.192.580.322.457	5.218.292.501.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.066.420.015.629	29.715.010.856.963
Trong đó:		
* Chi phí sửa chữa động cơ, máy bay	7.759.422.207.086	5.767.006.393.201
* Chi phí thuê máy bay	12.593.301.128.656	10.753.029.752.594
* Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	14.713.696.679.887	13.194.974.711.168
Chi phí khác	1.670.116.180.474	1.507.558.561.681

Thuế thu nhập

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	470.792.028.036	339.334.308.784
Dự phòng thiếu trong những năm trước	585.583.843	1.334.705.319
	<hr/>	<hr/>
	471.377.611.879	340.669.014.103
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	23.268.170.339	153.047.331.002
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	18.879.425	(486.471.339)
Ghi giảm/hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	981.562.117	2.114.876.970
	<hr/>	<hr/>
	24.268.611.881	154.675.736.633
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	495.646.223.760	495.344.750.736

Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.154.759.487.817	2.600.581.845.433
	<hr/>	<hr/>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chênh lệch tỷ giá năm trước thực hiện trong năm	215.915.969.536	500.418.172.358
Chi phí không được khấu trừ	25.023.628.886	39.489.956.975
Thu nhập không chịu thuế	(113.424.650.193)	(22.296.136.174)
Chênh lệch tỷ giá năm nay chưa thực hiện	(232.537.592.647)	(219.576.191.386)
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	(52.088.860.145)	(38.541.349.638)
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết	19.861.652.419	(74.777.582.856)
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	(118.366.548.976)	(776.895.004.123)
Điều chỉnh khác	(1.306.215.137)	(153.173.515)
Lỗi tính thuế được sử dụng trong năm	(848.485.935.036)	(1.250.179.226.246)
Lỗi tính thuế chưa được sử dụng trong năm	252.520.343.506	900.016.528.384
	<hr/>	<hr/>
Thu nhập chịu thuế	2.301.871.280.030	1.658.087.839.212
Thuế suất	20%	20%
	<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	460.374.256.006	331.617.567.842
Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm	24.268.611.881	154.675.736.633
Chi phí thuế hợp đồng hợp tác kinh doanh	10.417.772.030	7.716.740.942
Dự phòng thiếu của các năm trước	585.583.843	1.334.705.319
	<hr/>	<hr/>
	495.646.223.760	495.344.750.736

Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	2.370.500.548.767	2.054.563.627.762
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(80.257.184.944)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.370.500.548.767	1.974.306.442.818

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa có quyết định về số lợi nhuận thuần được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017	2016
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	1.227.533.778	1.119.864.840
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu phổ thông ngày 8 tháng 7 năm 2016	-	51.917.077
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	1.227.533.778	1.171.781.917

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Cổ tức, lợi nhuận nhận được trong năm		
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	76.706.669.192	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	16.055.234.000	13.024.860.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	2.731.050.000	4.337.550.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty liên kết		
Hãng hàng không Cambodia Angkor Air	448.381.589.536	494.231.429.361
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng	61.178.385	428.583.000
Mua hàng, sử dụng dịch vụ		
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	174.261.423.790	305.109.909.059
Công ty Cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không	-	848.636.910
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty	16.238.016.000	11.090.820.000
Tiền lương và thưởng		

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người lập:



Hồ Xuân Tam
Ban Tài chính Kế toán
Hà Nội, ngày 26-03-2018

Người duyệt:



Trần Thanh Hiền
Kế toán trưởng

Dương Trí Thành
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG

TRỤ SỞ CHÍNH

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM – CTCP (VIETNAM AIRLINES)

Địa chỉ: 200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam

- **Trung tâm chăm sóc khách hàng tại Việt Nam**
(hoạt động 24/7):
 - Gọi trong lãnh thổ Việt Nam: 1900 1100
 - Gọi từ nước ngoài về Việt Nam: (+84.24) 3832 0320
 - Email: telesales@vietnamairlines.com
- **Trung tâm chăm sóc Hội viên Bông Sen Vàng**
(hoạt động 24/7):
 - Gọi trong lãnh thổ Việt Nam: 1900 1800
 - Gọi từ nước ngoài về Việt Nam: (+84.24) 3832 0320
 - Email: lotusmiles@vietnamairlines.com

CÁC CHI NHÁNH TRONG NƯỚC

CHI NHÁNH VIETNAM AIRLINES KHU VỰC MIỀN BẮC

Địa chỉ: 25 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

ĐT: (+84.24) 6270 0200 | Fax: (+84.24) 3934 9636

E-mail: vpkvmb@vietnamairlines.com

CHI NHÁNH VIETNAM AIRLINES KHU VỰC MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 27 Điện Biên Phủ, Đà Nẵng.

ĐT: (+84.236) 382 1130 / 826 465 | Fax: (+84.236) 383 2759

E-mail: reservation.mro@vietnamairlines.com

CHI NHÁNH VIETNAM AIRLINES KHU VỰC MIỀN NAM

Địa chỉ: 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM

ĐT: (+84-28) 3844 6667 | Fax: (+84-28) 3848 5312

Email: telesales.sro@vietnamairlines.com

CÔNG TY BAY DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG (VASCO)

Địa chỉ: Số B114, đường Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM

TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN BAY

Địa chỉ: Số 117 đường Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

1. CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÁY BAY (VAECO)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, Sóc Sơn, Hà Nội

ĐT: (+84.24) 3884-9657 | Fax: (+84.24) 3886-5532

Web: vaeco.com.vn

2. CÔNG TY TNHH MTV NHIÊN LIỆU HÀNG KHÔNG VIỆT NAM (SKYPEC)

Địa chỉ: 202 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, TP. Hà Nội

ĐT: (+84.24) 3827 2316 | Fax: (+84.24) 3827 2317

Email: skypec@skypec.com.vn | Web: www.skypec.com.vn

3. CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ MẶT ĐẤT SÂN BAY VIỆT NAM (VIAGS)

Địa chỉ: Số 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.

ĐT: (+84.28) 3547 22 88 | Fax: (+84.28) 3547 11 88

Email: vanthu.viags@vietnamairlines.com

Web: www.viags.com.vn

4. CÔNG TY TNHH MTV SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM (VACS)

Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP.HCM

ĐT: (+84.28) 3844 8367 | Fax: (+84.28) 3844 6719

E-mail: vncxcater@vnn.vn

Web: www.vnaircaterers.com

5. CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VÀ VIỄN THÔNG HÀNG KHÔNG (AITS)

Địa chỉ: 414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, TP. Hà Nội

6. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY NỘI BÀI (NASCO)

Sân bay Nội Bài, huyện Sóc Sơn, Hà Nội

ĐT: (+84.24) 3886 5457/ 3884 0085

Fax: (+84.24) 3886 5555

E-mail: nasco-khkd@fpt.vn

7. CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG (AIRIMEX)

414 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, Hà Nội

ĐT: (+84.28) 3877 0265 / 3877 0266

Fax: (+84.28) 3827 1925 / 3772 3439

E-mail: arimex@fpt.vn

8. CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG JETSTAR PACIFIC (JPA)

Địa chỉ: 112 Hồng Hà, P.2, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.
Tel: (+84.28) 3845 0092 | Fax: (+84.28) 3845 0085
Web: www.jetstar.com

9. HÃNG HÀNG KHÔNG CAMBODIA ANGKOR AIR

Địa chỉ: #206 Preah Norodon Blvd - Phnom Penh - Cambodia

10. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO BAY VIỆT (VFT)

Địa chỉ: 117V Hồng Hà, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM
ĐT: (+84.28) 3547 0916 | Fax: (+84.28) 3547 0920.
Hotline: (+84) 90 532 5860
Email: vft@bayviet.com.vn | Web: www.bayviet.com.vn

11. CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG XUẤT NHẬP KHẨU LAO ĐỘNG HÀNG KHÔNG (ALSIMEXCO)

Địa chỉ: Số 1 Ngõ 200/10 Nguyễn Sơn - Bồ Đề - Long Biên - Hà Nội
ĐT: (+84.24) 3827 1993 / 3873 2383
Fax: (+84.24) 3873 0624
E-mail: business@alsimexco.vn | Web: alsimexco.vn

12. CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIAO NHẬN HÀNG HÓA TÂN SƠN NHẤT (TECS)

Địa chỉ: 06 Thăng Long, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam
ĐT: (+84.28) 3811 0633 / 3811 0678
Fax: (+84.28) 3811 5522 | Email: contactus@tecs.com.vn

13. CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ MÁY BAY VIỆT NAM (VALC)

Địa chỉ: Tầng 14, Tháp A Vincom, Số 191 Bà Triệu, Hà Nội, Việt Nam.
ĐT: (+84.24) 35 77 22 25 | Fax: (+84.24) 35 77 22 70
Email: info@valc.com.vn | Web: www.valc.com.vn

14. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Đà Nẵng, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
ĐT: (+84 511) 383 0340 | Fax: (+84 511) 382 6133
Email: masco@masco.com.vn

15. CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN HÀNG KHÔNG NỘI BÀI (NCS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, Hà Nội
ĐT: (+84.24) 3886 5577 | Fax: (+84.24) 3884 0199
E-mail: nbcatering@hn.vnn.vn

16. CÔNG TY CỔ PHẦN SABRE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Đệ nhất, số 53 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
ĐT: (+84.24) 39431975 | Fax: (+84.24) 39431972
Email: hannmc@sabretn.com.vn
Website: www.sabretn.com.vn

17. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA TÂN SƠN NHẤT (TCS)

Địa chỉ: Sân bay Tân Sơn Nhất, Quận Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (+84.28) 3848 6489 | Fax: (+84.28) 3842 7944

18. CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN HÀNG HÓA (VINAKO)

Địa chỉ: 4 Trường Sơn, phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
ĐT: (+84.28) 3844 6252 / 3848 5353
Fax: (+84.28) 3848 5353
E-mail: vinako.fwd@hcm.vnn.vn

19. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI (NCTS)

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.
ĐT: (+84.28) 3 5840905 | Fax: (+84.28) 3 5840906
E-mail: operation@noi.baicargo.com.vn

20. CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA CAO CẤP HÀNG KHÔNG

Địa chỉ: Sân bay Gia Lâm, Đường Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Hà Nội

CÁC CHI NHÁNH VIETNAM AIRLINES NƯỚC NGOÀI

1. ANH

* Địa chỉ: 11-13 Lower Grosvenor Place, SW1W 0EX, London, UK

2. CAMPUCHIA

* Phnompenh: No 41, 214 Samdech Pan Str., Phnompenh, Kingdom of Cambodia.
* Siem Reap: No 342, Road 6 Khum Svay Dangcum Srok Siem Reap, Kingdom of Cambodia

3. CANADA

* Địa chỉ: 1166 Alberni Street, Suite 1006 Vancouver, BC V6E3Z3, Canada

4. ĐÀI LOAN

* Đài Loan: 5F, 59 Sung Chiang Road, Taiwan
* Cao Hùng: 3F-6, No.56, Min-sheng 1St, Rd, Kaoshiung City, Taiwan

5. ĐỨC

* Địa chỉ: Rossmarkt 5, D-60311 Frankfurt am Main, Germany

6. HÀN QUỐC

* Seoul: Soon Hwa Bldg., 9th Floor, 89 Seosomun-ro, Jung-Gu, Seoul, Korea
* Pusan: #704, Korean Teacher's Mutual Fund Bldg. 192 Chungangdaero, Dong-Gu, Pusan, Korea

7. HONGKONG

* Địa chỉ: Suite 1004, 10th Floor, Tower One Lippo Center, No 89 Queensway, Hongkong

8. LÀO

* Vientiane: 63 Samsenthai Road, Lao Plaza Hotel 1st Floor - Vientiane
* Luang Prabang: Luang Prabang Airport, Lao P.D.R

9. LIÊN BANG NGA

* Địa chỉ: Bld. 1, 3rd Frunzenskaya, Moscow, 119270, Russia

10. MALAYSIA

* Địa chỉ: Suite 05, Level 5 Menara Hap Seng, Jalan P.Ramlee, 50250 Kuala Lumpur, Malaysia

11. MỸ

* Địa chỉ: 88 Kearny Str, Suite 1400, San Francisco, California 94108, USA

12. MYANMAR

* Địa chỉ: #1702, Sakura Tower 339, Bogyoke Aung San Road, Kyauktada Township, Yangon, Myanmar

13. NHẬT BẢN

* Tokyo: Daido Seimei Kasumigaseki Bldg., 6F 1-4-2 Kasumigaseki, Chiyoda-ku, Tokyo 100-0013, Japan
* Osaka: Midousuji Diamond Bldg., 6F 2-1-3 Nishi Shinsaibashi, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 542-0086, Japan
* Fukuoka: City 15 Bldg., 1-8-36 Hakataekiminami, Hakata-ku, Fukuoka 812-0016, Japan
* Nagoya: Ohashi BLDG. 10F 3-25-3 Meieki, Nakamura-ku, Nagoya 450-0002-Japan

14. PHÁP

* Địa chỉ: 51-53, avenue des Champs- Elysées, 75008 Paris, France

15. SINGAPORE

* Địa chỉ: 260 Orchard Rd, #08-08 The Heeren Singapore 229921, Singapore

16. THÁI LAN

* Địa chỉ: 10th Floor, Wave Place Buiding, 55 Wireless Rd. Lumpinee Patumwan Bangkok 10330, Thailand

17. ÚC

* Sydney: Level 25, St. Martins Tower, Suite 25.03, 31 Market Street, Sydney, NSW 2000, Australia.
* Melbourne: 350 Collins Street, Melbourne, Victoria 3000, Australia

18. TRUNG QUỐC

* Bắc Kinh: Unit 1703A, Tower F, Phoenix Place, 5A Shuguang Xili, Chaoyang District, Beijing 100028, China.
* Thượng Hải: Phòng 1605, Tòa nhà Imago số 99 phố Wu Ning, Thành phố Thượng Hải, Trung Quốc
* Quảng Châu: Room 954-955, Garden Hotel Tower, 368 Huanshi Dong Lu, Quangzhou, 510064
* Thành Đô: 1919#Western Tower, 19th South Renmin Road Sec4, Chengdu, China.

19. INDONESIA

* Địa chỉ: Wisma Tamara Lt.8 # 868, Jl. Jend. Surdiman Kav. 24, Jakarta 12920 Indonesia







☎ 1900 1100

🌐 www.vietnamairlines.com